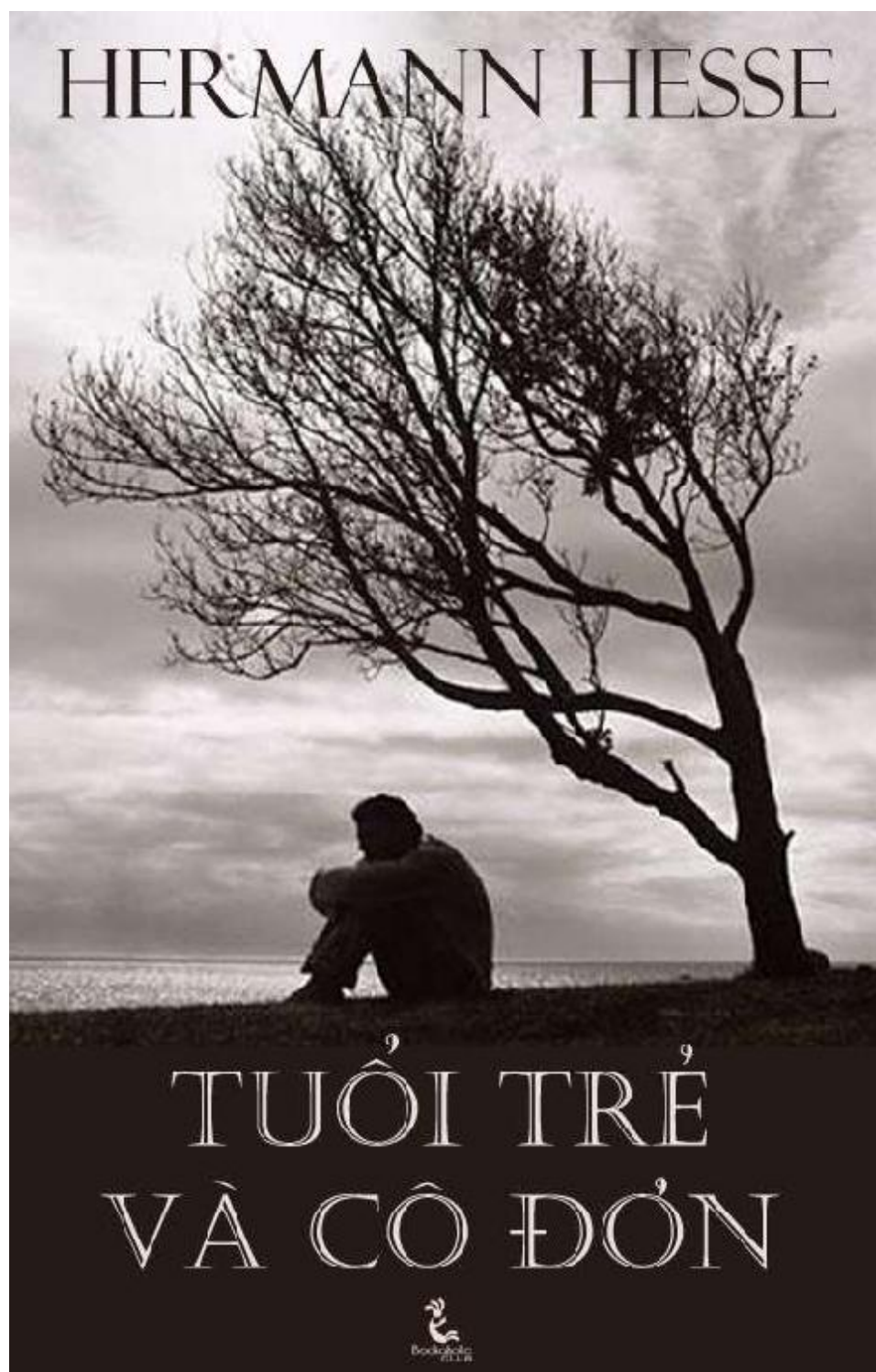


HERMANN HESSE



TUỔI TRẺ
VÀ CÔ ĐƠN



Bạn đang đọc ebook **TUỔI TRẺ VÀ CÔ ĐƠN** của tác giả **Hermann Hesse** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến ấn phẩm sách.



Tên sách: **TUỔI TRẺ VÀ CÔ ĐƠN**

Tác giả: **Hermann Hesse**

Nguyên tác: PETER CAMENZIND

Dịch giả: Vũ Đình Lưu
Nhà xuất bản: Ca Dao
Năm xuất bản: 1968
Số trang: 203
Giá tiền: --
Khổ: 13x19 cm

Đánh máy: [Minh Huy](#), [Bùi Trang](#), [Lê Trang](#), [Vân Anh](#)
Kiểm tra: [Hannah Lê](#)
Chế bản ebook: [Hannah Lê](#)
Ngày thực hiện: 6/6/2010
Making Ebook Project #44 – www.BookaholicClub.com



Hermann Hesse

(02/7/1877 - 09/8/1962)

Giải Nobel Văn học 1946

Nhà văn, nhà thơ Đức quốc tịch Thụy Sĩ

Nơi sinh: Calw (Đức)

Nơi mất: Montagnola (Thụy Sĩ)

Hermann Hesse là một trong những nhà văn hiện đại viết tiếng Đức được đọc nhiều nhất trên thế giới. Ông được tặng giải Nobel vì những tác phẩm mang đậm truyền thống nhân đạo cổ điển, thể hiện bằng một văn phong sáng tỏ. Nhiều tác phẩm của ông được cả bạn đọc Phương Tây lẫn Phương Đông yêu thích.

Cha Hermann Hess là mục sư - nhà truyền giáo người Đức gốc Estonia, mẹ là con gái nhà truyền giáo gốc Schwaben (Thụy Sĩ); ông lớn lên ở Đông Ấn. Nền giáo dục tôn giáo và tính di truyền đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự hình thành nhân sinh quan của nhà văn

tương lai. Nhưng H. Hesse không theo nghiệp thần học, trốn khỏi chủng viện Maulbronn (1892); sau nhiều đợt khủng hoảng thần kinh lặp đi lặp lại, sau một lần toan tự tử và trải qua điều trị trong các bệnh viện, ông học nghề thợ cơ khí một thời gian ngắn, rồi buôn sách ở Kalva và Basel.

Năm 1899, H. Hesse phát hành tập thơ đầu tiên Những bài ca lãng mạn và viết nhiều bài phê bình, nhưng ít được chú ý. Tiểu thuyết tân lãng mạn giáo huấn Peter Camenzind (1904) là sự thành công mang tính nghề nghiệp đầu tiên; từ đó H. Hesse hoàn toàn cống hiến cho sự nghiệp sáng tác văn học, chủ yếu viết truyện vừa và truyện ngắn với những yếu tố mang tính tự thuật. Cũng trong năm 1904 H. Hesse kết hôn với cô Mari Bernoulli người Thụy Sĩ (có ba con trai) và chuyển đến Gaienhofen, một vùng hẻo lánh ở Bodensee.

Năm 1924, ông trở thành công dân Thụy Sĩ. Sau khi kết hôn lần thứ hai với ca sĩ Ruth Wenger người Thụy Sĩ, và sau một khóa tâm lý trị liệu, ông xuất bản tiểu thuyết Sói đồng hoang (1927), một cuốn sách thuộc hàng best-seller.

Tiểu thuyết Trò chơi với chuỗi hạt cườm (xuất bản năm 1943) như một bản tổng hợp toàn bộ sự nghiệp sáng tác của ông và nâng lên một tầm cao chưa từng thấy vấn đề sự dung hòa đời sống tinh thần và thể tục. Trong thời kì đảng Quốc xã cầm quyền ở Đức, nhà văn sống "lưu vong" ngay trên đất nước mình. Ông được trao giải Nobel Văn học năm 1946.

Kể từ sau khi nhận giải ông không viết thêm được tác phẩm nào lớn, ngoài các tiểu luận, thư từ. Năm 85 tuổi ông mất khi đang ngủ vì xuất huyết não. Nhiều tác phẩm của H. Hesse đã được dịch sang tiếng Việt; có cuốn có đến hai ba bản dịch khác nhau; có cuốn được tái bản đến năm sáu lần.

*** Tác phẩm:**

- Peter Camenzind (1904), tiểu thuyết.
- Dưới bánh xe lăn (Unterm Rad, 1906), tiểu thuyết.
- Gertrud (1910), tiểu thuyết.

- Rosshalde (1914), tiểu thuyết.
- Knulp (1915), truyện vừa.
- Demian (1917), tiểu thuyết.
- Mùa hạ cuối cùng của Klingsors (Klingsors letzter Sommer, 1918), truyện vừa [Klingsor's last summer].
- Siddhartha. Bản trường ca Ấn Độ (Siddhartha. Eine Indische Dichtung, 1920), tiểu thuyết.
- Thơ (Gedichte, 1922), tập thơ.
- Từ Ấn Độ (Aus Indien, 1923), kí, thơ.
- Sói đồng hoang (Der Steppenwolf, 1927), tiểu thuyết.
- Narziss và Goldmund (Narziss und Goldmund, 1929), tiểu thuyết.
- Đêm an ủi (Trost der Nacht, 1929), thơ.
- Hành trình về Phương Đông (Die Morgenlandfahrt, 1932), tiểu thuyết [The journey to the East].
- Trò chơi với chuỗi hạt cườm (Das Glasperlenspiel, 1943), tiểu thuyết.
- Chiến tranh và hòa bình (Krieg und Frieden, 1946), kí [War and peace].

*** Tác phẩm đã dịch ra tiếng Việt:**

- Một kiếp giang hồ, Võ Toàn dịch, tập san Văn, 1966.
- Đôi bạn chân tình (nguyên tác: Narziss und Goldmund, tiểu thuyết), Vũ Đình Lưu dịch, NXB Ca Dao, 1967; NXB Hội Nhà văn, 2001.
- Tuổi trẻ và cô đơn (nguyên tác: Peter Camenzind, tiểu thuyết), Vũ Đình Lưu dịch, NXB Ca Dao, 1968; 1972.
- Sói đồng hoang (truyện vừa), Chơn Hạnh - Phùng Thăng dịch từ bản tiếng Pháp Le loup des steppes, NXB Ca Dao, 1969.
- Tuổi trẻ thần tiên (nguyên tác: Schön ist die Jugend), Bùi Quang Đông dịch, NXB Bông Hồng, 1972.

- Tuồng ảo hóa (nguyên tác: Das Glasperlenspiel), Nguyễn Ngọc Minh dịch, NXB Nguồn Sáng, 1972.

- Nhà khô hạnh và gã lang thang (nguyên tác: Narziss und Goldmund, tiểu thuyết), Phùng Khánh dịch, NXB Hội Nhà Văn, 1994; 1998 và 2001.

- Narcisse và Goldmud (tiểu thuyết), Viễn Nguyên dịch, NXB Lao Động, 2001.

- Câu chuyện của dòng sông (nguyên tác: Siddhartha, tiểu thuyết), Phùng Khánh - Phùng Thăng dịch, NXB An Tiêm, 1967; NXB Lá Bối, 1965-1966; NXB Hội Nhà Văn, 1988-1996-1998-2001.

- Huệ tím và những chuyện khác (nguyên tác: Iris und andere Märchen), Thái Kim Lan tuyển dịch, NXB Đà Nẵng, 1998.

- Tuổi trẻ bán khoản (nguyên tác: Demian, tiểu thuyết), Hoài Khanh dịch, NXB Ca Dao, 1968-1971-1974; NXB Hội Nhà Văn, 1998.

- Hành trình sang Đông Phương (nguyên tác: Die Morgenlandfahrt, bút kí), Hoài Khanh dịch, NXB Ca Dao, 1967; NXB Hội Nhà Văn, 2001.

- Mối tình của chàng nhạc sĩ (nguyên tác: Gertrud, tiểu thuyết), Vũ Đăng dịch, NXB Ca dao, 1972; NXB Hội Nhà Văn, 2001.

- Tuổi trẻ, tuổi trẻ vàng son, Trần Phong Giao - Hoàng Ứng dịch, in trong Truyện ngắn Đức, NXB Lao Động, 2002.

- Bài học tình yêu hay chuyện chàng Augustus, Iris - Huệ tím, Chuyện hóa thân của Bích Thảo (3 truyện cổ tích viết theo lối mới), Thái Kim Lan dịch, Tạp chí Văn học nước ngoài, số 3 năm 1998.

GIỚI THIỆU NỘI DUNG

Tuổi trẻ và cô đơn là cuốn tiểu thuyết đầu tay của Hermann Hesse được xuất bản năm 1904.

Cuốn tiểu thuyết được bắt đầu bằng những dòng chữ: *“Từ buổi thái sơ đã có huyền tượng. Thần linh muốn lên tiếng đã làm cho huyền tượng xuất hiện trong tâm hồn cổ lỗ của người Ấn Độ, người Hy Lạp, người Đức, và mỗi ngày lại tái tạo huyền tượng trong tâm hồn trẻ con.”* Cuốn tiểu thuyết là những áng thơ và nhân vật chính trong truyện cũng khát khao trở thành một nhà thơ, nguyện dâng hiến cả cuộc đời mình để tạo nên những vần thơ tuyệt đẹp. Đọc **Tuổi trẻ và cô đơn** khiến ta nhớ đến những nhân vật chính khác trong các tác phẩm của Hermann Hesse như Siddharta (tác phẩm Siddharta), Goldmund (tác phẩm Đôi bạn chân tình) và Harry Haller (tác phẩm Sói Đồng Hoang). Cũng giống như những nhân vật trên, nhân vật chính trong **Tuổi trẻ và cô đơn** – Peter Camenzind - đã trải qua những cuộc hành trình và chịu đựng rất nhiều những đau đớn đến cùng cực về trí tuệ, về thể xác cũng như về tâm hồn. Trong cuộc hành trình của mình, anh đã đặt chân đến những nơi danh lam thắng cảnh khác nhau trên đất Đức, đất Ý, đất Pháp và đất Thụy Sĩ. Anh cũng trải nghiệm qua rất nhiều cung bậc cảm xúc rất khác nhau mà loài người thể hiện qua những bước thăng trầm trong cuộc đời mình. Trong những tháng ngày gần cuối cuộc đời, anh là một mẫu người lý tưởng hiện thân cho Thánh Francis khi anh kết bạn và chăm sóc cho một người què chân.

Peter Camenzind, khi còn trẻ, rời bỏ làng quê miền núi của mình mang theo một tham vọng lớn lao sẽ đặt chân đến mọi miền trên thế giới và trở thành một trong những kiều dân được phép cư trú trên mỗi vùng miền đất ấy. Đã từng trải qua niềm đau mất mẹ khi tuổi còn ấu thơ và ao ước được rời bỏ người cha nhẵn tâm, anh hướng mình thi đậu trường đại học. Trong quá trình học, anh đem lòng yêu Rosi Girtanner và trở thành một người bạn thân thiết của Richard. Quá đau buồn trước cái chết của Richard, anh lại lang thang chìm ngập vào những trải nghiệm khác nhau của cuộc sống.

Liên tục phải đối mặt với những thăng trầm của cuộc đời, anh lấy men rượu làm phương tiện để đương đầu với sự khắc nghiệt và những điều kỳ lạ không thể giải thích được của cuộc sống. Anh cũng gặp và đem lòng yêu Elizabeth, bất luận cô sẽ lấy một người khác làm chồng. Tuy nhiên, cuộc hành trình của anh ngang qua đất Ý đã làm thay đổi nhiều khía cạnh trong con người anh. Nó làm gia tăng khả năng yêu đời và khả năng nhìn nhận cái đẹp giữa muôn trùng sự vật của anh. Chỉ đến khi anh kết bạn với Boppi, một người khuyết tật, anh mới thực sự hiểu được ý nghĩa của lòng thương yêu giữa người với người. Lúc ấy, anh mới nhìn nhận được những hình thái cao quý nhất của tình người được phản chiếu hoàn mỹ qua con người của Boppi và qua những khó khăn mà hai người phải vượt qua để có với nhau một tình bạn không thể phai mờ. Sau khi Boppi chết, Peter Camenzind trở về làng và chăm sóc người cha đã có tuổi của mình, ngay cả khi anh đã lên kế hoạch hoàn thành công việc vĩ đại của đời mình.

Từ buổi thái sơ đã có huyền tượng. Thần linh muốn lên tiếng đã làm cho huyền tượng xuất hiện trong tâm hồn cổ lỗ người Ấn Độ, người Hy Lạp, người Đức, và mỗi ngày lại tái tạo huyền tượng trong tâm hồn trẻ con.

Tôi chưa biết tên cái hồ, rừng núi, con sông xứ sở tôi, nhưng tôi đã trông thấy làn nước phẳng lặng màu xanh và màu lam lấp lánh hàng ngàn tia sáng dưới mặt trời, xung quanh núi non lờm chờm như tuyết sáng chói, với những thác nhỏ trên khe núi cao, dưới chân chạy dài triền dốc tắm nắng và đồng cỏ lác đác cây ăn quả, nhà gỗ và bò xám xứ Alpes. Tâm hồn con trẻ của tôi còn trinh trắng và lặng lẽ, chờ đợi cuộc đời, đã in khắc chiến công rực rỡ và hiên hách của thần núi thần hồ. Sườn núi rắn chắc và bờ đá ven biển vừa giận dữ vừa kính cẩn nói đến những thời đã cấu tạo ra chúng mà dấu vết còn ghi lại trên mình chúng. Chúng nói đến những thời kỳ xa xôi, trái đất mang nặng đẻ đau trong rên xiết và quằn quại đã sinh ra ngọn núi sườn non. Từng khối đá khổng lồ găm như sấm vang, nhô lên, xông những mũi nhọn hoắt lên khoảng không vô hạn, vỡ ra rồi rơi xuống; những quả núi sinh đôi quyết liệt tranh dành nhau đất đứng, tranh dành cho đến khi một trái núi thắng thế, vươn mình lên đẩy người em song thai ngã dúi sang bên vỡ tan ra thành từng mảnh. Di tích của những thời kỳ xa xôi ấy là những khối đá nhọn bị xẻ nát, văng ra xa trong khi biến động; những khối đá ấy nằm trên bờ các hào sâu; mỗi dịp tuyết tan, nước đổ xuống kéo theo triền núi những tảng đá lớn, đập vỡ nát như miếng thủy tinh hay ném mạnh cho ngập sâu xuống đất mềm đồng cỏ.

Những đồng đá ấy nhắc đi nhắc lại một truyện từ ngàn xưa. Muốn hiểu chúng cũng không khó khăn gì, chỉ việc nhìn những cạnh dựng đứng, lớp nọ bị xô lên trên lớp kia, méo mó, nứt nẻ, đầy vết thương toang hoác. Chúng nó như muốn bảo rằng: “Chúng tôi đã chịu đựng những cuộc thử thách ghê gớm và chúng tôi còn chịu đựng nữa”. Nhưng ngôn ngữ của chúng chẳng chặc, nghiêm nghị, cương quyết như ngôn ngữ của người chiến sĩ đã bạc đầu với nợ kiếm cung mà không bao giờ chấm dứt sự nghiệp.

Chính thế, đây là những chiến sĩ. Tôi nhìn chúng vật lộn với nước non bão táp trong những đêm kinh hoàng báo trước mùa xuân, gió gầm dữ dội trên đầu thác cuốn đi từng tảng thịt nóng hổi bên sườn chúng. Trong những đêm ấy chúng vươn lên một cách thâm, bám chặt rễ xuống đất, nín hơi thở, nghiêng răng lại, đưa lưng và sườn phong sương ra chịu trận, gom hết sức lực lại để lên mặt thách đố. Mỗi lần bị thương chúng phần nộ bổi rồi gầm lên những tiếng vang dội ra xa mặt trở thành những điệu rên rỉ kinh hồn hoả điệu với những tiếng tám tức điên đại.

Và tôi trong thấy triền cỏ và dốc núi, hốc đá đất đã lấp đầy, trên phủ cỏ, hoa, rêu, những loại cây cỏ có tên gọi nôm na rất kỳ dị nhưng rất ý nghĩa. Những đứa con của núi rừng sống ngây thơ qua các thế hệ, chúng sống ở những nơi chúng lựa chọn, rực rỡ muôn ngàn màu sắc. Tôi mê mẩn, tôi ngắm nhìn, tôi ngửi hương thơm của thảo mộc, sơn khê và tìm hiểu tên gọi của chúng. Cây cỏ thụ gây cho tôi một ấn tượng nghiêm trang và sâu xa hơn. Tôi nhìn mãi cây sống cảnh đời biệt tích, mỗi vòm lá có hình thái cá biệt, bóng râm cũng không cây nào giống cây nào. Cây cối dưới mắt tôi hoá ra những thầy tu và những chiến sĩ, cuộc sống mật thiết với núi đồi, vì mỗi cây, nhất là những cây mọc trên cao, vật lộn lặng lẽ và dẻo dai với gió mưa và đá sỏi để sinh sống và tăng trưởng. Cây nào cũng phải mang gánh nặng lá cành, cây nào cũng phải đâm rễ chắc chắn xuống đất, sự cố gắng ấy đã tạo cho mỗi cây một hình thể cá biệt và cũng để lại trên mình nó những vết thương. Có những cây thông bão táp chỉ cho phép mọc cành ở một phía, có những cây thân đồ quạch quăn quanh khối đá cao hơn nó như con rắn, cây và đá xiết chặt lấy nhau để sống còn. Trước mắt tôi chúng xuất hiện như những chiến sĩ làm cho tôi phải kính sợ. Người ở vùng tôi, cả đàn ông lẫn đàn bà đều giống những cây thông ấy, họ là những người rắn rỏi, nét mặt khó đăm đăm, ít nói ít cười, nhất là những người ưu tú. Bởi vậy tôi học cách nhìn người như nhìn cây và đá, và khi tôi có ý kiến riêng về họ, tôi không kém phần trọng vọng mà cũng không ưa gì họ hơn mấy cây thông lặng lẽ.

Nimikon, làng tôi ở một triền núi hình tam giác thoải thoải xuống ven hồ, kẹt giữa hai mỏm núi. Một con đường dẫn tới nhà tu gần đây, con đường khác đi sang làng bên cách xa bốn dặm rưỡi, đi đến

các thị trấn khác ở ven hồ phải dùng đường thủy. Nhà cửa cất theo lối kiến trúc cổ, nhà bằng gỗ, không rõ làm từ bao giờ, gần như không bao giờ thấy có nhà mới cất, theo nhu cầu người ta sửa lại gian này hay gian kia của căn nhà cổ; năm này sửa nền, năm khác sửa một bên mái. Một khúc gỗ, một miếng ván trước kia làm vách bây giờ làm đòn tay trên mái, khi nào không dùng được nữa nhưng chưa đáng làm củi thì đem ra sửa chuồng bò hay vựa rom, hay sửa ngưỡng cửa. Dân làng cũng vậy, mỗi người giữ một vai trò trong cuộc sống cộng đồng cho đến lúc già yếu, dần dần họ chuyển sang hàng ngũ người vô dụng rồi chết đi, chẳng ai để ý đến nhiều. Người ra ngoài sống vài năm khi trở về chẳng thấy cái gì thay đổi ngoại trừ việc sửa lại mấy mái nhà đổ nát, và một vài mái mới làm nay đã già đi; mấy ông già sống dưới mái nhà ấy đã không còn nữa, nhưng đã có những ông già khác thay thế, họ vẫn ở những mái nhà tranh ấy, mang tên ấy, cũng ngồi trông mấy đứa trẻ con tóc màu sẫm, nét mặt và cử chỉ không khác bao nhiêu những người đã ngủ yên dưới mồ.

Cái mà thôn tôi không có là giòng máu lạ và nếp sống mới đem từ ngoài vào. Dân làng là con cháu một giống nòi vạm vỡ đều có khuôn mặt, giọng nói, dáng dấp tương tự nhau, có đến ba phần tư họ là Camenzind. Họ Camenzind chiếm đầy chỗ trong sổ ghi danh ở nhà thờ, khắc trên bia mộ chí, người ta thấy họ ấy viết bằng sơn dầu hay khắc thô sơ lên cửa, cả ở chiếc chiếc xe bò của người phu xe, ở cái thùng trong chuồng bò, chiếc ghe đậu dưới hồ. Ngay trên cửa vào nhà cha tôi, người ta cũng sơn mấy chữ “Nhà này của Job và Francisca Camenzind xây cất”. Đây không phải là tên cha tôi, đây là tên ông nội cha tôi, cụ nội tôi vậy, và có lẽ nếu tôi không con, ắt là một người trong họ Camenzind sẽ đến ngôi nhà lụp xụp cũ kỹ này nếu nó còn đứng vững được đến ngày ấy và còn tấm mái che.

Tuy rằng bề ngoài nom không khác gì nhau mấy nhưng trong số người làng cũng có kẻ hiền người dữ, kẻ sang người hèn, kẻ quyền thế, kẻ bạch đình, bên cạnh một số người khôn ngoan lanh lợi cũng còn một lũ khờ dại đáng tức cười, ấy là không kể những kẻ ngu si đần độn. Ở đây cũng như ở nơi khác có một hình ảnh vũ trụ thu nhỏ khá vui vẻ, vì lớn bé, khôn dại đều là họ hàng thân thích cho nên

thường khi kẻ kiêu căng gan góc và kẻ hời hợt ngây độn cùng ở chung một mái nhà và dẫm chân lên nhau; cho đến nỗi cuộc sống của chúng tôi có rộng chỗ cho đủ chuyện thắm thía hay khô hời của loài người. Nhưng có một thứ suy nhược âm thầm hay chẳng ngờ bao phủ nhịp sống tung bừng ấy như một tấm màn.

Giống nòi chúng tôi cũng đã sắp sửa già nua rồi, sống tùy thuộc vào mãnh lực thiên nhiên, sống vất vả, làm ăn cực nhọc, bởi vậy có khuynh hướng nhìn việc đời với con mắt bi thảm; thực ra khuynh hướng ấy không phải là không thích hợp với những khuôn mặt gân guốc và răn rỏi như thế, nhưng trừ điểm ấy ra thì không có ảnh hưởng gì khác ít ra là ảnh hưởng tốt đẹp. Bởi vậy người ta khoan khoái mà để ý đến mấy anh điên khùng, mấy anh này tuy không thiếu nghiêm trang hay dè dặt nhưng đem lại cho cuộc đời chút màu sắc và ít nhiều dịp để cười cợt chế giễu. Khi anh nào bị một cái hác lờ để mọi người bàn tán thì đó là câu chuyện đem lại ánh vui nồng ấm cho những khuôn mặt râm nắng nhăn nhoe ở Nimikon; thêm vào cái vui bông phèng còn chút giấm ớt đưa cay, người nào cũng giả dối tự kiêu là mình hơn người, khoan khoái mà thấy mình không lằm lẩn vấp vấp như vậy.

Cha tôi thuộc về số người lưng chừng người ngay và kẻ gian, muốn hưởng lợi của cả hai hạng người – số người như cha tôi rất nhiều. Không một chuyện điên rồ nào xảy ra hẳn vì cũng may mà ông biết bản khoán ngân ngại; thế là ông nửa thì thiện cảm khen ngợi người dám liều một cách tức cười, nửa thì sung sướng đến ngần người vì không mắc mớ gì cả.

Cậu Conrad tôi thuộc về phía những người điên khùng, tuy rằng cậu thông minh không kém gì cha tôi hay bất cứ ai. Vả chăng ông là người rất mảnh lói, ông luôn bút rút vì cần phải sáng kiến cái gì, người khác chắc phải thêm muôn cũng được như ông. Nhưng lâm vào việc thì ông chẳng làm nên trò trống gì cả. Đáng lẽ thất vọng và ngồi yên mà nuốt hận thì ông lại lao mình vào những việc khác; lạ thay, ông rất sáng suốt và cảm thấy rõ việc làm của mình có cái gì đó vừa khô hời vừa bi thảm. Hẳn là ông cũng đáng được khen nhưng người đời chỉ thấy lập dị một cách lố lăng và xếp ông vào loại những anh hề mua vui không tiền cho cả xóm. Còn cha tôi đối với ông vẫn có thái độ nửa khen ngợi nửa chê bai. Dự định mới mẻ

nào của cậu tôi cũng làm cha tôi sốt ruột vì hiếu kỳ và cha tôi cố tảng lờ như không, cha tôi hỏi thăm hỏi dồn và nói xa nói gần những lời thâm hiểm và báng nhạo. Khi cậu tôi cho là chắc ăn và làm bộ úp mở, cha tôi bao giờ cũng bị lôi kéo chạy theo những sáng kiến thần tình của ông và ngồi cùng ông bàn bạc rất thân mật cho đến lúc việc hỏng bét, cậu tôi nhún vai như thường, trong khi cha tôi nổi nóng mắng nhiếc thậm tệ, hằng mấy tháng sau không thèm nhìn mặt ông và không nói với ông nửa lời.

Cậu tôi là người thứ nhất cho dân làng thấy thế nào là một cái thuyền buồm; cha tôi đã mất toi cái thuyền cho cuộc thử thách. Cậu tôi theo hình vẽ trong cuốn lịch, làm buồm tết trảo rất cẩn thận, không phải lỗi tại ông nếu rút cục cái thuyền nhỏ quá không thể làm thuyền buồm được. Sấm sủa, hằng mấy tuần lễ; cha tôi chờ đợi mong mỏi và thắc mắc đến phờ cả người, khắp làng cũng chẳng nói chuyện gì khác dự án mới mẻ của Conrad Camenzind. Ngày hôm ấy, thật là một ngày đáng ghi vào lịch sử cho chúng tôi, buổi sáng cuối hè gió hây hây, cái thuyền khởi sự dăng buồm lần thứ nhất chạy trên mặt hồ. Cha tôi lo lắng, đã có linh cảm xảy ra tai nạn cho nên không muốn dính dáng làm gì. Tiếc quá! Cha tôi cũng cấm tôi không được theo các thủy thủ. Chỉ có đưa con hàng bánh Fussli là đi theo nhà phát minh thuyền buồm. Nhưng cả làng kéo ra bờ hồ và khoảng vườn nhỏ để xem một trò lạ. Gió đông thuận thổi xuôi ra hồ. Mới đầu cũng phải chèo một chút, đến lúc thuyền gặp gió buồm căng phồng, thuyền kiêu hãnh vượt sóng. Chúng tôi đứng nhìn theo chiếc thuyền đi khuất sau đồi thán phục ông cậu tài ba và sửa soạn đón rước người anh hùng chiến thắng trở về, chúng tôi cũng tự thẹn vì trót có ần ý chế nhạo ông. Nhưng đến đêm, thuyền và buồm chẳng còn, thủy thủ như người chết dờ chứ chẳng còn gì là vui vẻ, con lão chủ tiệm bánh vừa ho vừa nói: “tụi anh chỉ thiếu chút nữa thì tha hồ mà khoái trí: suýt nữa thì chủ nhật sau các anh được ăn hai bữa cỗ đám ma”. Cha tôi đành phải đóng lại hai miếng ván mới vào cái thuyền và từ đấy không còn cái buồm nào in bóng xuống nước hồ. Mãi về sau, mỗi khi Conrad có việc phải vội vàng một chút, người ta lại bảo ông: sao không thượng buồm lên đi. Cha tôi nuốt hận không kể lể với ai, nhưng mấy năm sau, mỗi khi thấy mặt người em rể xui xẻo ông đưa mắt nhìn chỗ khác và nhỏ nước miếng tỏ lòng khinh bỉ khôn tả. Câu chuyện ấy dai dẳng mãi cho đến một

ngày kia Conrad đến tìm cha tôi bàn về một dự án lò than bảo đảm không cháy làm cha tôi lại mất toi bốn đồng tiền vàng, nhà phát minh lãnh đủ lời chế giễu không ngớt. Vô phúc cho ai dám nhắc đến chuyện bốn đồng tiền vàng. Mãi sau này khi trong nhà lại túng bần mẹ tôi nói phốt quá rằng giá số tiền phung phí một cách “bất nhân bất nghĩa” như vậy mà còn thì bây giờ cũng đỡ khổ. Cha tôi giận đỏ mặt cho tới cổ, nhưng ông tự chủ được và chỉ nói: “Tôi muốn đem mua rượu uống hết nội trong một ngày chủ nhật.”

Một lần hết mùa đông cơn bão ào đến với tiếng gầm âm ỉ, người dân sơn cước núi Alpes nghe thấy mà run sợ, nếu ở xa nhà họ cũng vọng về quê hương mà bùi ngùi tắc dạ.

Khi bão đến gần, từ người đến gia súc, núi non, đều biết trước hàng giờ. Trước khi bão đến bao giờ cũng có gió mát thổi ngược chiều, bão đến thì báo hiệu bằng tiếng ầm ầm và một luồng gió âm áp. Trong giây lát nước hồ xanh rờn trở thành đen như mực, sóng bạc đầu nổi lên hỗn loạn. Ngay sau đó nước hồ đang yên lặng bình thản bỗng xô vào bờ, gầm lên như biển cả sóng. Cũng lúc ấy cảnh vật run sợ xích gần lại ôm chặt lấy nhau. Đỉnh non cao thường mờ trong mây bây giờ có thể thấy rõ từng móm đá, làng mạc trước kia nom như những chấm nâu tạt ngoài xa, bây giờ thấy rõ cả nóc nhà, gác chuông, cửa sổ. Núi, đồng cỏ và nhà ở túm tụm lại với nhau như một đàn thú vật sợ hãi. Bấy giờ nổi lên một tiếng gầm dữ dội, đất rung trời lở, dưới ngọn roi quất, sóng dâng lên cao như khói liên miên tiếng gió bão tử chiến với núi rừng nhất là về đêm. Mấy ngày sau dân làng chỉ nói đến thác đổ tràn bờ, nhà tan cửa nát, thuyền bè vỡ nát, biết bao người cha người anh không thấy trở về.

Lúc còn bé tôi sợ bão lắm và tôi cùng thù ghét nó nữa. Nhưng đến thời kỳ đột khởi tính hung bạo như đứa trẻ nào cũng phải sắp trải qua, tôi lại yêu nó vì khí thế trẻ trung muôn thuở của nó, vì cái ngỗ ngược hung hãn của nó, chà! một anh chàng nổi loạn, sứ giả của mùa xuân. Thật là một cảnh tượng huy hoàng khi trận bão đầy nhựa sống, vui tươi và hy vọng, mở cuộc chiến man rợ, thổi ào ào, cười cợt và rên xiết, gào thét mà lùa qua khe núi, nuốt chửng tuyết trên ngàn, bàn tay sắt bóp nát cây thông dẻo dai làm thông khóc thét từng hồi. Sau này mối tình của tôi với gió bão càng thêm mạnh, tôi chào đón vẻ dịu dàng, khôi ngô, nguồn giàu thịnh

Phương Nam của nó, từ đó tuôn ra từng đợt sinh khí, ấm nồng và tươi đẹp dồn dập toả đến núi non xa rồi sau cùng kiệt lực hạ xuống đồng bằng giá miền bắc. Không có cái gì kỳ dị và thú vị bằng vẻ sốt nóng của đàn ông; nhất là đàn bà ở núi trong thời gian bão táp; sốt nóng làm mất ngủ, kích động mọi cơ quan trong thân thể con người. Gió Nam hăng hái và bông bột thổi ào đến trái tim phương Bắc nghèo nàn và cần cỗi, gió báo trước cho dân làng xứ Alpes còn co rúm dưới tuyết phủ biết rằng lúc này bên hồ đỏ ối gần nước Ý, anh thảo, thủy tiên, hạnh đào đều đã khai hoa.

Khi gió bão đã hết hơi, khi những trận núi lở ngẫu bùn đã chấm dứt, bấy giờ mới lộ vẻ đẹp sáng lạn hơn cả. Khắp nơi trên triền núi, bãi cỏ vàng muôn hoa đua nở, trên đỉnh non cao băng tuyết hiện ra vẻ trong sáng thiên đường, mặt hồ xanh nóng phản chiếu mặt trời trong trẻo và mây trôi man mác.

Tất cả khung cảnh ấy đủ để tràn ngập quăng đời thơ ấu, và nếu cần ra, cả một kiếp người. Bởi vì tất cả đều nói lên bằng tiếng nói của Trời vẻ trong sáng hồn nhiên và sức mạnh vô song của trời đất, tiếng nói chưa bao giờ xuất hiện trên môi một phạm nhân. Ai đã từng nghe tiếng nói ấy trong lúc tuổi thơ sẽ nghe thấy mãi suốt đời người, tiếng nói dịu dàng, mạnh mẽ và kinh khủng sẽ văng vẳng bên tai chúng ta, không tránh khỏi được. Ai đã sống trên núi đồi, họ có thể học triết lý hay khoa học thiên nhiên và đoạn tuyệt với tin tưởng cổ lỗ trong nhiều năm, nhưng khi trở lại thấy gió bão hay lở núi ào xuống khu rừng, tim họ lại rung động, họ nghĩ đến Ông Trời và cái chết.

Một mảnh vườn nhỏ kế bên nhà cha tôi. Trong vườn mọc bắp cải, xu hào và một loại rau diếp đắng; mẹ tôi đã để một luống nhỏ trồng hoa, nhỏ đến nỗi nom thấy mà cảm động, hai cây hồng Bengale, một cụm thược dược sống cần cỗi thắm đậm không hy vọng nảy nở, một khoảng đất hẹp hơn nửa phủ đá sỏi sau vườn chạy dài ra tận hồ. Ở đây có hai cái thùng gỗ đã hư nát, vài tấm ván, mấy cái cột, và dưới thấp nữa, một chiếc thuyền đậu trên mặt nước cột vào bờ, bấy giờ người ta còn sửa chữa và tráng nhựa, hai ba năm một lần. Người ta nhớ kỹ ngày phải làm việc đó. Người ta làm vào những buổi quá trưa gần đến mùa hạ; bướm vàng bay trong ánh nắng mặt hồ không một lần tắt, đỉnh núi xanh lơ, bình

lặng dưới làn khí mỏng, tỏa ra ánh sáng dịu dàng; dưới bãi, đá sỏi nồng nặc mùi nhựa thông và sơn dầu. Sau đây, suốt mùa hạ chiếc thuyền xông lên mùi dầu hắc. Nhiều năm sau, mỗi lần ra bờ biển ngửi thấy mùi đặc biệt hơi nước lẫn với hơi dầu hắc, tôi lại thấy hiện hiện trước mắt bãi cát ven hồ, cha tôi vắn tay áo sơn phết, từng đám mây xanh nhỏ từ ống điều bay lên trời êm ả trưa hè, đàn bướm vàng do dự và sợ sệt vút qua như những cái chớp. Những ngày ấy cha tôi có dáng vui vẻ khác thường; ông thổi sáo miệng những điệu rất hay và ông thổi cả một điệu nhạc Tyrol, nhưng chỉ một điệu thôi và thổi nhỏ nhẹ. Mẹ tôi sửa soạn món gì ngon miệng cho bữa tối, bấy giờ tôi nghĩ rằng bà làm cơm với hi vọng âm thầm tối hôm ấy đức ông chồng không ra quán rượu. Nhưng ông cũng vẫn đi.

Tôi không thể biết được cha mẹ tôi đã ngăn cản hay nâng đỡ sự phát triển tâm hồn non nớt của tôi. Mẹ tôi lúc nào cũng bận bịu luôn chân luôn tay, ở đời không có cái gì cha tôi ít để ý bằng vấn đề dạy con. Ông mắc bận trông nom cây cối cho được tốt tươi và ông làm khi được khi chẳng, ông còn mắc bận trồng mảnh ruộng khoai và gây rơm rạ. Nhưng độ hai ba tuần lễ một lần, tối đến, trước khi đi chơi, ông dắt tôi lẳng lẳng leo lên vừa rơm ở trên nóc chuồng bò. Ở đây ông chỉ thi hành một nghi lễ rửa tội và sám hối kỳ dị: ông lấy roi quất tôi một hồi cả ông lẫn tôi đều không hiểu tại sao lại làm thế. Đó là một lễ cúng dường lẳng lẳng trước bàn thờ thần Némésis, và khi hành lễ ông không trách mắng, tôi không kêu la, đó là lễ vật phải dâng Thần linh. Sau này mỗi khi nghe nói đến số hệ, những cảnh tượng bí hiểm ấy lại hiện lên trong trí óc tôi, và chúng cho tôi một hình ảnh linh động về khái niệm số hệ. Ông già tôi chất phác, tuy không hiểu nhưng ông làm theo phương pháp giáo hóa sơ sài nông cạn mà chính đời sống vẫn thường áp dụng cho chúng ta; thỉnh thoảng trời quang đăng bỗng giáng xuống một trận mưa giông, tự ta suy nghĩ về tai hại của thiên tai mà hiểu rằng tội của ta đã phạm đến thần linh. Khốn thay, cách ta suy nghĩ ấy không bao giờ tôi làm cả hay ít khi tôi làm. Tôi chịu hình phạt hàng tháng như thế mà không chịu tự vấn tâm, tôi chịu đựng một cách kiên trì hay với tinh thần thách thức, những tối ấy lần nào tôi cũng khắp khởi mừng rằng đã trả món nợ và sẽ được vài tuần không phải phạt. Tôi càng luyện thêm cá tính của mình để chống lại ý muốn của cha mà yên ổn mà làm việc. Thiên nhiên khó hiểu và hoang phí đã tụ hợp

trong người tôi hai bản tính mâu thuẫn nhau: tôi có một sức vóc phi thường nhưng khôn thay tôi sợ cố gắng và cử động cũng chẳng kém. Cha tôi nỗ lực làm đủ mọi cách để luyện thành đứa con và người giúp việc có thể dùng được, nhưng tôi, tôi tìm đủ mọi cách để trốn việc phải làm; khi tôi học trường trung học, tôi không ưa người anh hùng thời cổ nào hơn Hercule, người anh hùng bị bắt buộc phải làm mọi công việc nặng nhọc và phi thường. Lúc ấy tôi không thấy cái gì thú vị hơn đi vắn vơ trên đá tảng và đồng cỏ ở bờ nước.

Núi và hồ, bão và nắng là bạn tôi, kể chuyện cho tôi nghe, dạy dỗ tôi, thân thiết với tôi hơn cả trong nhiều ngày, thân hơn bất cứ người nào, bất cứ số mệnh phàm nhân nào. Nhưng tôi thích ngắm mây hơn cả, thích hơn mặt hồ óng ánh, rừng thông u buồn và tảng đá phơi nắng.

Hãy chỉ cho tôi biết trong cõi đời to rộng này có người nào biết rõ mây hơn tôi và yêu mây hơn tôi! Hãy chỉ cho tôi biết trong thiên nhiên có cái gì đẹp hơn đám mây! Mây là đồ chơi, là sự an ủi cho con mắt, mây là phép lành, là tặng phẩm của trời, là sự giận dữ của trời, là quyền lực tàn phá của trời. Mây dịu dàng, hiền lành và bình thản như linh hồn trẻ sơ sinh; mây đẹp, giàu có và rộng rãi như thiên thần; mây ủ rũ, khát khe và vô lương tâm như sứ giả của thần chết. Mây bay thành dải trắng bạc, mây mỉm cười mà trôi đi, mình trắng viền vàng, nó dừng lại nghỉ ngơi khoe sắc vàng, đỏ, xanh. Nó luồn lọt, hung dữ và chậm chạp như kẻ giết người, nó ào ào và đâm thẳng xuống đất như những kỵ mã nổi điên, nó treo lơ lửng, buồn rầu mơ mộng trong ánh sáng mờ trên cao như những anh chàng cô đơn đa sầu đa cảm. Nó có hình thù những hòn đảo canh gác và những thiên thần ban phúc lành; nó giống những thằng lùn ghê sợ, những tấm màn lượn bay, nhưng con hạc di chuyển đi xa. Nó lượn bay giữa cõi trời của Thượng Đế và cõi phàm trần như biểu tượng đẹp đẽ của mọi ước vọng phàm nhân.

Mây ơi! Mây đẹp mây bay không nghỉ! Tôi chỉ là đứa trẻ ngây thơ, tôi yêu mây, tôi ngắm mây mà không biết rằng chính tôi cũng đi qua đường đời như một đám mây – đi đó đi đây ở đâu cũng là người lạ bay bổng giữa thời gian và vô cùng. Từ tuổi thơ ấu mây đối với tôi là bạn thân, là anh em. Tôi không thể đi qua phố mà

không làm hiệu chào thân hữu, mà không gật đầu chào nhau, và rồi chúng tôi dừng lại, bốn mắt nhìn nhau. Tôi cũng không quên được điều gì tôi học của mây, hình thù, màu sắc của mây, mây giỡn chơi, dắt tay nhau nhảy vòng, múa may, nghỉ ngơi, tất cả những truyện dưới đất trên trời kỳ lạ của mây.

Trong số những chuyện ấy còn có chuyện công chúa bạch tuyết. Chuyện này xảy ra trên núi không cao vào một ngày ế cận mùa đông, gió nóng thổi là là mặt đất. Nàng công chúa bạch tuyết từ trên cao xuống, đằng sau đi theo một đám thể nữ, nàng tìm trên đồi rộng hay trên đỉnh núi một chỗ nghỉ ngơi. Ngọn gió gian xảo nổi ghen, thấy nàng nằm đấy không chút nghi ngờ, y bèn lén lút đi quanh đó cả ngàn lần leo lên núi, dục tình sôi dục, bất thần thư điên như đại vô lý lấy nàng. Y ném vào nàng công chúa xinh đẹp từng mảng mây đen, chế giễu nàng, gây chuyện với nàng, muốn đuổi nàng đi. Nàng công chúa bối rối, chờ đợi, mặc y hành hung một lát; thỉnh thoảng nàng lắc đầu, mỉm cười chế diễu và bay lên cao. Nhưng thỉnh thoảng nàng cũng gọi những cô thể nữ sợ sệt lại quanh mình, để lộ khuôn mặt ngọc sáng ngời và lạnh lùng khề lấy tay gạt tên cuồng bạo. Y ngập ngừng, rên rỉ và chạy trốn. Nàng yên lặng nằm dài phủ chỗ mình nằm và xung quanh ra tận xa một lớp sương mù nhợt; khi sương mù đã tan, thung lũng và đỉnh núi rực rỡ ánh sáng, trên phủ lớp tuyết lạnh, trong và mềm.

Câu chuyện này thể hiện linh hồn, thể hiện sự ưu thắng của cái đẹp, chuyện có cái gì cao quý làm trái tim non nớt của tôi say đắm và xúc động vì một vẻ bí mật thích thú.

Rồi đến lúc tôi có thể đến gần hơn đám mây, lần qua đám mây, đứng trên cao mà nhìn mây dưới chân mình. Tôi được mười tuổi khi leo lên ngọn núi thứ nhất, ngọn Sennalpstock, dưới chân ngọn này là xóm Nimikon chúng tôi. Bây giờ tôi mới biết những sự hãi hùng, những vẻ đẹp của núi non. Hồ sâu đầy băng và tuyết, băng hà màu xanh trong vắt, đôi Thạch xấu ghê tởm, trên cao vòm trời xanh lam tròn như một cái chuông. Khi người ta đã sống mười năm đằng đẵng kẹt giữa ngọn núi và cái hồ, bốn bên đều là núi cao bao bọc, người ta không thể quên được ngày đầu tiên người ta thấy trên đầu mình trời rộng bao la, trước mặt mình chân trời không biên giới. Lúc leo lên tôi đã giật mình vì thấy đá tảng và thành đá mình đã

quen thuộc sao bây giờ nom to lớn đến thế. Lúc này bị thôi miên vì cảnh huy hoàng, tôi xao xuyến êm đềm vì cảm thấy không gian cao rộng hấp tấp ủa vào trong tôi. Thế ra vũ trụ to rộng ngoài sức tưởng tượng vô cùng! Toàn thể làng tôi trải dài khắp mọi nơi, bây giờ chỉ còn là một chấm sáng. Những đỉnh cao ở dưới thung lũng nom lên thấy gần nhau, bây giờ cách xa nhau hằng giờ leo núi.

Tôi bắt đầu hiểu lơ mờ rằng đến nay tôi chỉ có ý niệm sơ sài chứ chưa có cái nhìn rõ rệt về hoàn vũ, có lẽ ngoài kia núi non cao ngất, thung lũng sâu thẳm, việc đời diễn biến, sống trong một khe núi chúng tôi không thể có một ấn tượng nào. Đồng thời trong người tôi có cái gì rung động, nó như cái kim địa bàn, tuy tôi không biết nhưng nó đã hướng về những nơi xa lạ mà tôi nghi ngờ có biết bao chuyện to tát quan trọng. Bây giờ tôi mới hiểu hẳn vẻ đẹp vẻ buồn của đám mây đang trôi về những nơi man mác.

Hai người cùng đi với tôi đã lớn tuổi, họ khen tôi tài leo trèo, họ dừng chân nghỉ trên đỉnh núi phủ tuyết, thấy tôi vui vẻ cuồng nhiệt họ chỉ cười. Nhưng tôi, khi đã hết kinh ngạc lúc ban đầu, tôi hét lên sự vui sướng và cảm động của tôi trong khí trời trong trẻo như một con bò mộng. Tôi đợi một tiếng vang mạnh như sấm nhưng tiếng hét của tôi chỉ như tiếng chim nhỏ biến vào sự yên lặng chỗ non cao. Thế là tôi xấu hổ phải im bật.

Có thể nói rằng ngày hôm ấy đã đánh tan cuộc sống lạnh lùng vô tư lự của tôi, vì từ đây dồn dập xảy đến những biến cố trọng đại. Trước hết người ta hay đưa tôi đi leo núi, cả những hòn núi rất khó leo, tôi vừa hoan hỉ vừa e ngại mà làm quen với bí mật vĩ đại của núi cao. Sau đây tôi được giữ việc chăn dê. Tôi thường dắt dê đến một triền núi, ở đây có một chỗ khuất gió mọc đầy cây khô sâm xanh lợt và cỏ rừng đỏ tía: tôi ưa chỗ này hơn cả. Ở đây không trông thấy làng và nhìn qua mỏm đá cũng chỉ thấy một mảng hồ sáng chói; nhưng được cái hoa màu vui tươi, trời xanh lam nom như một cái lều vải căng trên những ngọn núi đá phủ tuyết, tiếng róc rách một cái thác gần đấy hòa với tiếng long nhong kín đáo chuông đeo cổ dê. Tôi nằm giữa ánh nắng, hai mắt hiểu kỳ nhìn mây bạc, miệng sẽ hát đủ mình nghe theo điệu Tyrol, nằm như vậy cho đến lúc đàn dê thấy chủ nó lười biếng, đua nhau làm đủ mọi trò chơi cảm đoán. Trong những tuần lễ đầu, hạnh phúc thần tiên bị

khuấy rối vì một chuyện khó chịu, tôi té xuống hốc đá với một con dê lạc đàn. Con dê chết, đầu tôi xung u và còn được bồi thêm một trận đòn. Tôi bỏ nhà ra đi, người ta lôi về giữa những tiếng răn rủa và tả oán.

Những chuyện ấy có thể là những sự rắc rối đầu tiên và cuối cùng. Cuốn sách này sẽ không viết ra biết bao sự điên rồ của tôi sẽ không xảy ra. Có điều rằng tôi sẽ lấy một người con gái trong thân quyến hay chết vùi dưới một lớp băng tuyết. Điều đó chẳng mắc mớ gì đến ai. Nhưng mọi việc đã xảy ra khác hẳn, tôi không có nhiệm vụ so sánh cái gì đã xảy ra với cái gì không xảy ra.

Thỉnh thoảng cha tôi đến làm việc vặt trong tu viện Welsdorf. Một hôm ông đau ốm bảo tôi đến làm thay. Nhưng tôi không đến: tôi mượn bút giấy của hàng xóm viết một bức thư cầu kỳ cho các sư huynh tu viện gửi vợ người đưa thư mang đi, còn tôi nhất quyết lên núi chơi.

Tuần lễ sau tôi trở về đã thấy một ông Cha ngồi đợi người nào viết bức thư hay đó. Tôi lo lắng, nhưng Cha khen ngợi tôi và cố gắng thuyết phục cha tôi cho tôi đến học, cha sẽ chỉ bảo cho việc học hành. Đứng vào hồi ấy, cậu Conrad lại được yêu mến và cha tôi lại hỏi ý kiến cậu. Dĩ nhiên cậu tôi lấy giọng hùng hồn nói rằng tôi sẽ theo đời nghiên bút, trở nên sinh viên, bác học, trở nên ông nọ ông kia. Cha tôi nghe lời, và tương lai của tôi dính líu với những kế hoạch nguy hiểm của cậu tôi như lò than trừ hỏa, thuyền buồm và trăm ngàn trò ngông cuồng như thế.

Thế là tôi đi học ngay và học nhiều nhất tiếng Latin, truyện liệt thánh, thực vật học và địa lý. Đi học làm tôi thích trí lắm, bấy giờ tôi không hề nghĩ rằng món hàng lạ hoắc lại làm tôi mất cả tổ ấm còn con của tôi lẫn ngày xanh tươi đẹp nhất. Cũng không phải chỉ có cái tiếng Latin khi gió kia là thủ phạm những tai họa lớn ấy. Lẽ ra cha tôi dạy tôi thành người nông dân mặc dầu tôi thuộc lâu lâu sách De Viris bắt đầu từ dòng chữ đầu hay dòng chữ cuối. Nhưng cha tôi là người hiểu biết, ông biết rõ tính con, tính lười biếng bất trị là trọng tâm của tôi, là thói xấu số một. Mỗi lần có cơ là tôi tránh công tránh việc để lên núi hay xuống hồ hay ra nằm dài ở sườn núi tìm một chỗ kín để đọc sách mơ màng mà chẳng làm gì

cả. Chính vì ngài nghĩ đến nông nổi ấy mà sau cùng ông quyết định để mặc tôi làm gì thì làm.

Nhân dịp này tôi xin nói vài lời về cha mẹ tôi. Mẹ tôi ngày trước đẹp lắm, nhưng về đẹp ấy nay chỉ còn sót lại một tấm thân ngay ngắn và khoẻ mạnh và đôi mắt nhung. Mẹ tôi người cao lớn, mạnh mẽ, siêng năng và lặng lẽ. Tuy bà cũng thông minh như cha tôi và còn hơn về sức lực, nhưng không phải bà điều khiển nội trợ, bà để cha tôi có quyền đó. Cha tôi người tầm thước, chân tay mảnh khảnh gần như thanh tú, mặt hồng hào đầy nếp răn nhỏ, ông có vẻ bền gan và mưu mẹo; trên trán, một đường răn ngắn thẳng góc nếp răn ngang, mỗi lần ông cau mày đường răn tối sẫm lại làm cho ông có vẻ cau kinh và sâu thẳm. Mọi người cho là ông muốn nhớ lại điều gì quan trọng mà bức mình vì khó nghĩ ra. Trông ông người ta có thể có cảm tưởng là một người ưu tư, nhưng ở đây không ai để ý, vì hầu hết mọi người đều có một vẻ buồn rầu nhẹ nhàng tạo ra bởi cuộc sống cực nhọc và nguy hiểm, họ lại sống biệt tích một nơi khuất nẻo, mùa đông kéo dài nhiều tháng.

Cha mẹ tôi đã di truyền cho tôi những nét chính của tính tình tôi. Mẹ tôi truyền lại cho tôi sự khôn khéo thực tiễn, sự thuận theo ý trời, tính bình thản ít chuyện trò, cha tôi truyền cho tôi tính sợ phải quyết định, không biết tiêu tiền hợp lý, ông còn truyền cho nghệ thuật uống rượu, biết thưởng rượu ngon và uống thật nhiều. Nhưng biệt tài ấy chưa phát lộ lúc còn tuổi măng sữa. Về thể chất, tôi có đôi mắt và cái miệng của cha; vóc dáng, bước đi nặng nề dẻo dai và sức lực dồi dào là của mẹ. Cha tôi và có lẽ cả giống nòi nhà tôi để lại cho tôi một trí thông minh đầy tiểu xảo của dân quê, nhưng cũng để lại cho một phong độ buồn rầu và khuynh hướng trầm ngâm sâu thẳm. Số kiếp tôi là phải tiến thân ở xa quê hương giữa người xa lạ, như vậy nên có chút mềm mỏng và nhẹ nhàng vui vẻ.

Với mớ hành lý và một bộ quần áo mới, tôi bước chân vào cuộc đời. Đức tính của cha mẹ truyền lại rất quý giá cho tôi vì từ đây tôi là người thân lại lập thân. Tuy nhiên tôi vẫn thiếu một cái gì mà khoa học, kiến trúc và sự giao thiệp không mang lại cho tôi. Bây giờ cũng như ngày trước, tôi vẫn có thể leo núi, đi bộ hay chèo thuyền suốt trong mười tiếng đồng hồ, nếu cần tôi có thể lấy tay giết chết một người; nhưng còn nghệ thuật sống thì bây giờ tôi vẫn

thiếu thốn đủ mọi cái mà trước kia thiếu thốn. Tôi sớm làm quen và chỉ biết có ruộng đất, cây cối và súc vật cho nên không phát triển được xã hội tính, ngay bây giờ cũng còn là người làm sao chiêm bao làm vậy, giấc chiêm bao đem lại bằng chứng kỳ lạ về khuynh hướng sống gần thiên nhiên như loại vật của tôi. Tôi thường nằm mê thấy mình ngủ bên bờ biển, mặt là mặt thú thường thường là mặt con hải cẩu, tôi rất được yên dạ khi tỉnh dậy biết rõ mình là người, nhưng tôi thường không vui không buồn mà chỉ tiếc rẻ.

Theo nền nếp truyền lại, tôi được học bổng ăn học để theo các lớp trung học, sau này sẽ chuyên về ngôn ngữ học. Không có môn học nào vô ích và chán nản hơn, không có môn học nào đối với tôi kém phần hấp dẫn hơn.

Những năm ở nhà trường trôi qua rất mau. Ngoài những buổi nghe giảng và đánh lộn còn những giờ nhớ nhà, những giờ mơ mộng tương lai rất táo bạo, những giờ kính cẩn tôn sùng Khoa học. Đôi khi tính lười biếng tự nhiên của tôi lộ dạng, đem lại đủ mọi ưu phiền và hình phạt nhưng rồi lại đến lúc vui mừng khắp khởi khác.

Giáo sư Hy Lạp bảo tôi: “Peter Camenzid, anh là một người khó tính và lập dị, cứ như vậy sẽ có ngày anh húc đầu vào tường.” Tôi nhìn ông thầy béo phệ mắt đeo kính, tôi nghe thầy nói đông nói dài mà thấy ông thật là thô lỗ.

Giáo sư toán học bảo tôi: “Peter Camenzind, anh có tài siêu thần hoá sự lười biếng, tôi tiếc rằng không có điểm nào dưới số không để cho anh. Bài của anh hôm nay chỉ đáng hai điểm rưỡi dưới số không”. Tôi nhìn ông, tôi phàn nàn cho ông vì ông lé mắt, tôi thấy ông là người đáng ngán.

Giáo sư sử ký một hôm bảo tôi: “Peter Camenzind, anh không phải học trò khá, nhưng rồi anh cũng trở thành sử gia có khả năng. Anh lười biếng thật, nhưng anh biết phân biệt cái lớn cái nhỏ.”

Điều ấy đối với tôi không quan trọng là mấy. Tuy nhiên tôi kính trọng các giáo sư; tôi cho rằng họ nắm chắc được khoa học và đối với khoa học tôi có một thứ trọng vọng mờ mịt và sâu xa. Tuy rằng các thầy học đều đồng ý nhau về tính lười biếng của tôi nhưng tôi cũng học tấn tới và được sắp hạng trên mức trung bình. Nhà trường và kiến thức không đủ, điều ấy tôi biết lắm, nhưng tôi để mai sau sẽ

liệu. Đằng sau những thứ tập tành chuẩn bị và những trò khi dạy đời ấy tôi tưởng tượng ra một đời sống tinh thần thuần túy, một khoa nghiên cứu sự thật chắc chắn và chân thực. Nhờ sự nghiên cứu ấy tôi có thể biết được ý nghĩa của bí mật lịch sử, của sự xung đột giữa các dân tộc, sự mâu thuẫn trong tâm hồn mỗi người.

Tôi còn cảm thấy một nhu cầu mạnh mẽ hơn là khẩn thiết. Tôi cần có một người bạn.

Ở đây có một người bạn đứng đắn tóc nâu, hơn tôi hai tuổi tên là Gaspard Hauri. Thái độ cử chỉ của anh chắc chắn và bình tĩnh, mắt anh có vẻ nghiêm trang và tự tin như người lớn, ít khi anh trò chuyện với bạn bè. Trong nhiều tháng tôi chỉ nhìn anh với sự kính nể tột bậc, hy vọng rằng anh cũng để ý đến tôi. Tôi ghen với những người thành thị mà anh chào hỏi và những nhà anh thường lui tới. Nhưng tôi học kém hơn anh hai lớp, còn anh hẳn là sức học của anh đã hơn trình độ lớp anh học. Chưa bao giờ chúng tôi nói với nhau một tiếng. Thay vào chỗ anh đã có một thằng bạn người ốm o, hẳn chơi với tôi nhưng tôi không bận tâm đến hẳn. Hẳn ít tuổi hơn tôi, nhút nhát và dần dện, nhưng có đôi mắt đẹp, nét mặt thanh tú và đau khổ. Ốm o và hơi loắt thoắt, hẳn bị nhiều sự ức hiếp nên chơi với tôi để tìm sự che chở của người mạnh mẽ và uy tín. Chẳng bao lâu hẳn bình nào quá nên phải thôi học. Tôi không nhớ hẳn, chẳng bao lâu tôi quên hẳn.

Trong lớp tôi có một đứa tóc vàng rất hoạt động. Hẳn ta thật mưu mẹo, chơi âm nhạc, nhái người này người khác và hay pha trò. Tôi không khó nhọc mà thân mật được với hẳn. Tuy hẳn cùng tuổi tôi nhưng thằng hề oắt con ấy cũng làm ra vẻ một người anh che chở. Dầu sao thì tôi cũng có bạn. Tôi đến căn buồng của hẳn đọc với hẳn vài cuốn sách, làm hộ hẳn bài Hy Lạp và hẳn giúp tôi làm toán. Thỉnh thoảng chúng tôi đi chơi với nhau, hẳn đi cạnh tôi, coi hai người như con gấu với con cày. Bao giờ cũng chỉ có hẳn là ăn nói, bồ của tôi lại vui vẻ, hoạt bát, chẳng bao giờ bị bí cả, còn tôi, tôi cười đã, tôi sung sướng vì có người bạn vui tính.

Nhưng một buổi trưa tôi đến bắt thần gặp oắt miệng ráo hoảnh như anh bán dầu cù là rong ấy đang biểu diễn cho chúng bạn trong hiên hè một trò vui thích thú. Hẳn vừa bắt chước một giáo sư và tôi nghe thấy hẳn la lên: “Thử đoán xem ai!”. Hẳn cất cao giọng đọc

thơ Homère; hấn làm như hết tôi vậy; điệu bộ bối rối của tôi, tôi đọc run run, giọng khan khan người đường rừng cả đến tật giật người vì chú ý nhiều quá, tật chớp mắt, nhắm mắt bên trái. Thật là tức cười, hấn thật không kiên nhẫn gì tôi mà bắt chước lại rất thông minh.

Khi hấn đã gấp sách lại và nhận sự tán thưởng tôi tiến lại sau hấn để báo thù. Tôi không nói được tiếng nào nhưng thể hiện sự phẫn uất, sự xấu hổ, sự giận dữ bằng một cái tát như trời giáng. Ngay sau đấy tôi nhận được một bài học, giáo sư để ý ngay đến cái mà sung và tiếng khóc tím tím của hấn, hấn lại là học trò cưng của ông:

- Ai đánh trò vậy?
- Camenzind.
- Camenzind! Lại đây, có đúng thế không?
- Dạ phải.
- Tại sao mà đánh nó?

Tôi không trả lời.

- Không có gì sao lại đánh nó?
- Không.

Thế là tôi phải phạt nặng, nhưng tôi thương thức ý vị đó như một người tử vì đạo vì biết mình vô tội. Khôn thay, tôi chẳng là người theo chủ nghĩa khắc kỷ, chẳng là thánh, tôi chỉ là đứa trẻ con bởi vậy chịu phạt rồi tôi thề dài lưỡi ra dọa kẻ thù địch. Thầy giáo tức giận chạy lại:

- Mà không biết xấu hổ ư? Thế là nghĩa lý gì?
- Nghĩa là thằng ấy là đứa nhơ bẩn tôi khinh bỉ nó. Hơn thế nó còn là một đứa hèn nhát!

Thế là tôi chấm dứt tình bạn với thằng hề ấy. Tôi không chơi với ai nữa, suốt trong mấy năm niên thiếu tôi không có bạn. Tuy rằng sau này quan niệm của tôi về nhân tình thế sự có thay đổi, nhưng khi nào nhớ lại cái tát ấy tôi vẫn lấy làm khoan khoái vô cùng. Tôi muốn tin rằng thằng cha tóc vàng ấy không thể quên được.

Năm mười bảy tuổi tôi mê mẩn con gái một luật sư. Nàng đẹp, tôi lấy làm kiêu hãnh rằng trong đời tôi chỉ mê những người đẹp,

nàng đẹp, rất đẹp. Cô bé này và một vài cô khác đã làm tôi đau khổ thế nào, lúc khác tôi sẽ kể chuyện. Tên nàng là Rose Girtanner và nàng xứng đáng để cho những người có phong độ khác tôi yêu nàng.

Hồi ấy sinh lực tuổi trẻ dồi dào đang khích động chân tay tôi. Tôi đánh lộn lung tung với bạn học. Tôi lấy làm hãnh diện được là tay đánh vật giỏi nhất, cầu thủ giỏi nhất, nhưng dù thế lúc nào tôi cũng buồn rầu. Chuyện tình ái không ảnh hưởng mấy tới tâm trạng ấy. Đó chính là nỗi buồn êm ái trước mùa xuân xâm chiếm tâm hồn tôi mạnh hơn cả, thậm chí tôi thích thú những ý nghĩ buồn nản, bi quan, những ý nghĩ về sự chết. Dĩ nhiên cũng có người bạn học cho tôi mượn tập thơ của Heine, loại sách giá phổ thông. Không phải là tôi đọc thơ nữa, tôi gửi hết nỗi niềm tâm sự tràn đầy vào những câu thơ trống rỗng, tôi chia xẻ nỗi đau thương, tôi tham dự vào sự sáng tác thi ca của nghệ sĩ, tôi để hết mình vào sự rung cảm trữ tình mãnh liệt, thật là mặc sơ mi cho một con lợn sữa. Cho đến lúc sau tôi đọc Lenau, Schiller, Goethe, Shakespeare, thế là bất thần văn chương, con ma mờ ảo ấy, trở thành thần linh lẫm liệt.

Tôi cảm thấy một luồng gió dịu dàng từ những cuốn sách ấy thổi hơi mát mẻ và ngon ngọt của một đời sống chưa từng có dưới trần gian nhưng có thật sự và vẫn theo vận mệnh của nó trào lên thành đợt sóng trong trái tim tôi. Nhân vật tiểu thuyết của Goethe và Shakespeare bắt đầu lui tới gần sách trong căn phòng áp mái của tôi, bây nay chỉ có tiếng chuông nhà thờ gần đấy và tiếng cò gõ mỏ trong tổ ngay cạnh. Tôi ý thức được cái gì là thiêng liêng, cái gì là lố lăng trong kiếp sống của mọi người: tình người đau khổ và uất ức, thật bí hiểm, lịch sử loài người thật sâu sắc và thâm trầm, tư tưởng của con người như là một phép nhiệm màu biến đổi cảnh đời gang tấc phạm nhân, sự suy tưởng dựa vào tri thức nâng cao kiếp sống mong manh lên cõi khải yếu và tuyệt đối. Ngó đầu ra ngoài khung cửa hẹp tôi thấy mặt trời chiếu sáng trên nóc nhà và dưới phố nhỏ, tôi ngạc nhiên nghe tiếng ồn ào đời sống cần lao khế vọng lên; trong sự cô tịch, sự bí hiểm, căn phòng cheo leo được hân hạnh tiếp đón các danh nhân siêu việt, tôi cảm thấy như mình sống trong bầu không khí một truyện thần tiên kỳ lạ. Dần dần tôi càng đọc sách càng thấy mái nhà và phố xá tung bừng nhịp sống hàng ngày

trở nên xa lạ kỳ dị, tôi càng thấy trong người tôi dâng lên một cảm tưởng e dè và thối mắc, hầu như là một người có ảo giác, cuộc đời mở rộng dưới mắt tôi hầu như vẫn đợi tôi lượm lấy những kho tàng quý giá, đợi tôi vén tấm màn vô thường và thô lậu, đợi tôi cứu vãn khỏi sự huỷ diệt và ghi vào vĩnh cửu những hình ảnh bộc lộ dưới thần lực của thi ca.

Tôi bắt đầu làm thơ, cũng hơi tự thẹn; dần dần tôi viết đặc mắt cuốn vở nào thơ, nào lời ghi, nào truyện kể ngắn. Những tác phẩm ấy không còn, hẳn là chúng vô giá trị, nhưng chúng đã làm tim tôi đập rộn ràng, đã đem lại cho tôi niềm vui kín đáo. Mãi sau này tôi mới có óc phê bình và tự kiểm soát đến niên học cuối cùng ở trường trung học tôi mới qua cơn thất vọng đầu tiên không thể tránh được. Tôi bắt đầu thanh toán những bài thơ tập làm và nghi ngờ văn của mình thì tự nhiên kiếm được mấy cuốn sách của Gottfried Keller. Tôi đọc luôn hai ba lượt. Bấy giờ mới chợt nhận ra rằng những mơ mộng của tôi còn non nớt và ở xa nghệ thuật chân thực; tôi vội vàng đốt hết cả thơ lẫn truyện ngắn, sau tôi chỉ nhìn đời với con mắt thực tế và bi quan; thái độ của người khổ sở, bút rút.

Đối với ái tình thì suốt đời tôi còn là đứa trẻ. Ở quê hương tôi, tình yêu phụ nữ vẫn là tâm tình cao trọng và trong sạch, ngọn lửa tình thoát tự trái tim rung cảm và bốc thẳng lên cao trong khi hai tay kính cẩn đưa lên trời xanh biếc. Theo truyền thống của mẹ, và cũng theo tiếng nói âm thầm của tim tôi, tôi trọng vọng đàn bà, bất cứ ai, nếu họ đẹp và bí hiểm, vượt hẳn chúng ta vì bẩm sinh có cái gì đẹp đẽ và nhất trí, có vẻ thiêng liêng, họ như ngôi sao trên trời hay đỉnh núi xanh lam, xa chúng ta và hầu như gần Thượng Đế hơn. Cũng như cuộc đời khắc nghiệt không phải vì ta quên rắc hạt tiêu vào, tình yêu đã đem lại cho cuộc đời tôi đau khổ cũng như êm dịu. Đàn bà vẫn đứng trên bệ cao của họ nhưng đối với tôi, địa vị ông thầy đạo kính cẩn tôn thờ để biến thành địa vị anh si ngốc bị nhục mạ nom đáng tức cười một cách đau xót.

Gần như ngày nào đi ăn sáng tôi cũng gặp Rose Girtanner. Một cô gái mười bảy tuổi người óng ả cân đối. Khuôn mặt mảnh mai, da nâu tươi tắn đẹp thanh nhã, phản ánh một đời sống nội tâm thanh lịch, vẫn một nét chung ấy còn phản phát trên mặt bà thân mẫu, hơn nữa, nét chung của bà và cụ của nàng. Giòng họ lâu đời này thuộc về xã hội thượng lưu, từ thế hệ nọ sang thế hệ kia đều là những trang phụ nữ ý nhị và thanh lịch, tươi tắn, cao quý, đẹp vẹn toàn. Chúng tôi có bức chân dung một người con gái giòng họ Fugger do một họa sĩ vô danh vẽ từ thế kỷ XVI; thật là một bức ảnh xinh đẹp nhất mà tôi được thấy. Đàn bà trong họ Girtanner thuộc về loại đó, Rose cũng thế.

Dĩ nhiên, thời ấy tôi chưa hiểu được những điều nói trên đây. Tôi chỉ biết ngắm nàng, ngắm vẻ người bình tĩnh và thanh lịch của nàng cả tôi nhận thấy vẻ cao quý trong cử chỉ giản dị của nàng. Đến tối, giữa chỗ mờ ảo, tôi ngồi suy nghĩ hoài cho đến lúc thấy người nàng, khuôn mặt nàng hiện ra sáng sủa, tâm hồn con trẻ của tôi rung động một cách dịu dàng kỳ ảo. Nhưng những phút vui sướng đó chẳng bao lâu mất hết tính chất tinh thần, và tôi phải qua những phút đau khổ cay chua. Bất thần tôi có cảm tưởng là nàng xa lạ hẳn với tôi, không quen biết tôi, không hỏi han gì đến tôi, khuôn mặt

xinh đẹp trong mơ mộng chỉ là cái gì đánh cắp của con người thượng thặng ấy. Và đúng lúc tôi cảm thấy điều ấy một cách mạnh mẽ và đau đớn nhất, tôi cũng trông thấy hình ảnh nàng sống động và có hơi thở thực sự ở trước mắt trong vài giây, một luồng rung cảm nóng bừng và đen tối ủa vào trái tim làm cho những mạch máu xa xôi nhất trong người tôi phải đau đớn kỳ dị.

Có ngày, tôi đang ngồi trong lớp hay đang đánh lộn rất hăng, đột sóng rung cảm ấy bỗng nổi lên. Tôi nhắm mắt lại, buông thõng hai tay, cảm thấy như mình trôi tuột vào một vực thẳm nóng ran cho đến lúc tiếng la của giáo sư hay cái đám của thằng bạn đánh thức tôi dậy. Tôi tránh ra ngoài cuộc đời, tôi trú ẩn vào thiên nhiên, trong cơn mơ mộng kỳ dị tôi đưa hai mắt bờ ngõ nhìn đời. Bất thần tôi lý hội được như một mạc khải vẻ đẹp và màu sắc của thế gian, hào quang và thiên khí luân lưu trong lòng sự vật, giòng sông xanh, mái nhà đỏ, rừng núi lam. Nhưng vẻ đẹp ấy không làm tôi khuây khoả, tôi chỉ thường thức trong nỗi buồn êm ả. Vạn vật càng đẹp vạn vật càng xa lạ với tôi, tôi không dự phần vào, tôi chỉ đứng ở ngoài. Và ý nghĩ âu sầu của tôi lại quanh quẩn trở lại với Rose; nếu tôi chết lúc này hẳn nàng không biết, nàng cũng chẳng hỏi thăm cho biết, chẳng lấy làm buồn.

Tuy thế nhưng tôi không tìm cách cho nàng chú ý đến tôi. Tôi những muốn tặng nàng cái gì đó thật phi thường mà không để nàng biết ai tặng.

Rồi quả nhiên tôi làm nhiều thứ chỉ vì nàng. Nhân dịp được nghỉ vài ngày, nhà trường cho phép tôi về thăm nhà. Ở nhà tôi làm đủ mọi chiến công oanh liệt để tỏ lòng yêu mến Rose. Tôi leo lên một ngọn núi thật hiểm trở, chọn phía nào khó leo nhất. Tôi bơi thuyền dưới hồ, vượt những chặng đường thật xa trong một thời gian kỷ lục. Sau mỗi chiến công như vậy tôi trở về nhà mệt nhoài, râm nắng và đói như cào, nhưng tôi nghĩ rằng còn phải nhịn ăn uống cho đến tối. Tất cả chỉ vì Rose Girtanner. Tôi khắc tên nàng và lời tán tụng nàng vào những núi đá thật xa và những hốc đá kín đáo chưa ai đặt chân đến.

Trong những dịp ấy tuổi trẻ của tôi có cơ hội bù lại những ngày sống mòn mỏi trong lớp học. Vai tôi rộng ra, mặt và cổ tôi bắt nắng, các bắp thịt tôi căng phồng.

Trước ngày nghỉ cuối cùng tôi cố công đi kiếm hoa để tặng người tình. Tôi đã để ý thấy ở những triền núi^[1] hay đi qua, có những dải đất hẹp mọc hoa edelweiss, những thứ cây ồm ồm, có ánh bạc đó lại không hương và không lộng lẫy, tôi cho là không có hồn và kém vẻ đẹp. Trái lại tôi biết có mấy bụi hồng núi Alpes ở dưới một cái vực sâu, hồng này ra hoa rất chậm và khó hái điều đó làm tôi càng ham. Phải hái cho kỳ được. Tuổi trẻ và tình yêu không có cái gì là làm không được, sau cùng tôi đi tới đích, hai tay xây xát, bắp về rụng rời. Trong tình trạng nguy hiểm ấy tôi không thể kêu lên vì sung sướng, nhưng trong tim tôi đầy hoan lạc có tiếng hát vang, tôi cẩn thận ngắt những cành hoa rất rắn, cầm ở tay. Đến lúc trở về phải ngậm hoa trên miệng và bò giật lùi. Chỉ có Trời mới biết đưa trẻ tảo gan làm cách nào để xuống dưới chân mỏm đá được yên lành. Khắp vùng núi đã hết mùa hồng từ lâu, tôi cầm trong tay bó hoa cuối cùng trong năm này, nụ cười hé mở.

Ngày hôm qua, trong suốt năm giờ đi đường tôi phải cầm lăm lăm ở tay. Mới đầu tim tôi đập mạnh, mong mỗi chóng đến tỉnh gặp người đẹp, nhưng càng đi xa núi tình cố hương càng kéo tôi về nhà. Chuyến đi xe hoả ấy tôi nhớ mãi! Ngọn Sennalpstock đã khuất từ lâu, bây giờ đến lượt những ngọn khác lần lượt đã khuất phía sau; mỗi ngọn lìa khỏi trái tim tôi để lại một cảm giác đau đớn. Núi non quen thuộc khuất hết, bây giờ là một đồng bằng mênh mông xanh rờn. Chuyến đi thứ nhất của tôi không để ý đến những sự kiện này. Nhưng lần này tôi xao xuyến buồn rầu như thể bị bắt buộc phải đến sống ở những nơi bình địa, không bao giờ được về ở núi, mất quyền sống ở quê hương. Đồng thời trước mặt tôi hiện ra khuôn mặt mảnh mai của Rose Girtanner, thanh lịch nhưng xa lạ, lạnh lùng, không để ý gì đến tôi đến nỗi tôi nghẹt thở vì khổ sở đau đớn. Trước khung cửa toa tàu vun vút đưa qua nào làng mạc vui tươi sạch sẽ với tháp cao, chòi trắng, nào dân cư kẻ ra người vào, nói cười, hút thuốc, chào hỏi nhau, bông đùa với nhau, họ đều là người đồng ruộng cử chỉ nhẹ nhõm, ăn nói hoạt bát, tính tình hoà nhã, còn tôi, người nặng nề miền núi, tôi sống với họ, khăng khăng giữ lấy cục lăm lì, buồn so. Tôi có cảm tưởng từ đây phải bỏ núi rừng mà không bao giờ vui vẻ, khéo léo, thư thái, tự chủ như họ được. Những người như thế sẽ chế nhạo tôi, Rose Girtanner sẽ lấy một

người như thế; tôi luôn luôn gặp những người như thế ngăn bước đường đi hay lần tôi từng bước.

Tôi trở lại tỉnh thành với ý nghĩ ấy. Vừa chào hỏi xong, tôi vội bước lên gác thượng mở rương ra lấy một tờ giấy lớn. Tờ giấy là giấy bồi đem bọc hoa hồng xứ Alpes tôi mang sẵn một sợi dây gai từ nhà đi để cột, nom gói đồ không có vẻ quà tặng người yêu chút nào. Tôi trịnh trọng mang gói hoa đến chỗ cư ngụ của luật sư Girtanner, thừa lúc thuận tiện tôi thấy cửa mở liền bước vào, liếc nhìn phòng ngoài lờ mờ ánh đèn rồi đặt gói giấy chẳng ra hình thù gì lên chiếc cầu thang rộng trong cái dinh thự quý tộc ấy.

Không ai trông thấy tôi cả mà tôi cũng chẳng biết Rose có dịp trông thấy quà tặng hay không. Nhưng tôi đã leo lên sườn hốc đá, đã liều mạng để lấy bó hoa hồng đem đặt lên thềm nhà này. Trong câu chuyện ấy có cái gì êm dịu, u buồn lẫn vui vẻ, có cái gì thú vị làm tôi sung sướng đến ngày nay vẫn còn cảm thấy. Chỉ những phút Thượng Đế bỏ tôi, tôi mới hầu như cảm thấy câu chuyện hoa hồng của tôi cũng như tất cả các chuyện tình khác của tôi đều là chuyện ngớ ngẩn.

Mối tình đầu của tôi không bao giờ có kết quả. Nó tắt nghỉ trong sự mơ hồ không ngã ngũ ra sao khi tuổi trẻ tôi trôi đi, và sau này, mỗi khi tôi yêu ai, nó trở lại đi bên cạnh sự mê say mới như một người chị bí mật. Tôi vẫn không thể tưởng tượng được người nào cao quý hơn, trong trắng hơn, xinh đẹp hơn người con gái quý tộc có đôi mắt lạnh lẽo ấy. Nhiều năm sau khi tôi đi thăm một cuộc triển lãm lịch sử ở Munich, khi tôi nhìn thấy bức chân dung người con gái họ Fugger, vô danh, bí hiểm và duyên dáng, tôi có cảm tưởng như tất cả tuổi trẻ của tôi hiện ra trước mắt và đứng nhìn tôi.

Tuy nhiên tôi cũng thay da đổi thịt, dần dần tôi cũng trở thành người thanh niên. Trông bức ảnh chụp hồi ấy tôi là một chàng trai xứ quê người xương xẩu, to lớn, ăn bận kiểu học sinh lồi thối, hai mắt lơ đãng, chân tay một anh bị thịt chưa lớn đầy con. Chỉ có cái đầu là sớm thành hình dáng nhất định. Tôi ngạc nhiên thấy mình mất hết dáng dấp trẻ con, tôi chờ đợi sống cuộc đời sinh viên mà tôi đã lờ mờ nếm trước niềm vui.

Tôi sẽ theo học trường Đại Học Jurich nếu sự học vấn của tôi có kết quả mỹ mãn, những người đỡ đầu cho tôi cũng hứa rằng có thể cho đi du lịch để nghiên cứu việc học. Trước mắt tôi đã hiện ra một bức tranh cổ điển: một vườn cây u nhã xanh tươi với những tượng bán thân Homère và Platon, tôi ngồi cắm cúi xuống những cuốn sách lớn, tứ bề sáng sủa, nhìn ra xa thấy thành thị, núi hồ, những cảnh ngoạn mục.

Tôi đã bớt mơ mộng nhưng tôi hăng hái hơn và tôi hớn hờ vì hạnh phúc tương lai, yên chí rằng mình đáng được hưởng lắm.

Những năm cuối niên học, tôi rất ham học tiếng Ý, lần đầu tiên tôi đọc những truyện ngắn của các nhà văn cổ và tự hứa sẽ đọc nhiều hơn và nghiên cứu cẩn thận hơn ngoài giờ học môn chính khi đến Jurich. Rồi đến ngày tôi từ giã thầy học và chủ trọ, xếp quần áo vào rương lấy đinh đóng thật chặt, tôi buồn nhẹ nhàng đi qua trước cửa nhà Rose từ giã.

Những kỳ nghỉ hè kế tiếp cho tôi nếm trước vị chua xót của cuộc đời và chẳng bao lâu chúng đã phủ phàng cất cánh bay bổng mơ mộng của tôi. Trước hết là tin mẹ tôi lâm bệnh. Bà nằm liệt giường không nói năng gì và lạnh lùng cả với tôi. Tôi không có khuynh hướng bi thảm hoá việc đời, nhưng tôi rất hảo tâm vì ở đây không ai thông cảm với niềm vui và lòng kiêu hãnh tuổi hoa niên của tôi. Kế đấy cha tôi cho biết rằng nếu tôi muốn theo đại học thì cha tôi không phản đối, nhưng ông không đủ khả năng nuôi tôi ăn học. Nếu số học bổng của tôi không đủ thì tôi phải đi làm kiếm thêm tiền. Bằng tuổi tôi cha tôi đã phải tự túc từ lâu.

Bây giờ không còn thì giờ leo núi, bơi thuyền và chạy rong miền quê nữa, tôi phải tham gia vào việc nhà, việc đồng áng, nửa ngày được rồi rồi tôi chẳng thiết gì nữa, đọc sách tôi cũng không ham. Tôi phần nộ và ử dột vì công việc sinh nhai đòi hỏi nhiều quá, nó ngốn hết sinh lực và hăng hái của tôi. Và chẳng cha tôi khi khỏi bận tâm đến tiền nong lại theo tính bẩm sinh tỏ ra gắt gỏng và ít nói tuy ông đối xử với tôi không có gì làm tôi phải thở than, dầu sao thì ở nhà tôi cũng không lấy gì làm vui thú. Tôi cũng bối rối và khổ tâm khi nhận thấy học vấn và sách vở của tôi vừa làm ông kính nể lẫn khinh bỉ tuy ông không để lộ cho biết. Tôi cũng hay nghĩ đến Rose và tôi lại đau xót vì tính quê mùa của tôi bất lực không bao giờ

thích ứng được với “thiên hạ”. Trong nhiều ngày tôi đã phải tự hỏi chẳng thà tôi ở lý đây còn hơn, chẳng thà gác bỏ tiếng Latin và hy vọng tương lai để sống mòn mỏi ở xó làng trong cuộc đời tối tăm, cực nhọc và gò bó. Tôi đi la cà chỗ này chỗ khác, lòng bối rối và buồn nản và cũng không tìm được chút an ủi hay thư thái bên giường bệnh của mẹ tôi. Hàng cây xum xuê mà tôi mơ mộng thấy bên tượng Homère bây giờ chỉ còn có vẻ nhạo báng, tôi xua đuổi nó với tất cả sự giận dữ căm hờn. Ngày tháng dài đằng đặc chịu không nổi, hầu như tất cả tuổi thanh xuân của tôi sẽ tiêu tan trong sự thất vọng đau đớn, mình không thể thoả hiệp với mình như vậy.

Nếu ngày xưa tôi kinh ngạc và phần nộ vì cuộc đời tiêu huỷ toàn vẹn giấc mộng hạnh phúc của tôi nhanh chóng như vậy, thì ngày nay tôi cũng lấy làm lạ rằng tôi có thể chế ngự mau chóng và mạnh dạn những mối lo hiện tại. Mới đầu đời sống cho tôi biết bộ mặt tối tăm thường nhật của nó, bây giờ tôi đã hiểu đời; cuộc đời xuất hiện dưới mắt tôi với vẻ sâu sắc vĩnh tồn của nó, nó đem lại cho tuổi trẻ của tôi những kinh nghiệm giản dị nhưng đầy ý nghĩa.

Một buổi sáng tinh sương ngày hè nóng nực, tôi nằm trong giường thấy khát nước bèn trỗi dậy để xuống bếp tìm gàu nước lạnh vẫn để ở đấy. Khi đi qua phòng cha mẹ tôi, tôi giật mình vì mẹ tôi rên những tiếng khác thường. Tôi đến bên giường mắt bà đã đại không thấy tôi, bà cũng không trả lời tôi, bà vẫn tiếp tục rên la những tiếng ngắn và rối loạn, hai mi mắt luôn luôn chớp nhoáng nhoáng, mặt nhợt nhạt và xám xanh. Tôi không đến nỗi kinh hoàng tuy vẫn lo lắng. Bây giờ tôi mới nhận thấy bà để hai tay buông xuôi trên nệm, cứng ngắc như hai chị em xinh đôi nằm ngủ. Hai bàn tay ấy báo cho tôi biết mẹ tôi sắp chết, hai bàn tay kiệt lực không cử động nữa, người sống không bao giờ hai tay như vậy. Tôi quên cả khát, tôi quỳ xuống đặt tay lên trán mẹ, nhìn mắt mẹ. Bà nhìn tôi, vẻ yên tĩnh không tỏ chút đau đớn nhưng hình như sắp tắt nghỉ. Tôi không nghĩ đến việc đánh thức cha tôi dậy, cha tôi ngủ bên cạnh, thở như sấm. Tôi quỳ như vậy trong hai tiếng đồng hồ nhìn mẹ tôi qua đời. Mẹ tôi chấp nhận cái chết một cách lặng lẽ, can đảm và nghiêm trang, bản tính của bà như vậy, đó là tấm gương tốt cho tôi.

Ánh sáng ban ngày dần tràn vào căn phòng yên lặng; nhà tôi và làng xóm còn ngủ yên; tôi được rảnh rang đưa linh hồn người chết

lâng lâng lướt trên nhà cửa, thôn xóm, hồ ao, đỉnh núi tuyết phủ, trong cảnh tự do băng giá của trời trong ban mai. Tôi ít đau đớn vì lòng tôi tràn ngập kinh ngạc và tôn kính khi được trông thấy diễn ra sự bí mật vĩ đại, kiếp sống trần gian kết liễu với một cái rùng mình nhẹ nhàng. Sự can đảm và sự nhẫn nại của người chết, thật là cao đẹp, vàng hào quang chói lọi và thanh tĩnh quanh mình mẹ tôi toả chiếu một tia sáng rơi vào trái tim mát lạnh. Tôi không nghĩ đến điều gì khác như cha tôi nghĩ, không có ông Cha giải tội nào ở bên, không có phép rửa tội và kinh kệ tiễn đưa một linh hồn từ biệt Trần gian. Tôi chỉ thấy rõ một giòng vĩnh cửu lướt qua như một luồng gió trong ánh sáng mờ căn phòng nhỏ thâu vào tâm hồn tôi và kết hợp với tâm hồn tôi.

Đến lúc cuối cùng, tia sống trong mắt mẹ tôi đã tắt, lần thứ nhất tôi hôn miệng lạnh lẽo và tàn úa của mẹ tôi. Tiếp xúc với sự lạnh lẽo ấy, bất thần tôi rùng mình, tôi ngồi xuống bên giường, hai giọt nước mắt ngai ngừng kế tiếp nhau chảy chậm chạp xuống má, cằm và hai bàn tay.

Một lát sau cha tôi tỉnh dậy thấy tôi ngồi đấy giọng tôi còn ngái ngủ, ông hỏi tôi có chuyện gì đấy? Tôi muốn trả lời nhưng nói không lên tiếng; tôi ra khỏi phòng, trở về phòng mình thông thả mặc áo như trong cơn mê ngủ không biết mình làm gì. Sau cha tôi cũng chạy vào:

“Mẹ con mất rồi, có ai biết không?”

Tôi gật đầu.

“Sao mày không đánh thức tao? Không có cha đến rửa tội...” Ông chửi thề một tiếng lớn.

Tôi thấy đau nhói trong đầu như có một mạch máu vỡ tung. Tôi tiến lại, lấy hai tay nắm chặt cha tôi và nhìn vào tận mắt ông – bên cạnh tôi, coi ông không khác hơn đứa trẻ là bao. Tôi không thể nói nên lời, nhưng cha tôi yên lặng, người rất xao xuyến, khi hai cha con cùng đến bên mẹ tôi, ông cũng hiểu thấm thía mãnh lực của cái chết, ông trở nên trịnh trọng khác thường. Sau cùng ông cúi xuống gần người quá cố và la khóc nhỏ nhẹ như một đứa trẻ, gần như một con chim. Tôi đi báo tin cho hàng xóm biết, họ nghe tôi nói, không hỏi han gì, đưa tay ra bắt tay tôi và hứa sẽ sang giúp việc vì trong

nhà thiếu bà nội trợ. Một người nhận lãnh việc đi mời ông Cha, khi tôi về nhà đã thấy một cô láng giềng vào chuồng coi giùm bò.

Ông Cha đến, hầu hết đàn bà trong xóm đều có mặt; mọi việc được xếp đặt chu đáo theo tục lệ trong làng; chúng tôi cũng không phải bận tâm tới quan quách; và lần thứ nhất tôi nhận thấy mình rất có phước được sống giữa những người thân, giữa một cộng đồng có thể tin cậy được. Ngày hôm sau tôi còn dịp để nghĩ nhiều về tình thân quyến,

Khi cái quan tài đã hạ huyết, phép lành đã ban, người đưa đám giải tán, nét mặt trầm buồn, khi những chiếc mũ lông, những chiếc mũ cao chóp – kể cả mũ của cha tôi – đã cất vào hộp trong tủ, cha tôi phải một dạo suy nhược. Ông trở nên bần thần, ông tự thán cho mình, ông kể cho tôi nghe sự đau khổ của ông bằng những công thức kỳ dị, phần nhiều rút ở Thánh kinh. Bây giờ mẹ tôi đã qua đời mà con lại sắp sửa đi xa! Ông nói mãi không chán, tôi nghe mà phát sợ sắp đến lúc phải hứa với ông là ở lại nhà.

Giữa lúc tôi mới mở miệng định trả lời thì trong người tôi thoáng qua một cái gì kỳ lạ. Trong một giây, những điều tôi đã nghĩ đến hồi còn thơ ấu, những điều tôi mong mỏi thật mãnh liệt bỗng xuất hiện như đọng lại thành một ảo giác. Tôi trông thấy những công việc vĩ đại đang chờ đợi tôi biết bao sách sẽ đọc, biết bao sách sẽ viết. Tôi nghe thấy tiếng bão thổi âm âm, tôi nhìn thấy xa xa mặt hồ và ven hồ sáng lạn dưới ánh nắng trời Nam. Tôi trông thấy lướt qua những người mặt mũi tuấn tú lộ vẻ thông thái hiền triết, những phụ nữ xinh đẹp và thanh lịch, tôi trông thấy đường dài xa tắp đèo thông qua núi Alpes, tàu hoả chạy khắp nơi; mọi cảnh đều diễn ra cùng một lúc, nhưng vật nào vật nấy hiện ra riêng rẽ, rõ mồn một; đằng sau những cảnh trí ấy còn chân trời xa xa sáng sửa điểm mấy đám mây bay nhẹ nhàng. Học hỏi, sáng tác, suy tư và du lịch; cuộc sống đầy đủ xuất hiện thành một ảo giác lướt qua chói lọi trước mắt tôi, lại một lần nữa, cũng như lúc thơ, có cái gì trong tôi sùng sục âm thầm thúc đẩy tôi tới những chân trời rộng rãi của giang san vô tận, không thể cưỡng được.

Tôi yên lặng để cha tôi nói, chỉ lắc đầu và đợi cho ông qua lúc xúc động. Mãi đến chiều ông mới nguôi lòng. Tôi bèn nói cho cha biết tôi nhất quyết theo học để sau này có chỗ đứng trong thế giới

văn học, nhưng không xin cha cấp dưỡng tiền nong. Ông không tìm cách ép buộc gì tôi, chỉ lắc đầu ra về kinh dị. Ông hiểu rằng kể từ ngày hôm nay tôi đi con đường riêng biệt của tôi, chẳng bao lâu sẽ chẳng liên lạc gì với đời sống của ông nữa. Lát sau, khi ngồi viết, tôi nhớ lại ngày hôm ấy, tôi thấy cha tôi ngồi gần cửa sổ, nom y như ban chiều. Khuôn mặt người nông dân tỉnh khôn, nét rất đậm, đặt trên cái cổ mảnh dẻ, yên không cử động, mái tóc ngắn đã hoa râm, trên khuôn mặt khắc nghiệt và răn rỏi ấy phảng phất sự u buồn của tuổi già đang xâm lấn thời kỳ tráng niên.

Những ngày sống dưới mái nhà với cha tôi còn để lại một kỷ niệm nhỏ nhưng không phải là không quan trọng. Vài tuần trước khi ra đi, một buổi tối cha tôi đội mũ và đưa tay cầm nắm đầm cửa. Tôi hỏi: “Bố đi đâu đấy?”. “Mày cũng biết à? Mày có thể nói cho tao biết nếu không có gì trở ngại”. Rồi cha tôi cười và nói lớn: “Mày đi với tao cũng được, mày không còn bé dại gì nữa.” Thế là tôi theo cha ra tửu quán. Trong quán có vài người dân quê ngồi quanh một vò rượu nho xứ Hallau, hai người đánh xe ngoại quốc uống rượu mạnh, một đám thanh niên đánh bài cười nói ồn ào.

Tôi cũng có thói quen thỉnh thoảng uống một ly rượu nho, nhưng đây là lần thứ nhất tôi bước vào một quán cà phê. Tôi nghe người ta nói cha tôi là một tay tửu lượng rất cao. Ông uống nhiều và vẫn tỉnh táo, vì thế mà trong nhà túng bán liên miên tuy ông không chênh mảng quá đáng. Tôi nhận thấy chủ quán và khách đều có vẻ kính nể ông. Ông gọi một lít rượu nho Thụy Sĩ bảo tôi rót ra ly và dạy tôi cách rót rượu. Phải để thấp bình mà rót, sau đưa tay lên kéo giòng nước ra thật dài, rồi lại hạ bình xuống thật thấp. Rồi ông nói đến các thứ rượu ông biết và vẫn quen dùng vào những dịp hiếm hoi, thí dụ như khi ông lên tỉnh hay sang xứ lạ. Ông ra giọng nghiêm trang mà xác định rượu Valentine rất ngon, thứ rượu đỏ sậm mà ông biết phân biệt ba thứ. Sau ông hạ giọng kín đáo để người nghe phải tin, nói đến một vài thứ rượu đóng chai của miền Vaud. Và sau cùng ông nói thật nhỏ như người kể chuyện cổ tích, khen ngợi rượu Neuchâtel. Thứ rượu đó đổ ra ly nom như một ngôi sao đứng trong ly, và ông đập ướn ngón tay về ngôi sao ra bàn. Sau cùng ông ước đoán tầm phơ tầm phèo hương vị rượu xâm banh, ông

chưa được uống thử bao giờ, ông tưởng rằng một chai có thể làm cho hai người say sưa như hai con lừa cái.

Nói chán rồi ông yên lặng nghỉ ngơi và đốt ống điếu. Bấy giờ ông mới nhận thấy tôi không có gì hút, ông cho tôi hai hào để mua vài điếu xì gà. Rồi hai cha con ngồi đối diện nhau, thở khói vào mặt nhau uống lai rai hết lít rượu thứ nhất, Rượu Vaud sắc vàng uống hơi the hợp giọng tôi lắm. Dần dần mấy người nông dân bên cạnh góp vào vài câu, họ hăng giọng lần lượt đến ngồi bên cạnh chúng tôi. Rồi mọi người chú ý đến lời nói của tôi, hẳn là họ chưa quên tài leo núi của tôi. Người ta kể lại đủ mọi chuyện leo núi và té ngã, kể ra cũng khó tin như thần thoại hoang đường, người bắt bẻ chống chế. Bấy giờ chúng tôi đã uống hết hai lít, máu nóng xông lên đầu tôi. Trái với bản tánh thường nhật, tôi bắt đầu ba hoa nhiều chuyện và nói đến chuyện leo lên mỏm đá Sennalptock rất táo tợn của tôi để hái hoa hồng tặng Rose Girtanner. Họ không tin, tôi cãi lại, họ phì cười làm tôi nổi nóng. Tôi thách người nào ngờ vực hãy ra vật lộn với tôi và nói cho họ hiểu rằng nếu cần tôi sẽ đương đầu với cả bọn. Đến đây, một ông già người đã còng queo mang một cái nệm sành lớn đặt trên bàn.

Ông cả cười mà rằng: “Tôi bảo anh này, nếu quả anh giỏi như vậy anh hãy đánh vỡ tan cái nệm sành này coi. Tôi sẽ mất cho anh tiền rượu mà nệm có thể chứa được. Nếu anh không làm được thì anh phải trả tiền rượu”.

Cha tôi đồng ý ngay. Tôi bèn đứng dậy, lấy khăn bọc vào và đập mạnh vào bình. Hai quả đầu không có kết quả. Đến lần thứ ba bình bể tung. Cha tôi vui vẻ quá la lên: “Trả tiền đi!” Ông già có vẻ nghe lời: “Được rồi, tôi sẽ trả, bình đựng bao nhiêu tôi sẽ trả. Kể ra nó chẳng còn chứa được mấy hột”. Quả vậy, bình vỡ chỉ chứa chưa được một cốc vaj, còn tôi đã đau tay còn bị mắc lõm. Cả cha tôi cũng cười tôi nữa.

Tôi vội la lên “Ừ thì ta cho mi được cuộc!”. Tôi rót rượu vào một mảnh bình vỡ, cầm hất vào mặt lão. Lần này thì chúng tôi được lợi thế, mọi người đứng về phía chúng tôi.

Người ta còn nghĩ ra nhiều trò hề kiểu ấy, sau đây cha tôi mới kéo tôi về. Hai cha con đều bốc nóng, cầu nhàu, chúng tôi làm om

sòm trong căn phòng mới đây ba tuần lễ còn để chiếc quan tài mẹ tôi. Tôi ngủ say như chết, ngày hôm sau người tôi bải hoải, trí tôi rối loạn. Cha tôi chế giễu tôi. Ông vẫn khoẻ khoắn và vui tươi, chỗ hơn người ấy làm ông sung sướng rõ rệt. Còn tôi, tôi thề rằng từ nay không uống rượu nữa và tôi sốt ruột đợi ngày khởi hành.

Ngày khởi hành đến, tôi lên đường, nhưng tôi không giữ lời thề. Từ đây tôi làm quen với rượu vàng xứ Vaud, rượu đỏ sậm xứ Valentine, rượu óng ánh như sao xứ Neuenburg và nhiều rượu nữa, rượu trở thành bầu bạn của tôi.

Thoát khỏi bầu không khí nặng nề vô vị ở quê hương, tôi tung cánh bay về chốn tự do vui thú. Trong quãng đời còn lại, có khi tôi sống không quân bình, nhưng ít ra tôi cũng hưởng đầy đủ nhiều sắc thái thú vị lãng mạn của tuổi trẻ. Như một chàng tráng sĩ ngồi nghỉ ở ven rừng xanh tươi, tôi sống những phút xao xuyến êm ái giữa cuộc tranh hùng ngoài chiến địa và lúc giải trí vãn vơ; như một nhà tiên tri linh cảm hết chuyện khác, tôi đứng bên bờ những vực thẳm tối tăm, tai lắng nghe sông rộng, bão to âm âm chuyển động, tâm hồn mở rộng đón nhịp điệu sâu xa của vạn vật, của đời sống muôn loài. Tôi đã say sưa uống cạn chén thanh xuân, tôi đã đau đớn âm thầm và sâu xa vì những cô gái đẹp mà tôi kính yêu thâm trầm, và tôi đã hưởng đến cùng hạnh phúc cao quý nhất của tuổi trẻ: một tình bạn đứng đắn, vui vẻ và trong sạch.

Tôi ở trên xe hỏa bước xuống, mặc bộ đồ mới bằng thứ nỉ xấu, mang theo một cái rương đựng đầy sách vở và mấy thứ cần dùng, sẵn sàng để chinh phục một phần thiên hạ và chứng tỏ cho những người cô lậu xứ tôi biết rằng tôi có tư chất khác hẳn người trong họ Camenzind. Trong ba năm, ba năm tươi thắm, căn gác thượng lộng gió trông ra khoảng trời rộng rãi, tôi chuyên chú về văn nghiệp; tôi muốn thấu hiểu mọi vẻ đẹp của trần gian, vẻ đẹp ở gần tôi, bao bọc quanh mình tôi, thấm nhập và mình tôi. Không phải ngày nào tôi cũng được cơm canh nóng sốt, nhưng suốt ngày đêm giờ nào trái tim tôi cũng cười cũng khóc, tràn ngập niềm vui mãnh liệt, ôm ghì lấy thú vui của đời sống một cách hăng hái và ham say.

Chàng thư sinh là tôi bắt đầu biết Zurich, một đô thị quan trọng, trong mấy tuần lễ liền tôi mở to mắt quan sát mọi thứ. Tôi không hề nghĩ đến việc ca ngợi hay thềm muôn đời sống thị thành: đối với cuộc sống ấy tôi chỉ là một người nông dân. Nhưng tôi khoan khoái mà thấy nhiều sắc thái của phố phường, nhà cửa, dân cư. Tôi theo xe cộ đi lại nhộn nhịp, tôi ngắm bến tàu, công trường, vườn hoa, dinh thự và giáo đường, tôi xem người thành thị chăm chỉ kéo nhau lũ lượt đến sở làm, sinh viên dạo chơi, người ngoại quốc đi một

vòng quanh thành phố. Vợ con người giàu có, đàn bà sang trọng ăn mặc hợp thời trang, dáng dấp kiêu kỳ hơi có vẻ lố lằng, khinh khỉnh với tôi không khác gì con công trong vườn gà vịt. Thật ra tôi không nhút nhát mà chỉ vụng về thôi, thể chất và tâm hồn tôi thiếu ý nhị, tôi không cho rằng tôi không thể thích ứng đến nơi đến chốn với đời sống hoạt động của người thành thị và sống mãi mãi với họ.

Tình bạn trẻ xuất hiện với tôi dưới bộ mặt một chàng trai đẹp trai cũng học ở tỉnh này, y ở căn lầu thứ nhất cùng nhà, mười hai căn phòng rất đẹp. Hàng ngày tôi nghe y đánh dương cầm ở dưới, bởi vậy lần thứ nhất tôi được biết chút ít về cái du dương của âm nhạc, nghệ thuật êm ái và nữ tính hơn cả. Sau tôi thấy y đi ra, dáng đi uyển chuyển và người mảnh mai, tay trái cầm một cuốn sách hay một tập nhạc, tay phải cầm điều thuốc, tưởng vòng khói tan tỏa ra phía sau. Tôi mến y với tình bạn thân thiết và rụt rè, nhưng tôi vẫn giữ ý không muốn làm quen vì sợ mình chơi với một người bạn có phong thái tự chủ, ung dung, nhanh nhẹn không khỏi làm cho tôi tự thẹn vì mình nghèo và kém đường ăn ý ở. Chính y đến thăm tôi trước. Một buổi tối có tiếng gõ cửa, tôi áy náy vì chưa bao giờ tiếp ai ở nhà tôi. Người sinh viên đẹp trai ấy, tự bước vào, giơ tay bắt tay tôi, tự giới thiệu và xử sự rất tự nhiên, rất vui vẻ làm như hai người quen nhau từ lâu.

Y nói một cách thân mật: “Tôi muốn hỏi anh, anh có thích chơi âm nhạc với tôi không.” Khốn thay, trong đời tôi đã sờ đến cái đàn bao giờ đâu. Tôi nói cho y biết và thêm rằng ngoài giọng hát xứ Tyrol ra tôi không biết một nghệ thuật nào khác, tuy nhiên nghe tiếng dương cầm của y cũng biết hay biết thú.

Y vui vẻ mà rằng: “Thế ra tôi lầm! Trông bề ngoài của anh tôi dám cá rằng anh biết chơi âm nhạc. Lại thật thế sao anh biết hát giọng Tyrol. Anh hát cho tôi nghe đi, tôi thích lắm.”

Tôi bối rối mà trả lời rằng ở trong phòng nhỏ này mà lại có người bảo hát thì tôi không hát giọng ấy được. Chỉ có thể hát khi nào ở trên núi hay ít ra ở ngoài trời và mình có hứng.

“Nếu vậy ta sẽ lên núi để anh hát cho tôi nghe! Ngày mai nhé! Anh nhận lời tôi đi. Chúng ta có thể cùng đi vào buổi chiều, đi lang

thang và tán chuyện chơi; lên núi anh sẽ hát một điệu Tyrol rồi tới xuống làng dùng bữa. Anh được rồi rồi chứ?”

Thì hẳn rồi, tôi thiếu gì lúc rảnh rang. Tôi vội nhận lời ngay. Rồi tôi cũng yêu cầu y đờn cho nghe. Tôi theo y xuống căn phòng đẹp đẽ và rộng rãi của y. Một vài bức họa đóng khung kiểu mới, cái dương cầm, một chút bệ bộn nên thơ, hơi thuốc thơm thoang thoảng làm cho căn phòng xinh xắn có một vẻ thanh lịch phóng khoáng và tiện nghi, một bầu không khí thoải mái mới mẻ đối với tôi. Richard ngồi vào dương cầm đánh vài điệu.

- Anh biết bài này chứ?

Y quay lại hỏi tôi, trông y thật là phong lưu công tử. Khuôn mặt xinh trai bỏ phím đàn, nghiêng đi ngó tôi với hai con mắt sáng ngời.

- Không, tôi không biết gì cả.

- Của Wagner, bậc thầy về âm nhạc.

Y trả lời rồi tiếp tục chơi đàn. Một bản nhạc dịu dàng và mãnh liệt, buồn bã và hồn nhiên, tôi cảm thấy như đắm mình trong nước ấm làm cho người sáng khoái. Tôi vừa nghe vừa ngấm lưng và gáy mảnh dẻ hai bàn tay trắng trẻo của người chơi đàn, lòng vui kín đáo. Tôi cũng thấy lòng mình yêu mến và kính trọng một cách thần phục và rụt rè như trước đã từng kính mến người bạn học tóc đen, tôi cũng có cảm tưởng lơ mơ rằng người thanh niên tuấn tú và thanh lịch này có thể trở nên bạn thân của tôi để thực hiện những hoài bão mà tôi đã quên rồi.

Ngày hôm sau tôi xuống kiểm y. Chúng tôi vừa nói chuyện vừa thông thả leo lên một ngọn đồi cao lắm, mắt ngó xuống thành phố, mặt hồ và vườn tược, yên hưởng vẻ đẹp của lúc chiều tà.

Richard nói:

- Bây giờ thì anh hát một điệu Tyrol đi. Nếu anh còn mắc cỡ thì cứ xoay lưng lại tôi. Xin hãy hát cho, hát lớn lên!

Y được thỏa mãn. Trong buổi chiều vàng tôi lấy gân hát lớn, đủ các giọng, đủ các khuôn đem hết niềm vui vào giọng hát. Khi tôi ngừng hát, y muốn nói điều gì, nhưng bỏ lửng, chỉ tay lên núi và lắng tai nghe. Từ một ngọn núi xa, điệu hát đáp lời vọng lại, kín

đảo, ngân nga, tiếng chào của một gã mục đồng hay một khách bộ hành; chúng tôi lắng nghe trong yên lặng và vui sướng. Khi hai chúng tôi cùng lắng nghe, cảm tưởng đứng bên người bạn, cùng bạn dõi mắt ra phương trời xa rục rờ mây hồng khiến cho lòng tôi rung động êm ái. Mặt hồ bắt đầu óng ánh dưới chiều tà, giây lát trước khi mặt trời lặn mây mù tan đi làm hiển hiện một vài đỉnh núi rất hiểm trở.

Tôi nói:

“Phương trời ấy là xứ tôi, ngọn núi ở giữa là Rote Fluh, bên phải là núi Geshorn, bên trái xa hơn một chút là ngọn Seanalpstock, đỉnh tròn. Tôi mới hơn mười tuổi đã bắt đầu lên ngọn núi lớn ấy.”

Tôi ráng sức tìm một ngọn nữa ở phía nam. Lát sau Richard nói một câu tôi không hiểu. Tôi hỏi lại:

- Anh nói gì?
- Tôi nói rằng bây giờ thì tôi biết anh có khiếu về nghệ thuật nào.
- Nghệ thuật nào?
- Anh là thi sĩ.

Y làm tôi mắc cỡ; y đoán ra điều ấy làm tôi vừa khó chịu vừa kinh ngạc.

- Không, tôi không phải thi sĩ. Ở nhà trường tôi có ít bài thơ thật nhưng đã lâu nay tôi không làm nữa.

- Cho tôi xem được không?
- Tôi đốt hết rồi, mà dù tôi còn giữ cũng không cho anh xem.
- Hẳn là cái gì rất mới, có nhiều mùi vị Nietzsche.
- Thế là cái gì?
- Nietzsche. Trời ơi, anh không biết à?
- Không. Biết ở đâu được.

Y thích chí vì tôi không biết Nietzsche. Nhưng tôi chạnh lòng, tôi bèn hỏi y đã từng lên được mấy ngọn núi tuyết. Khi y trả lời chưa lên ngọn nào, tôi cũng làm mặt ngạc nhiên và ngạo nghễ như

y lúc trước. Y bèn đặt tay lên trên vai và nói rất nghiêm nghị: “Anh hay động lòng. Nhưng anh không biết rằng anh là người chân thực, anh không biết rằng rất hiếm có! Trong một hai năm nữa anh cũng biết Nietzsche và tất cả cửa tiệm triết lý, mà anh sẽ biết hơn tôi vì anh thông minh và sâu sắc hơn tôi. Tuy nhiên tôi rất mến anh với trình độ của anh bây giờ. Anh không biết Nietzsche và cũng không biết Wagner, nhưng anh thường lên núi tuyết, anh có khuôn mặt người ở Cao Nguyên. Và chắc chắn anh cũng là thi sỹ. Trông vẻ nhìn và trán của anh thì đủ biết.”

Tôi cũng lấy làm lạ rằng y nhìn tôi một cách sỗ sàng và sống sượng, y nói thẳng ý nghĩ không úp mở như vậy.

Nhưng tôi còn ngạc nhiên và vui sướng hơn khi tôi gặp y tám ngày sau tại vườn một cái quán rất đông khách; y đề nghị với tôi đánh dấu tình bạn thân thiết, trước mặt mọi người y đứng dậy ôm lấy tôi hôn và cùng tôi nhảy chung quanh bàn.

Tôi rụt rè và bảo y:

- Không biết thiên hạ họ nghĩ thế nào?
- Họ nghĩ rằng: hai thằng cha này sung sướng khác thường hay đã say bí tỉ, nhưng phần nhiều họ không nghĩ gì cả.

Tuy y hơn tuổi tôi, thông minh hơn, được dạy dỗ chu đáo hơn, cái gì cũng thông thạo lọc lõi hơn tôi nhưng đi bên cạnh tôi thường khi anh có vẻ một đứa trẻ con. Ngoài phố y tán tỉnh nữ sinh còn trẻ con với giọng trịnh trọng và chế giễu, đang chơi những bản đàn nghiêm trang nhất y ngừng lại bông phèng những câu vô vị nhất. Một hôm chúng tôi cùng đi lễ nhà thờ, giữa lúc giảng đạo, bất thần y lấy giọng thạo đời bảo tôi: “này anh, anh có thấy ông cha cổ này có vẻ một con thỏ già không?” Y so sánh thật đúng nhưng tôi cho rằng y để sau hãy nói thì hơn, và tôi bảo cho y biết.

Y bĩu môi cãi lại: “Đã đúng thì sao không nói. Lát nữa chắc là tôi không nghĩ đến nữa.”

Những câu nói khôi hài của y không phải là bao giờ cũng thông minh, thường chẳng có gì khác ngoài trích dẫn một câu thơ của Busch, nhưng tôi không thấy chối tai, người khác cũng vậy, bởi vì chúng tôi yêu y không phải vì y thông minh hay lanh lợi mà vì tính

vui vẻ bất di bất dịch của bản chất tươi cười con nít lúc nào cũng lộ ra bên ngoài làm y có dáng nhẹ nhàng khinh khoái. Bản chất của y có thể biểu lộ trong khoe cười kín đáo, trong vẻ nhìn vui tươi, nhưng y không thể giữ kín được lâu. Tôi tin rằng trong giấc ngủ cũng có khi y cười hay làm điệu bộ tức cười.

Richard thường đưa tôi đến chơi với bạn hữu khác, sinh viên, nhạc sỹ, họa sỹ, tao nhân mặc khách, phong nhã tài hoa trong hàng tinh dần dần đều giao du với y. Trong số ấy có vài người nghiêm trang nhiệt thành tham dự sự tranh đấu sống còn như triết gia, mỹ học gia, người tranh đấu cho xã hội chủ nghĩa, nhiều người có thể gặp giúp tôi mở rộng kiến thức. Tôi thâm thúy kiến thức thuộc đủ lãnh vực nhưng chỉ từng chi tiết vụn vặt, tôi phải đọc rất nhiều để bổ túc thêm. Dần dần tôi có một ý niệm về những vấn đề đã làm những bộ óc ưu thời mẫn thế hồi ấy phải băn khoăn và say mê, tôi cũng có thể liếc mắt vào đời sống tinh thần của hoàn vũ, điều đó rất có ích lợi cho tôi và kích thích tôi thêm cố gắng. Tôi hiểu ý muốn khuynh hướng, ý chí và lý tưởng của họ và tôi cũng hợp tác với họ nhưng không có thái độ rõ ràng để đứng hẳn về một phe nào. Tôi thấy phần nhiều người để hết tâm trí vào nhiệt tình và hình thức và định chế xã hội, chính phủ, khoa học, mỹ thuật, giáo khoa nhưng chỉ có một cổ ít người thấy cần phải tồn tâm dưỡng trí không có mục đích ở ngoài, cần phải rọi ánh sáng vào mối tương quan giữa con người với thời gian và vĩnh cửu. Đối với tôi cũng vậy, khuynh hướng ấy nói chung chỉ bộc lộ một cách mờ mịt.

Tôi không thân thiết với ai vì tôi yêu Richard một cách tuyệt đối, sự yêu mến ấy làm tôi ghen với người khác, tôi cũng tìm cách làm cho y xa đàn bà vì y hay lui tới và thân mật với họ. Tôi thận trọng thi hành thật đúng từng li từng tí những điều giao ước với y và tôi phạt ý khi bắt tôi phải chờ đợi. Một hôm y hẹn tôi đến rủ y đi bơi thuyền vào lúc nào đó. Tôi đến, y không có nhà, tôi ngồi đợi trong ba giờ đồng hồ mà không thấy. Ngày hôm sau tôi trách y thậm tệ. Y ngạc nhiên mà chỉ cười.

- Sao mày không đi bơi thuyền một mình. Tao quên băng đi mất. Mấy lại cũng chẳng có gì là tai nạn.

- Tao có thói quen giữ đúng lời hứa. Dĩ nhiên tao cũng đã quen với mày, mày chẳng cần bận tâm đến thằng cha ngồi đợi mày

suốt buổi. Ồ tao biết mày nhiều bạn lắm!

Y nhìn tôi kinh ngạc vô cùng:

- Có thể mà mày cũng cho là quan trọng.
- Tình bạn của tao không phải là chuyện nhỏ mọn.

Richard bèn trình trọng đọc 2 câu thơ:

“Lời em đánh trúng tim anh

Thôi xin hứa hẹn trung thành từ đây.”

Y chấp tay lên đầu, theo phong tục Đông Phương lấy mũi mình quệt vào mũi tôi rồi y vuốt ve tôi đến lúc tôi phì cười vùng người ra; thế là tình bạn vẫn nguyên vẹn.

Tôi mượn được nhiều sách, có nhiều quyển rất quý, trong phòng tôi có đủ: triết gia, thi sỹ và phê bình gia kim thời, tạp chí văn chương của nước Đức và nước Pháp, kịch bản mới nhất, tiểu thuyết Ba Lê và tiểu luận của thẩm mỹ gia thành Vienne hợp thời. Nhưng tôi chú ý đến tiểu thuyết gia cổ điển của nước Ý và công việc khảo cứu lịch sử của tôi, công việc ấy tôi thực hiện nghiêm trang và sâu sắc hơn đọc những loại văn chỉ xem qua cho biết. Hoài bão thiết tha nhất của tôi là đẹp ngôn ngữ học đi càng sớm càng hay và chuyên chú về nghiên cứu lịch sử. Bên cạnh những sách tổng quát về lịch sử và phương pháp sử học, tôi đọc thêm những bản cổ thư và địa phương chí của thời Trung Cổ lúc suy tàn ở Ý và Pháp. Nhờ thế tôi làm quen với nhân vật tôi ưa thích hơn cả là Saint François d'Assise, vị thánh đồ thông suốt và thần khí hơn cả. Như vậy giấc mộng nung nấu trái tim tôi giữa những ngưỡng vọng, thú vui và tự đắc tuổi trẻ dần dần trở thành sự thật, trong giấc mộng ấy tôi thấy mở rộng ra trước mắt tôi đời sống tinh thần viên mãn và thuần khiết. Trong giảng đường trí óc tôi hướng cả về khoa học, môn học nghiêm trọng, hơi khô khan, có khi chán ngán. Ở nhà tôi trú ẩn vào sách vở, tôi kính cẩn bước vào thế giới Trung Cổ, đọc những trang sử buồn thảm, những áng văn cổ thời, thế giới tươi đẹp và hạnh phúc của họ tỏa ra quanh tôi một bầu không khí mơ mộng đầy bóng tối và sáng mờ, hay làm nổi lên như sóng biển phũ phàng lý tưởng kim thời và mê muội của thời đại. Những lúc khác tôi nghe nhạc, vui cười với Richard, cùng y họp bạn, giao du với người Pháp,

người Đức, người Nga, đọc những cuốn sách kì dị mới xuất bản, đi thăm những phòng vẽ của họa sĩ, dự những buổi họp có đủ mặt trí thức trẻ tuổi sốt sắng và phù phiếm, họ bao quanh tôi như trong một buổi dạ hội quái dị.

Một bữa chủ nhật Richard cùng tôi đến thăm một cuộc triển lãm họa phẩm. Bạn tôi dừng lại trước một bức tranh vẽ một quả núi với vài con dê. Họ vẽ đúng nguyên tác và khéo lắm, nhưng hơi lỗi thời và xét cho cùng thì không có nghệ thuật chân chính. Trong bất cứ một phòng khách nào cũng có thể thấy những bức họa xinh xắn và vô vị như thế. Tuy nhiên tôi cũng thích thú vì người ta họa lại khá trung thành bãi cỏ xứ Alpes của tôi. Tôi hỏi Richard bức họa ấy có cái gì làm anh chú ý. Y chỉ tên họa sĩ ở một góc. Tôi không đọc được những chữ ghi bằng màu nâu đỏ.

Y nhìn tôi kinh ngạc vô cùng:

- Hội họa không phải là cái gì kì lạ. Còn nhiều bức họa đẹp hơn. Nhưng không có cô nào đẹp hơn nữ họa sĩ vẽ bức đó. Tên cô ta là Ermina Aglietti. Nếu anh muốn, ngày mai chúng ta sẽ đến chơi để khen cô ta là một nhà danh họa.

- Anh biết cô ta à?

- Thì hẳn rồi. Nếu họa phẩm của cô ta cũng đẹp như người cô ta thì cô ta giàu có đã lâu rồi mà cô ta đã thôi không vẽ nữa. Cô ta vẽ mà chẳng ham thích vì cô ta không biết làm cái gì khác để sống.

Y không nghĩ đến sự thăm viếng ấy nữa, mấy tuần sau mới lại nói đến.

“Tôi đã gặp Aglietti. Đã từ lâu tôi muốn đến thăm cô. Anh đi với tôi; vừa đứng dịp cổ áo anh sạch sẽ, cô ta để ý đến những tiêu tiết như vậy.”

Cổ áo tôi còn sạch thật, chúng tôi cùng đi đến nhà Aglietti. Trong thâm tâm tôi hơi có ý chống đối vì Richard và bạn bè của y giao du tự do và suồng sã với nữ họa sĩ và nữ sinh viên, tôi không ưa. Đàn ông thì kém nhả nhặn, có khi thô lỗ, có khi báng nhạo; phụ nữ thì thực tế, lém lỉnh và quỷ quyệt, không làm gì có cái phong thái lý tưởng mà tôi đợi ở người đàn bà, mà vì thế tôi tôn kính họ.

Tôi không được thoải mái khi bước vào xưởng họa. Tôi đã quen với không khí xưởng họa, nhưng đây là lần thứ nhất tôi bước vào xưởng họa của phụ nữ. Không có gì là hóm hỉnh nhưng cũng không có gì là hỗn độn. Ba bốn bức tranh vẽ xong đã đóng khung, một bức khác còn trên giá mới có mấy nét phác. Chỗ tường còn lại thì treo những bức phác họa bằng bút chì rất tinh tế, ngon lành, còn có một tủ sách phân nửa còn trống rỗng. Họa sĩ chào chúng tôi hơi lạnh lùng. Nàng để bút xuống, để nguyên áo choàng, ngồi dựa vào tủ sách. Nàng để lộ thái độ không muốn mất nhiều thì giờ với chúng tôi.

Richard khéo khen ngợi thật ồn ào bức tranh triển lãm. Nàng chế diễu lại và không tin khen tặng của y.

- Nhưng, thưa cô, tôi có ý muốn mua bức họa! Vả chẳng những con bò có vẽ thật sự giống sự thực.

Nàng bình thân trả lời:

- Đây là những con dê.
- Dê à? Dĩ nhiên là dê. Tôi muốn nói đến một cuộc nghiên cứu đã làm tôi điên đảo. Những con dê đúng là con dê trong cuộc đời, đúng là bản chất dê. Cô cứ hỏi bạn Camenzind đây, anh cũng là người miền núi; hẳn anh đồng ý với tôi.

Giữa lúc tôi lúng túng lần thích chí nghe y tán dóc, tôi thấy họa sĩ đưa mắt nhìn tôi và ngắm nghía tôi. Nàng nhìn tôi rất lâu, một cách tự nhiên nhất.

- Anh là người miền núi à?
- Thưa vâng.
- Trông thì biết. Anh nghĩ sao về mấy con dê của tôi?
- Vẽ được lắm. Ít ra tôi cũng không làm với bò như Richard.
- Anh thực là người có nhĩa ý với tôi. Anh là nhạc sĩ à?
- Không, tôi là sinh viên.

Nàng không nói gì với tôi nữa, tôi chỉ có dịp ngắm nhìn nàng. Tấm áo phủ dài lê thê che lấp thân hình nữ lưu làm mất cả duyên dáng, còn cái mặt thì tôi không thấy đẹp. Đường nét dịu dàng và

giản dị, mắt hơi nghiêm khắc, tóc rậm, đen và mềm mại; cái làm tôi hơi khó chịu và gần như chứng mất là nước da. Nước da ấy cứ làm tôi nghĩ đến một thứ phô ma Ý và tôi không lạ rằng đã khám phá ra những đường xanh xanh. Tôi chưa gặp người Ý da trắng xanh, giờ này, trong ánh sáng ban mai xường vẽ chẳng thuận lợi cho nàng, nom nàng như bằng đá làm tôi phát sợ, không phải đá cẩm thạch mà là đá tảng dầu giải phong sương nhợt nhạt. Tôi không có thói quen nhận xét khuôn mặt phụ nữ, nhưng thường thường tôi muốn tìm thấy cái gì là đầy đặn, hồng hào, duyên dáng; tôi hãy còn tâm hồn con trẻ.

Richard cũng không thỏa mãn về cuộc viếng thăm hôm nay. Ít lâu sau, tôi càng kinh ngạc, đúng hơn, càng phát sợ khi y bảo tôi rằng Agiletti rất muốn được hân hạnh vẽ tôi. Không phải phác họa thông thường, càng không cần vẽ mặt, chỉ có vóc dáng của tôi hình như có vẻ độc đáo.

Trước khi mọi việc trôi theo hướng ấy, một biến cố nhỏ đã xảy ra và biến đổi cuộc sống của tôi, quyết định tương lai của tôi trong nhiều năm. Một buổi sáng, tôi tỉnh giấc thì thấy mình thành văn sĩ.

Theo lời khuyến khích của Richard, và cũng là một cách tập dượt và giải trí trong văn học, tôi mô tả những kiểu người trong xứ tôi, những mẫu chuyện sống có đối thoại v.v... tôi trình bày dưới hình thức những nét chấm phá và cố gắng trung thành với sự thật. Tôi cũng viết bài tiểu luận về các sự kiện văn chương hay lịch sử.

Buổi sáng hôm ấy, tôi còn ngủ. Richard chạy vào đặt lên mền tôi ba mươi lăm quan và nói với giọng một người chạy việc: “tiền này là của anh”. Y để tôi hỏi sẵn hỏi đón theo mọi giả thiết của tôi rồi mới lôi từ trong túi áo ra một tờ báo và chỉ cho thấy một truyện ngắn của tôi viết. Y đã chép lại vài bản thảo của tôi đem đến điều đình với một biên tập viên bạn của y mà không cho tôi biết. Bây giờ y đã có bài thứ nhất được đăng với tiền nhuận bút cẩn thận.

Chưa bao giờ tôi xúc động kì dị như lúc ấy. Thực ra tôi bực mình vì Richard đóng vai trò Thiên Hựu như thế nhưng cái khoe khoang nhẹ nhàng của người viết văn bưng bình, tiền nhuận ít và hoài bão danh vọng trên văn đàn đã làm tôi quên sự bực mình.

Trong một tiệm cà phê, y giới thiệu tôi với biên tập viên. Ông này bảo tôi giữ lấy những bản thảo mà Richard đã cho ông biết và mời tôi thỉnh luận về lịch sử, ông muốn nhận được những bài khác và sẽ trả tiền nhuận bút xứng đáng. Bây giờ tôi mới hiểu tầm quan trọng của việc viết báo đối với tôi. Không những tôi có cơm ăn đều đều và trả được những món nợ nhỏ, mà còn có chỗ tống khứ những bài viết ra một cách miễn cưỡng; có lẽ tôi sắp sửa sống bằng ngòi bút và làm việc trong lãnh vực sở trường của mình.

Trong khi chờ đợi, người biên tập viên ấy đưa cho tôi một chồng sách bảo tôi viết bài giới thiệu. Tôi ngốn một hơi hết cuốn sách cuối cùng. Tôi có việc làm trong mấy tuần lễ. Nhưng hết kì tam cá nguyệt mới lấy được tiền nhuận bút, mà vì trông mong vào số tiền đó tôi đã ăn tiêu rộng rãi hơn trước, cho nên lại có ngày tiêu đến đồng xu cuối cùng, tôi phải mở một chiến dịch ăn kham khổ khác. Trong mấy ngày liền tôi sống yên lành trong phòng với bánh mì suông và cà phê, nhưng rồi đói quá lại mò đến tiệm ăn. Tôi đem ba cuốn sách để viết bài đi theo định kí lại tiệm ăn làm của tin. Trước tôi đã gạ bán cho một tiệm sách cũ mà không được. Bữa ăn ngon lành nhưng đến lúc dùng cà phê tôi bắt đầu lo lắng. Tôi thú thực với cô hầu bàn rằng không có tiền, định ăn chịu để sách lại làm của tin. Nàng cầm một cuốn, một tập thơ, mở ra với hai mắt hiệu kì rồi hỏi tôi rằng nàng đọc nó được không. Nàng thích đọc sách nhưng không biết mua sách bao giờ. Tôi cảm thấy mình thoát nạn bèn gạ nàng giữ lấy ba cuốn nhỏ thay cho tiền ăn. Nàng nhận lời, dần dà tôi bán cho nàng một số sách đáng mười bảy quan. Một tập thơ mỏng tôi đổi lấy bánh mì và phô ma, tiểu thuyết thì lấy một bữa ăn thêm rượu nho, một tập truyện ngắn chỉ được một miếng bánh với một tách cà phê. Cứ theo những cuốn tôi đọc qua thì hầu hết là những truyện viết lời văn vò xé đau khổ hợp với thời mới, hẳn là cô gái đọc những sách ấy đã có một ấn tượng ló lảng về văn chương nước Đức hiện đại. Tôi lấy làm khoan khoái mà nhớ lại những buổi sáng tôi mướt mồ hôi trán phi nước đại hết một cuốn sách viết vài dòng tường thuật vội vã cho xong vào buổi trưa để kịp đem sách đổi lấy cái gì ăn được. Tôi vẫn cố giấu Richard sự túng bấn của tôi vì tôi đã lầm lẫn mà lấy làm xấu hổ, tôi chỉ nhận sự trợ giúp của y một cách miễn cưỡng và trong một thời gian ngắn.

Tôi không chỉ là nhà văn. Những bài báo tôi viết chỉ là truyện trang hai trang ba trong tờ nhật báo, không có nghệ thuật. Trong thâm tâm tôi tuy không nói với ai, nhưng tôi hy vọng rằng một ngày kia tôi sẽ viết một tập thơ vĩ đại và mãnh liệt nói lên kiếp phù sinh.

Tấm gương sáng sủa vui tươi của tâm hồn tôi có khi lu mờ vì một loại u buồn, nhưng lúc ấy không bao giờ vắng đục nhiều. Những ý nghĩ đen tối thỉnh thoảng hiện ra một ngày hay một đêm thành hình tượng một nỗi buồn mơ mộng cô đơn, rồi sau biến mất không để lại dấu vết gì, nhiều tuần nhiều tháng sau mới trở lại. Dần dần tôi làm quen với nó như một cô bạn thường gặp. Nó không còn là một sự vò xé, mà chỉ là một mối bức rứt, một cơn mệt không thiếu vẻ quyến rũ. Khi nó chiếm cứ người tôi vào buổi tối, tôi không ngủ, tôi ngồi hàng giờ trước cửa sổ nhìn mặt hồ tối tăm hình núi in lên nền trời, bên trên, sao đẹp như ngọc. Thường thường tôi cảm thấy mạnh mẽ một thứ khắc khoải dịu dàng, hình như tất cả cái huy hoàng của ban đêm nhìn tôi ra chiều trách móc có lý do. Hình như sao, núi và hồ cũng mong mỗi có người hiểu và diễn tả vẻ đẹp với nỗi đón đầu của sự hiện hữu cam lặng ấy, hình như tôi là người ấy, hình như sứ mạng của tôi là đem vào nghệ thuật tiếng nói của thiên nhiên cam lặng. Chưa bao giờ tôi tự hỏi phải làm thế nào, nhưng tôi cảm thấy đêm đẹp và nghiêm vẫn yên lặng chờ tôi, chứa chan tình nồng. Tôi cũng chưa bao giờ viết cái gì trong trạng thái tâm hồn ấy, nhưng tôi chỉ ý thức được trách nhiệm của tôi đối với tiếng gọi âm thầm của sông núi, sau những đêm ấy thường thường tôi một mình đi bộ suốt trong mấy ngày. Làm như thế có cảm tưởng như có thể giải bày chút ít tình yêu đất nước, đất nước vẫn cam lặng tự hiến dâng cho tôi; thật là một ý nghĩ kì dị làm cho tôi phì cười ngay sau đó.

Đi bộ trở thành một thói quen chính yếu suốt đời tôi. Từ đây, năm năm tôi dành phần lớn thì giờ đi bộ qua nhiều xứ, hành trình lâu hàng tuần lễ, hàng tháng. Tôi thành thói quen đi xa với chút ít tiền và một ổ bánh mì trong túi áo, sống nhiều ngày một mình trên đường cái và thường thường ngủ ngoài trời với sao đêm.

Công việc viết văn làm tôi quên bằng cô họa sĩ. Một hôm tôi nhận được của cô một phong thư: “Thứ năm này vài bạn hữu đến

nhà tôi dùng trà. Mời anh lại chơi, anh nhớ rủ cả bạn anh đi nữa.”

Chúng tôi đến và thấy quần quần một bầy nghệ sĩ. Phần nhiều là những người không ai biết, những người bị bỏ quên, những người không thành công; cảnh ấy đối với tôi đáng náo lòng tuy rằng mọi người có vẻ ham sống, hoàn toàn thỏa mãn với cảnh ngộ. Có nước trà, bánh mì phết bơ, dăm bông và rau tươi. Tôi không gặp ai quen biết và chẳng tôi cũng ít nói; bởi vậy tôi chỉ thấy mình đói lạ: tôi ăn trong nửa tiếng đồng hồ, lẳng lặng ăn luôn miệng trong khi những người khác mới uống trà và tán chuyện. Nhưng khi họ lần lượt ra kiểm miếng săng ực thì mới vỡ lẽ ra là tôi đã ăn hết cả dăm bông. Tôi đã lầm mà nghĩ rằng còn đĩa thứ hai để phòng hờ. Người ta cười kín đáo và tôi được ban thưởng mấy cái liếc ngạo nghệ. Tôi nguyên rửa cô gái Ý với dăm bông của cô, điên tiết đứng dậy, đến xin lỗi qua loa cô và tuyên bố rằng lần khác tôi sẽ mang theo bữa ăn của tôi. Tôi cảm lấy mũ.

Aghietti vội giăng lấy mũ, giương hai mắt lặng lẽ và ngạc nhiên nhìn tôi, nghiêm nghị yêu cầu tôi ở lại. Ánh sáng một ngọn đèn lọc qua chao lụa mỏng chiếu vào khuôn mặt nàng, giữa lúc bực mình bất thần tôi thấy vẻ đẹp sung mãn và tuyệt diệu của nàng. Tôi thấy mình mất dạy và thô lỗ tôi bèn kiếm một chỗ cách biệt mọi người ngồi thẩn ra như cậu học trò phải phạt. Ngồi đây tôi mở một cuốn hình hồ Côme ra coi. Những người khác uống trà, chạy chỗ này chỗ khác, cười nói huyên thuyên, trong phòng nhẹ đưa tiếng vĩ cầm hòa với đại vĩ cầm. Tám màn vén lên, bốn thanh niên ngồi trước giá nhạc sẵn sàng để hòa một bản. Giữa lúc ấy người thiếu phụ đến gần tôi một cái bàn con và một tách cà phê, vui vẻ mời tôi và ngồi xuống bên cạnh. Bản nhạc nổi lên và chơi rất lâu nhưng tôi không nghe một tiếng nào vì tôi còn bận giương mắt chao chuộc nhìn người đàn bà mảnh mai, thanh lịch, ăn mặc rất ý nhị, tiếc rằng tôi đã nghi ngờ sắc đẹp và ăn hết thực phẩm của nàng. Tôi vui sướng và băn khoăn mà nhớ ra nàng có ý muốn vẽ tôi. Và chẳng tôi nghĩ đến Rose Gitanner, đến cuộc leo thành đá để hái hoa hồng núi, đến chuyện nàng công chúa vùng băng tuyết, tất cả những chuyện cũ hầu như chỉ để khai mào cho phút hiện tại.

Hết bản nhạc, cô họa sĩ không đi chỗ khác như tôi vẫn lo mà ngồi lại thật êm thắm, cô bắt đầu nói chuyện với tôi. Nàng khen ngợi tôi

về một truyện ngắn đã đăng trên báo. Nàng lấy Richard ra để khôi hài, trong khi vài cô gái xúm quanh anh chàng, thỉnh thoảng tiếng cười vô tư vô lự của anh át cả tiếng nói người khác. Sau nàng nói đến ý muốn vẽ tôi. Tôi nảy ra một ý kiến. Tôi tiếp tục câu chuyện bằng tiếng Ý mà không hề dùng cách gì chuyển tiếp, không những hai mắt ý nhị của người phụ nữ phương Nam ngạc nhiên sung sướng mà tôi còn khoái trí được nghe nàng nói tiếng mẹ đẻ, tiếng nói hợp với cái miệng. Khóe mắt với dáng dấp của nàng, tiếng nói miền Toscane nhịp nhàng thanh lịch, trơ trọi và lạnh lẽo hơi pha giọng thổ ngữ Tessin duyên dáng. Tôi nói không đúng mọ mà cũng không thạo lắm nhưng điều đó không làm tôi lúng túng. Hôm sau tôi phải trở lại để nàng vẽ.

“Arreviderla”, tôi chào nàng để cáo lui và cúi mình thấp đến mức có thể cúi được.

“Arreviderci domani”, nàng mỉm cười trả lời và làm hiệu từ biệt.

Ra khỏi nhà, tôi cứ đường thẳng tiến lên cho đến lúc đường đâm vào sườn đồi, phong cảnh tối âm tối thâm bày ra trước mắt tôi trong vẻ sáng lạn ban đêm. Trên mặt hồ dừng đỉnh chiếc thuyền cô đơn với ngọn đèn đỏ ném xuống nước một vệt dài đỏ tía rung rung trên mặt hồ tối tăm, thỉnh thoảng nhô lên đây đó một làn sóng mờ bạc. Trong một mảnh vườn gần đây có người đánh đàn và cười vang. Trời khuất mây đến gần nửa, trên đỉnh đồi gió mạnh và âm thôi qua.

Cũng như ngọn gió vuốt ve cành cây nặng trĩu trái, vòng lá hạt dẻ tối thui gọi ra tiếng rên rĩ, cười cợt, rung động, sự say sưa đang đùa giỡn với tim tôi. Tôi quì xuống sườn đồi, tôi nằm dài ra đất, tôi trỗi dậy thở dài, rọi gót chân xuống đất, ném mũ ra xa, vùi mặt xuống cỏ, ôm lấy thân cây mà rung, tôi khóc, cười, vụng vụng, điên cuồng vì xấu hổ và vui sướng, trái tim thất lại muốn đứt hơi. Độ một giờ sau tôi mới yên yên, tắt cả lịm đi trong sự tê mê. Tôi không nghĩ đến gì nữa, không định tâm gì nữa, không cảm giác gì nữa; tôi bước xuống đồi như người thụ du, đi lang thang khắp nửa tỉnh, nhìn thấy một quán cà phê còn mở cửa tại một phố heo lánh, tôi bước vào như một cái máy, uống hai lít rượu nho xứ Vaud, đến sáng mới về nhà, người say mèm.

Trưa hôm nay, Aglietti kinh hãi khi thấy tôi bước vào.

- Anh làm sao vậy? Anh đau hay sao? Trông hốc hác quá!
- Không có gì quan trọng, hình như đêm qua tôi say rượu quá, thế thôi. Xin cô bắt đầu vẽ đi.

Nàng bảo tôi ngồi trên ghế và bảo ngồi yên. Điều đó khó gì tôi lim dim ngủ ngay, suốt buổi quá trưa ấy tôi ngủ gà ngủ vịt trong xưởng vẽ. Có lẽ mùi nhựa dầu thông trong phòng làm cho tôi nằm mơ thấy cha tôi sơn lại chiếc thuyền ở nhà. Tôi nằm nghiêng trên bãi sỏi nhìn cha tôi cầm cán sơn và chổi sơn; mẹ tôi cũng có mặt ở đây; khi tôi kinh ngạc sao mẹ tôi chưa chết, bà khẽ trả lời: “Không, nếu má không ở đây thì con sẽ rượu chè như cha con.”

Khi bừng tỉnh tôi ngã lăn khỏi ghế và tôi kinh ngạc rằng đã có ai khiêng tôi vào xưởng vẽ của Aglietti. Tôi không trông thấy nàng nhưng nghe tiếng nàng ở phòng bên khua đĩa bát, tôi kết luận rằng sắp đến giờ ăn.

Nàng nói vọng sang:

- Anh dậy đấy à?
- Vâng. Tôi ngủ có lâu không?
- Có bốn giờ thôi. Anh không ngủ một chút nào à?
- Có chứ! Nhưng tôi đã mơ một giấc mơ đẹp đẽ.
- Anh kể lại coi!
- Vâng, nếu cô thứ lỗi cho và bước sang đây.

Nàng bước vào. Nhưng trước khi tha thứ, nàng còn muốn tôi kể lại giấc mơ. Tôi kể lại và câu chuyện ấy đã đưa tôi trở về những ngày xa xôi lúc tuổi thơ bị lãng quên, trời đã tối đen khi tôi ngưng nói; tôi đã nói cho nàng nghe và cũng nói cho chính mình nghe tất cả cuộc đời niên thiếu của tôi. Nàng bắt tay tôi, vuốt phẳng quần áo cho tôi và hẹn hôm sau vẽ nốt, tôi cảm thấy nàng hiểu tôi, nàng ta thứ cho tôi cả cử chỉ bất lịch sự hôm trước lẫn hôm nay.

Những ngày sau tôi ngồi làm mẫu hàng mấy giờ. Chúng tôi ít nói, tôi ngồi hay nằm như trong lúc mê hoặc, tôi nghe tiếng cây than vẽ quệt lên giấy, tôi ngửi mùi sơn dầu thoang thoang và không có cảm tưởng nào khác cảm tưởng được gần người tôi yêu, cảm

tường hai mắt nàng luôn luôn đặt lên người tôi. Ánh sáng trong xưởng vẽ chan hòa trên tường, một vài con ruồi uể oải cụng vào cửa kính, trong phòng nhỏ cạnh đây, một cái bếp đun bằng rượu reo ù ù, bởi vì sau mỗi chuyến ngồi làm mẫu người ta cho uống một tách cà phê.

Trở về nhà, trí óc tôi vẫn thường theo dõi Erminia Aglietti. Ý nghĩ rằng tôi không thể nào ca ngợi nghệ thuật của nàng không ảnh hưởng gì đến sự say sưa của tôi và cũng không hề giảm bớt. Nàng đẹp như thế, dịu dàng, trong sạch và tự tin như thế, cần gì đến họa phẩm của nàng? Tôi còn thấy cuộc đời cơ chỉ của nàng có cái gì bí hiểm: đó là hình ảnh một người đàn bà tranh đấu sống còn, một nữ anh hùng lặng lẽ, kiên trì và can đảm. Và chẳng còn gì hão huyền hơn sự phán đoán người mình yêu. Những điều nhận xét như vậy không khác nào mấy điệu hát dân ca, mấy điệu hát của lính nói đến trăm ngàn câu chuyện nhưng vẫn nhắc lại một điệp khúc mặc dù điệp khúc đó không ăn nhập gì với nó.

Hình ảnh người đàn bà Ý xinh đẹp trong trí tôi tuy không kém rõ ràng nhưng hiện ra thiếu những nét mà chúng ta thấy rõ ở người ngoài còn người thân cận thì không thấy. Tôi không còn biết rõ nàng ăn mặc thế nào, đầu tóc ra sao v.v... cũng như không rõ sự thực người nàng cao lớn hay bé nhỏ. Khi nghĩ đến nàng tôi thấy một khuôn mặt người đàn bà tóc đen, trông nghiêng rất cao nhã; hai mắt sắc sảo, không to lắm, nước da trắng xanh, miệng nhỏ, đường cong môi tuyệt diệu chứng tỏ nàng đã đến tuổi chín chắn. Khi nghĩ đến nàng, đến những ngày tôi say mê, tôi chỉ nhớ đến một buổi tối trên đồi gió nồng thổi qua mặt hồ, tôi khóc, tôi mừng quỳnh và tôi say sưa như điên dại. Và tôi cũng nhớ đến một buổi tối nữa mà tôi muốn thuật lại.

Tôi nhận thấy cần phải kiếm cách bày tỏ với nàng họa sĩ tình yêu của tôi và hỏi nàng làm vợ. Nếu nàng ở xa tôi chắc là tôi vẫn yên lặng tôn thờ nàng và âm thầm đau khổ vì nàng. Nhưng hàng ngày trông thấy nàng, nói với nàng, bắt tay nàng, đến nhà nàng, lúc nào cũng như kim đâm vào trái tim, tôi không thể chịu đựng được lâu nữa.

Một số nghệ sĩ và bạn hữu của họ tổ chức một buổi họp mặt ở bờ hồ, trong một khu vườn xinh xắn, một buổi tối trời oi ả vào giữa

mùa hạ nóng bức. Chúng tôi uống rượu nho và nước đá, nghe âm nhạc, nhìn mấy cái đèn lồng treo trên dây căng giữa các thân cây. Người ta tán chuyện, pha trò, cười đùa rồi hát hổng. Một chàng họa sĩ nào đó đội nón nồi rất chường mắt nằm dài trên bờ tường làm ra vẻ thơ mộng gầy một cây đàn cán dài lêu nghêu. Một vài nghệ sĩ hữu danh không đến dự hoặc có đến thì ngồi riêng một nơi với mấy họa sĩ già. Vài người đàn bà trẻ có mặt ở đây, họ mặc áo màu sáng của mùa hè, những người khác đi đi lại lại trong bộ làm việc thường ngày. Một nữ sinh viên xấu ời là xấu, đã lớn tuổi, làm cho tôi ngửa mặt vô cùng; nàng đội mũ rom đàn ông trên mớ tóc cắt ngắn, hút xì gà, uống như bò thể, nói nhiều mà nói lớn. Cũng như thường lệ Richard quanh quẩn với mấy cô. Trong sự ồn ào ấy tôi chỉ lạnh lùng, uống rất ít, tôi đợi Agiletti vì nàng hứa cùng tôi đi bơi thuyền. Sau nàng đến với tôi thật, tặng tôi mấy bông hoa và cùng tôi bước xuống thuyền.

Hồ láng trơn như dầu, ban đêm trông không có màu sắc gì cả. Tôi đưa mau lẹ con thuyền nhẹ nhàng ra xa bờ, trong yên lặng tôi không ngừng nhìn bóng người đàn bà mảnh mai tựa vào ghế ngồi bên bánh lái và vui hưởng cuộc du ngoạn. Trời cao thăm còn có màu xanh lam, dần dần từng ngôi sao mọc ra mờ mờ; trên bờ, đó đây có người đàn địch và vui chơi trong vườn. Mái chèo đập nước lờ đờ gọi lên những tiếng ì ọp nhẹ; vào chiếc thuyền khác bơi tung tăng trên nước lặng, nom không rõ lắm; nhưng tôi không để ý đến, tôi chỉ chăm chú nhìn người cầm lái không rời mắt, dự định giải bày mối tình của tôi đang bóp thắt trái tim xao xuyến như một cái vòng sắt nặng. Sự dàn cảnh có một vẻ đẹp dễ nên thơ: con thuyền đứng đĩnh, sao lấp lánh, mặt hồ yên lặng mát mẻ, tất cả làm cho tôi ngại ngùng. Tôi có cảm tưởng đây là một sân khấu hý viện mà tâm hồn nặng trĩu giữa sự mênh mông – vì cả hai đều không nói – tôi ra sức bơi thuyền không biết về đâu.

Nàng họa sĩ mơ màng bảo tôi:

- Anh khỏe thật!
- Cô không muốn nói rằng tôi bị thịt?
- Không, - nàng cười - tôi nói bắp thịt của anh.
- Đúng vậy, tôi rất khỏe.

Câu mở đầu không thuận lợi mấy tí. Buồn nản và bức bối tôi tiếp tục bơi chèo. Một lát sau tôi bảo nàng cho tôi biết về cuộc đời nàng.

- Anh muốn biết gì?

- Tất cả, nhưng tốt hơn hết là một câu chuyện tình. Rồi tôi sẽ kể chuyện tôi, câu chuyện duy nhất. Ngắn ngủn và đẹp đẽ, chắc sẽ làm cô vui thích.

- Anh nói gì vậy, thử kể lại coi.

- Không, cô nói trước đã. Vả chăng cô biết nhiều về tôi hơn tôi biết về cô. Tôi muốn biết đã có khi nào cô thực sự yêu ai hay là đối với chuyện tình tôi e rằng cô tự ái quá và thiên vị lí trí quá.

Erminia suy nghĩ một chút.

- Đây cũng là ý nghĩ lãng mạn của anh bắt một người đàn bà kể chuyện mình ở đây, trong đêm tối, trên mặt nước lênh đênh này! Tiếc rằng tôi không thể làm được. Thi sĩ các anh, các anh có thói quen việc gì cũng tìm được lời hay ý đẹp và tưởng rằng ai không nói đến tâm tình là không có trái tim. Anh đã lầm, tôi không tin rằng tôi không thể yêu nồng nàn hơn tôi đã làm. Tôi yêu một người đã lấy vợ và anh cũng yêu tôi không kém; nhưng chúng tôi không biết được có thể xum họp với nhau không. Chúng tôi viết thư cho nhau và thỉnh thoảng cũng gặp nhau...

- Cô có thể cho biết mối tình ấy là cô vui sướng hay đau khổ, hay cả hai thứ.

- Chao ôi! Ái tình không phải để cho chúng ta sung sướng. Tôi cho rằng ái tình là đề khảo thí cho chúng ta biết ta có sức đau khổ và chịu đựng được đến mức nào.

Tôi không hiểu rõ lắm nhưng tôi không ném được cái gì như tiếng thở dài nhẹ thay cho câu trả lời.

Nàng nghe thấy tiếng thở dài ấy.

- Ủa, anh đã biết những chuyện ấy rồi à? Anh còn trẻ thế kia! Bây giờ đến lượt anh tự thú đi. Nhưng tùy anh có thực tình muốn nói hay không.

- Có lẽ để lần khác thì hơn. Và chẳng hôm nay tôi thấy trong lòng sôi động quá và tôi cũng rất tiếc có lẽ đã làm cô nhìn đời đen tối. Chúng ta quay trở lại thôi chứ?

- Tùy anh. Đi xa bao nhiêu rồi?

Tôi không trả lời. Nhưng tôi khua mạnh mái chèo xuống nước, quay thuyền và chèo đi như trời sắp đổi gió. Thuyền lướt sóng, giữa lúc quay cuồng trong nguy nan và xấu hổ, tôi thấy mồ hôi chảy từng giọt lớn trên mặt và người tôi run lên như cò phải bão. Khi tôi tưởng tượng ra rằng suýt nữa thì mình đóng vai trò một gã đa tình quỳ gối trước mặt người đàn bà ráng gạt lời van nài với giọng phân hữu của người mẹ, tôi rùng mình thấu xương tủy. May mà thoát được nạn ấy, bây giờ tôi chỉ còn phải ráng mà chịu đựng những đau khổ khác. Tôi bơi vào bờ như một người bị ma trêu quỷ ám.

Cô bạn xinh đẹp của tôi ra chiều phật ý khi lên bờ tôi từ biệt cô lẻ làng để cô một mình.

Hồ yên lặng, âm nhạc vui vẻ, đèn giấy vẫn đưa ánh sáng ửng hồng xuống đám hội, nhưng tất cả đối với tôi hiện ra vẻ dối trá lố lăng. Nhất là âm nhạc. Tôi những muốn nghiền nát cây đàn cha mặc áo nhung đang làm ra bộ ta đây kẻ giỏi với cây đàn đeo vào sợi băng lụa. Trong chương trình lại còn khoản đốt pháo bông nữa! Thật là phù phiếm!

Tôi mượn Richard vài quan, ném mũ lên gáy và bắt đầu đi lan man qua thành phố mấy giờ liền cho đến khi buồn ngủ rũ xuống. Tôi nằm lăn ra bãi cỏ, nhưng một giờ sau phải bò dậy vì sương xuống ướt đầm người cứng đờ run run như cây sậy. Tôi đi đến làng gần đấy thì trời đã tang tảng sáng. Người đi hái rau tạt qua đường phố bụi bặm, mấy anh canh điền phải dậy sớm, mở mắt tròn xoe bên cửa chuồng bò, đầu đầu cũng tung bừng sinh hoạt thôn dã. Đáng ra mình phải yên phận ở nhà quê, tôi tự nhủ khi đi qua xóm, tuy mệt nhọc cũng cứ đi miết cho tới khi mặt trời nóng bức khiến tôi phải ngồi nghỉ. Tôi chúi vào đám cỏ bên ven khu rừng dẻ gai, ngủ dưới trời nóng cho tới chiều. Khi tỉnh dậy đầy nặc mùi cỏ đồng, chân tay nặng nề một cách khoan khoái, chỉ khi nào nằm lăn ra đất thật lâu người ta mới có cảm giác ấy; buổi hội hè, bơi thuyền

và tất cả chuyện khác hầu như chỉ còn là chuyện xa xôi buồn bã quên đi quá nửa như cuốn tiểu thuyết đọc được từ mấy tháng trước.

Tôi còn đi trong ba ngày nữa để mặt trời thiêu đốt mặt mày đen nhẻm và tôi tự hỏi có nên cứ nước này đi về nhà giúp cha rầy cỏ non.

Thực ra vết thương chưa lành hẳn. Trở về tôi lánh mặt cô họa sĩ như tránh bệnh dịch hạch, nhưng không thể tránh được lâu, đến sau mỗi lần nàng đặt hai mắt vào tôi và nói với tôi, tôi lại thấy uất hận đè lên cổ.

Cái gì ngày trước không xảy ra cho cha tôi thì nay đã xảy ra với tôi vì chuyện thất tình này: tôi thành người nghiện rượu.

Đối với đời tôi, với tính tình tôi, thì điều đó quan trọng hơn tất cả cái gì tôi đã kể đến đây. Ông trời quyền uy và hiền từ ấy trở thành người bạn trung thành của tôi và ông còn là bạn mãi. Ai có quyền uy bằng ông? Ai đẹp đẽ, nồng công, nhiệt tình, vui và buồn được như ông thân rượu? Một đấng anh hùng vừa là một nhà ảo thuật. Một chàng quyến rũ tài tình, anh em với Dâm thần. Quyền thế của ông là làm cái gì không thể làm được. Ông làm cho trái tim ty thiếu của loài người tràn đầy thơ hay tuyệt diệu. Một người nông dân, một người cô độc như tôi, ông đã biến ra một ông vua, một nhà thơ, một nhà hiền triết. Ông đem lại một vận mệnh mới cho những con thuyền đã xả hết lạng vào giòng đời và ông đưa những người đắm thuyền vào những hướng đi khác để họ bị lôi cuốn theo như bay.

Rượu là tất cả những cái ấy. Nhưng rượu cũng như tất cả cái gì có giá, có thiên bẩm và có nghệ thuật, người ta phải yêu mến nó, tìm đến nó, hiểu biết nó và dày công chinh phục nó. Ít người đáng kể là có tử lượng khá và rượu cũng đưa cả ngàn người đến tử địa. Nó làm cho con người già nua và nó làm họ ngu muội. Nhưng con cung của nó, nó mời vào bàn tiệc của nó, nó xây cho chín bậc cầu vòng, như xây phù kiều cho lên tới động thiên thai. Nó hầu gồi chẵn khi mình mệt mỏi, nó ôm ấp mình trong cánh tay mềm mại của nó khi mình buồn nản, an ủi vỗ về như người bạn hay người mẹ. Nó biến đổi những trắc trở trên đường đời thành huyền thoại cao siêu, cây đàn thần của nó lên tiếng hát bài ca sáng tạo.

Và lại nó còn là đứa trẻ tóc tơ, vai hẹp, chân yếu tay mềm. Nó nép mình vào tim ta, ngẩng mặt nhìn ta, giương hai mắt ngây thơ hiền hậu và mơ màng nhìn ta, trong cùng khốc, mắt ấy phảng phất sự ngây thơ nguyên thủy, những kỉ niệm thơ ấu của chốn Thiên Đường tươi đẹp và trong sáng như ngọn suối mới sa trong rừng sâu.

Ông thần lưu linh thú vị ấy giống như dòng sông sâu cuộn cuộn chảy một đêm xuân. Và nó giống như biển cả bồng bênh trên làn sóng mát mặt trời và bão tố.

Khi rượu chuyện trò với ai yêu chuộng nó, kẻ ấy sẽ thấy giữa hai cái rùng mình, cuộn cuộn nổi lên trong người như biển sóng, biết bao sự bí hiểm biết bao kỉ niệm, thi tứ, linh cảm, làm át cả những tiếng động khác. Trần gian thu nhỏ lại tác gang không còn là cõi thực, tâm hồn rung động vì vui sướng và khắc khoải rơi vào những nơi hoang vắng xa lạ, cái gì cũng lạ lùng nhưng quen thuộc, tiếng nói là âm nhạc, là tiếng nói của thi nhân, của mơ mộng.

Nhưng tôi phải bắt đầu kể lại chuyện của tôi với bạn đọc.

Có khi tôi quên mình, tôi có thể giữ được sự thư thái trong vài giờ để học hành, viết lách và nghe âm nhạc với Richard. Nhưng không ngày nào là tôi không đau khổ. Có khi nó chỉ day dứt tôi về đêm trong giường ngủ, tôi thở dài và phản kháng, mãi khuya mới ngủ được, mắt còn đầm lệ. Có khi nó bùng lên vào lúc tôi gặp Aglietti. Nhưng thường thường là về buổi chiều, lúc bắt đầu những đêm hè nóng nực làm ta nhọc mệt. Bảy giờ tôi chạy ra hồ kiếm một chiếc thuyền, bơi chèo đến vã mồ hôi, bảy giờ không thể về nhà được nữa, phải tìm một quán rượu hay khu vườn của một tiệm cà phê. Ở đây tôi uống các thứ rượu nho, vừa uống vừa gặm nhấm nỗi ưu phiền, ngày hôm sau tôi gần như người ốm. Có đến mười lần ở trong tình trạng ấy tôi thấy khổ sở và ghê tởm đến nỗi định bụng không bao giờ uống nữa. Thế nhưng rồi lại uống. Dần dần tôi biết cách phân biệt các thứ rượu và ảnh hưởng của mỗi thứ, như vậy tôi biết rõ tác dụng của nó khi đem dùng, nhưng nói chung thì dùng một cách thiên cận và ngu muội. Sau cùng tôi chỉ dùng thứ rượu nho đỏ sậm sù Valteline. Cốc thứ nhất có vị chát và bốc, uống xong rượu đưa tôi vào cơn mộng bình thản và miên man, rồi bắt đầu ảnh hưởng kì ảo, sáng tạo và thi hứng của nó. Tôi nhớ lại tất cả những phong cảnh đã làm tôi say mê một ngày nào đó nhưng hiện ra dưới một thứ ánh sáng đẹp đẽ; tôi đi lại trong cảnh ấy, ca hát, mơ mộng, trong tôi hừng hực một hình thức sống cao kì và mãnh liệt. Rồi cảnh đó chấm dứt bằng một thứ buồn rất thú vị, tôi nghe thấy đàn ca những điệu hát bình dân, tôi biết rằng một chân trời hạnh phúc đang chờ đợi tôi ở đâu đây và tôi đã lướt qua nhưng đã không biết nắm lấy.

Dĩ nhiên, rồi cũng đến lúc ít khi tôi ngồi uống một mình, tôi đi nhậu nhẹt ở khắp nơi tụ hội. Khi tôi không uống một mình nữa,

rượu nho ảnh hưởng đến tôi khác hẳn. Tôi trở nên người nói nhiều, nhưng không đến nỗi nóng nảy, trái lại tôi cảm thấy một thứ nóng sốt lạnh lùng kì lạ. Một kích thước khác của con người tôi chưa từng ý thức được; nhưng kích thước ấy ít thấy được ở hoa trong bình hay hoa trong vườn mà phải tìm ở nơi cỏ nội hoa đồng. Tôi có đủ khả năng diễn tả tư tưởng thì đồng thời tôi cũng phát triển thêm một khiếu phê bình lạnh lùng và bén nhọn làm cho tôi yên chí là mình có cái gì hơn người, tôi trở nên ngạo nghễ và hoạt bát. Nếu có ai làm tôi khó chịu, tôi báng nhạo họ, châm chọc họ kì cho họ bỏ đi chỗ khác. Từ thuở tôi còn thơ ấu người lớn đối với tôi đã không thân thiết đặc biệt, không cần thiết; từ đây tôi xét đoán họ với tinh thần chỉ trích trào lộng. Tôi lấy làm thích thú mà tưởng tượng và kể lại những mẩu chuyện trong đó sự tiếp xúc giữa mọi người hiện ra bộ mặt dữ tợn và trào lộng, tôi chế giễu họ dưới hình thức khách quan lạnh lùng. Từ đâu mà tôi có giọng khinh bỉ ấy? Chính tôi cũng không biết rõ, nó tự thâm tâm tôi phát ra như một cái ung thư đến lúc chín mùi và trong nhiều năm qua tôi không thể từ bỏ được.

Nếu có buổi tối nào ngồi một mình thì tôi lại mơ màng đến núi non, sao sáng, âm nhạc buồn.

Trong những tuần lễ ấy tôi khởi thảo một loạt nghiên cứu xã hội, văn minh, nghệ thuật thời đại, một cuốn sách chỉ trích cay độc thoát thai từ những câu chuyện ở quán cà phê. Công việc nghiên cứu lịch sử của tôi trích dẫn những tài liệu quá khứ làm cho lời bình chú của tôi có căn bản chắc chắn.

Thiên khảo ấy đăng lên báo, tôi được một tờ báo khá quan trọng mời cộng tác thường xuyên nhờ vậy cuộc sống khá đầy đủ. Ít lâu sau thiên tiểu luận in thành sách xuất bản và gây được ít nhiều tiếng vang. Tôi bỏ hẳn ngôn ngữ học không ngó đến nữa. Kiến thức đại học của tôi đã khá tiến bộ, sự liên lạc với nhiều tờ tạp san đưa tôi ra khỏi chỗ tối tăm thô thiển và dẫn tôi vào thế giới của những nhà văn chính thức. Đã có phương tiện sinh nhai, tôi xin khước học bổng và dương buồm thẳng tới cảnh đời bạc đãi một nhà văn.

Mặc dù thành công và hóm hỉnh; mặc dù viết lách, mặc dù thất tình, lúc vui cũng như lúc buồn, tôi vẫn giữ được sinh khí mạnh mẽ và sáng chói của tuổi trẻ. Tuy rằng tôi trào lộng, tự cho mình những vẻ thạo đời, tôi vẫn nhìn thấy trước mặt tôi trong mơ mộng của tôi,

một mục đích, một lý tưởng. Sau này sẽ ra thế nào không biết. Tôi chỉ cảm thấy sẽ có một ngày kia đời sống mang đến cho tôi hạnh phúc đề huề, danh vọng. Không biết chừng cả ái tình và sự thỏa mãn thềm khác cháy lòng, những cái gì trả lời vào hoài bão sâu xa của tôi hay phần khích kiếp sống của tôi. Tôi là một cậu ấm sinh mơ màng đến các bà công nương quý tộc ngày mà cây được sắc phong, được danh vọng lớn.

Tôi tưởng rằng mình đã bắt đầu có chức phận cao sang. Tôi không biết rằng tất cả cái gì đạt được chỉ là ngẫu nhiên, còn bản chất tôi, đời sống của tôi chưa tìm thấy chủ điểm sâu xa và chính yếu của riêng nó. Tôi chưa biết rằng ý muốn mãnh liệt vò xé tôi không thể bị giới hạn bởi sự thỏa mãn ái tình hay danh vọng.

Bởi vậy tôi hãy tạm hưởng chút danh vọng còn con vẫn đục với tất cả hứng khởi của tuổi trẻ. Tôi thấy dễ chịu khi được ngồi bên ly rượu ngon với những người thức giả và khi tôi nói mắt người ta đổ dồn về tôi, đầy hiếu kì và chú ý.

Đôi khi tôi ý thức được nhu cầu cấp thiết của mọi người có tâm huyết ngày nay đang thúc đẩy mạnh mẽ họ tìm một lối thoát và tôi cũng ý thức được họ đã sa chân vào những ngõ ngách kì dị. Tin Thượng Đế thì thiên hạ cho là điên, gần như thô lỗ, ngoài ra người ta còn muốn tin tưởng đủ mọi thuyết đủ mọi người có tên tuổi: Schopenhauer, Thích Ca, Zarathoustra và hàng trăm người khác. Có những nghệ sĩ trẻ tuổi không tên không tuổi lấy thái độ thành khẩn mà suy tư trước những tòa kiến trúc vĩ đại, những pho tượng hay bức họa. Quý gồi trước Thượng Đế thì họ xấu hổ, nhưng họ lại quý trước tượng Jupiter của Orticoli. Có những nhà tu khổ hạnh khổ sở vì diệt dục nhưng cách ăn mặc thật là choang chóe. Ông trời của họ có những tên như Tolstoi hay Thích Ca. Có những nghệ sĩ tìm cách tự gợi ra những trạng thái tâm tình độc đáo bằng cách ngấm những bức thêu tinh vi được chọn lựa cẩn thận, hay bằng một vài bản nhạc, một vài món ăn, rượu, hương hoa và thuốc xì gà. Họ dùng một ngôn từ phổ thông để làm như nắm được những dữ kiện bình dân, những âm điệu, những hòa hợp màu sắc và những tinh túy cùng loại ấy; đâu đâu người ta cũng tìm những “cá tính” mà kỳ thực cá tính của họ chỉ là một chút ngụy tạo còn con mà chính họ bị lừa trước tiên, nếu không là cái gì ngông cuồng quái

gở. Thực ra, tôi lấy làm thích thú mà xem họ nhập đồng hay đóng một mà kịch dơ dáy, tuy vậy cũng có khi tôi có cảm tưởng là nhiều hoài bão sâu xa, nhiều sinh khí thực sự đã tan thành lửa khói.

Tất cả những thi sĩ, nghệ sĩ và triết gia có tư tưởng tân kỳ mà tôi quen biết hồi ấy, tôi không thấy có người nào sau này làm được cái gì ra hồn. Trong số ấy có một thanh niên Đức trạc tuổi tôi, một nhân vật đáng cho người ta có cảm tình, một người dễ thương và mềm mỏng, ý nhị và có cảm giác tinh vi đối với mọi lãnh vực liên hệ đến nghệ thuật. Y được tiếng là một thi sỹ lớn trong tương lai, có khi tôi nghe đọc thơ của y, câu thơ phảng phất trong trí nhớ như cái gì vô cùng nhẹ nhàng, một vẻ đẹp có linh hồn. Trong số nhà văn chúng tôi có lẽ y là người duy nhất có tâm hồn thi sĩ thực sự. Sau này ngẫu nhiên tôi biết rõ cuộc đời văn nghệ ngắn ngủi của y. Người nghệ sĩ dễ động lòng ấy trở nên rầu rĩ sau một chuyến thất bại trên văn đàn, y quyết định không ra mắt công chúng nữa và tìm sự nâng đỡ của một người bảo trợ, ông này đáng lẽ khuyến khích y và khuyên y theo lẽ phải lại đưa y đến chỗ mai một tài năng. Trong biệt thự của ông bầu giàu có, anh chàng khoan khoái mà cho ra những lời bàn thẩm mỹ nhạt nhẽo và huênh hoang trước mặt mấy bà, trong trí tưởng tượng của y, y cho mình là thiên tài người đời không biết đến, âm nhạc Chopin và sự say mê lỗi thời thêm vào, y tự mình làm cho mình mất cả lý trí. Tôi không thể nghĩ đến những tâm hồn ưu tú như y mà không rung mình lần thương hại, những trang thi nhân tuổi còn non dại, quần áo tóc tai nom thật kì dị; sau đây tôi mới ý thức được cái nguy hiểm của những sự giao du như thế. Bản chất dân quê miền núi đã giúp tôi tránh khỏi những trò lố lăng ấy.

Tuy nhiên, tôi có ý thức hơn về cao đẹp và hạnh phúc là nhờ tình bạn chứ không phải danh vọng, rượu chè, ái tình và đạo lý. Xét đến cùng thì tình bạn giúp tôi thắng được khuynh hướng bẩm sinh chỉ nhìn cạnh khía bi thảm của cuộc đời và giữ được toàn vẹn cái trong sáng nguyên sơ của tuổi trẻ. Đến ngày nay tôi cũng chưa thấy cái gì quý giá hơn tình bạn trai thành thực và phong phú; và nếu thỉnh thoảng có ngày ảm đạm lòng tôi nhớ nhưng lúc thiếu thời đó chỉ là hồi tưởng lại tình bạn sinh viên.

Từ khi say mê Erminia tôi kém thân thiết với Richard. Mới đầu tôi không nhận thấy, nhưng độ vài tuần lễ sau tôi phải hối hận. Tôi thú thật với y, y cho biết là y trông thấy tai nạn mà y lo ngại phát sinh và nảy nở. Tôi trở lại thân thiết với y, thân đến ghen với người khác. Tôi hoàn toàn nhờ có tình bạn mà đạt được một vài điểm của nghệ thuật sống anh nhiên thư thái. Y đẹp cả về thể chất cũng như về tinh thần, y ham sống và hình như đời y không có gì là ưu phiền. Sự tinh khôn, sự lanh lợi của y không làm cho y không biết đến say sưa lằm lằm, nhưng những chuyện đó qua đi không tác hại gì. Đi đứng, nói năng, cái gì cũng thanh thoát, nhịp điệu, đáng mến. Trời ơi! Y mới là người biết cách cười!

Y không đồng ý với tôi về chuyện nghiên cứu rượu nho của tôi. Có dịp y cũng đi với tôi, nhưng chỉ uống hai ly là say, y ngạc nhiên một cách ngây thơ khi thấy tửu lượng của tôi đáng phục hơn nhiều. Nhưng khi thấy tôi đau khổ hay quí ngã trong ưu tư không đường chống cự, y đánh đàn đọc sách với tôi hoặc dắt tôi đi chơi. Những lúc đi chơi như thế thường thường chúng tôi vui nhộn như con nít. Một buổi chiều quá trưa oi ả, chúng tôi nghỉ dưới một thung lũng rậm rạp cây cối, chúng tôi hái nụ thông ném nhau và đọc thơ oang oang với giọng tình tứ. Tiếng một con sông róc rách đưa tới bên tai, không thể tránh khỏi sức quyến rũ của làn nước ao trong veo mát lạnh. Y có sáng kiến đóng kịch. Y ngồi lên một hòn đá phủ rêu làm nữ thần Lorelei quyến rũ tàu bè làm cho mắc cạn, còn tôi bơi ở dưới như anh thủy thủ trong chiếc thuyền con. Y đóng vai trình nữ và ưỡn ẹo tài tình quá đến nỗi tôi không nín cười được, đáng ra tôi làm ra vẻ đau đớn mê man. Bất thành linh có tiếng người, một đám du khách xuất hiện trên đường mòn, chúng tôi trần truồng như nhộng phải vội vàng nấp xuống bờ sông, chỗ khuất. Giữa lúc đám người đi qua trên đầu chúng tôi mà không ngờ, Richard gào lên đủ thứ tiếng kì dị, kêu ụt ịt, kêu choe chóc, giả tiếng mèo gào. Họ giật mình dừng lại nhìn quanh mở to mắt nhìn xuống sông, họ sắp sửa tìm thấy chúng tôi thì y thò nửa người ra ngoài hang, nhìn đám người tức giận, giơ tay lên như thầy tu vái Chúa, nói giọng nghiêm trang: “Xin đi đi cho yên lành!” Rồi y thụt xuống véo vào tay tôi mà rằng: “Đó cũng là một câu sấm.”

- Câu gì?

- Thần Pan dọa mấy đứa mục đồng - y vừa nói vừa cười.

Thật là xui xẻo, trong số khách bộ hành có vài người đàn bà.

Y không để tâm đến công việc nghiên cứu lịch sử của tôi. Tuy nhiên y cũng đồng ý với về điểm tôi thích Saint François d'Assise đến say mê, nhưng có cơ hội y cũng đặt mấy câu pha trò làm tôi lên ruột. Chúng tôi nghĩ đến ông thánh ấy lần bước qua xứ Ombrie nước Ý, an nhiên tự tại mà sống hồn nhiên trong ân sủng của Chúa và đầy trù mền khiêm nhường với tất cả mọi người. Chúng tôi cùng đọc bài ca ngợi mặt trời bất tử của ông mà chúng tôi gần thuộc lòng. Một lần đi chơi hồ, trở về bằng tàu thủy, gió thổi gợn sóng, nhuộm màu hồng, y khẽ hỏi tôi:

“Không biết trong những lúc thế này ông thánh của ta nói gì?”
Tôi vội đọc:

“Lauda tu si, mi signore, per frate ventu e per aere e nubilo e sereno e onne tempu!...”

Khi chúng tôi cãi nhau và văng tục với nhau, y cười và hất vào mặt tôi đủ mọi biệt hiệu kiểu học sinh đến nỗi tôi không nhịn cười được, thế là cơn giận hết gay go. Chỉ khi nào nghe hay đồn những bản nhạc y hâm mộ là y có vẻ tương đối, nhưng y vẫn có thể ngưng lại pha trò một câu. Tuy nhiên y phụng sự nghệ thuật với trái tim trong sạch và ý thức về cái gì có chân giá trị không thể sai lầm được.

Y còn xuất sắc về tài nghệ thuật rất tế nhị an ủi người khác, chia sẻ thống khổ với người khác hay làm phấn khởi người bạn trong lúc buồn nản. Khi thấy tôi ủ rũ y có cách kể cho nghe một loạt chuyện tiểu lâm, y biết dùng giọng nói trấn tĩnh và vỗ về ít khi tôi không nghe theo.

Tôi hơn trội y chút đỉnh vì tôi nghiêm trang đứng đắn hơn y, và chẳng thân hình đồ sộ của tôi có cái gì đáng nể chứ. Y còn khoe với bạn khác, y hãnh diện có người bạn có thể dùng một tay bóp cổ y chết tươi. Y chú trọng nhiều đến sức lực và khéo léo thể chất; dạy tôi chơi quần vợt, chèo thuyền và bơi lội, với tôi, cùng tôi đua ngựa, không có chuyến nào đánh bi a với y mà tôi chơi kém. Bi-a là môn sở trường của y, không những y chơi có nghệ thuật và chuẩn xác, thường thường đứng trước bàn bi-a y còn trở nên nhanh nhẹn,

hoạt bát và vui vẻ. Thường khi y lấy tên ba người quen với chúng tôi đặt cho ba hòn bi, mỗi cú, tùy theo vị trí, ba hòn bi gần hay xa nhau, y dựng lên một cuốn tiểu thuyết đầy tình tiết giật gân, lời bóng gió ví von không nhìn cười được. Tuy thế nhưng y vẫn chơi một cách bình tĩnh, nhẹ nhõm và thanh lịch vô cùng, nom y cũng đủ thích mắt.

Hoạt động văn nghệ của tôi, y cũng không để ý đến nhiều hơn tôi. Một hôm y nói: “Tôi vẫn cho anh là thi sĩ và tôi không đổi ý, nhưng anh thi sĩ không phải vì anh viết văn đăng báo mà vì tôi biết anh có cái gì sâu sắc và cao đẹp sẽ có ngày đưa ra ánh sáng. Bây giờ mới thật là thơ.”

Trong khi ấy thì ngày tháng trôi đi như đồng tiền trong tay, chẳng ai để ý đến ngày Richard phải nghĩ đến việc về thăm nhà. Trong những tuần lễ cuối cùng chúng tôi sống vui vẻ đến điên cuồng, gần như giả tạo, sau cùng, đồng ý với nhau rằng trước khi chia tay phải đánh dấu những năm đẹp đẽ của cuộc đời bằng một cuộc vui tung bừng đáng ghi nhớ suốt đời. Tôi đề nghị một chuyến nghỉ hè trên núi Alpes Thụy sĩ, nhưng mùa xuân chưa đến. Lên núi thì còn sớm quá. Trong khi tôi bới óc tìm ý kiến thì Richard viết thư cho cha và kín đáo sửa soạn một cuộc vui bất ngờ thật ra vẻ. Một hôm y nhận được một tấm chi phiếu lớn và rủ tôi đi cùng với tư cách là người hướng dẫn sang miền bắc nước Ý.

Lòng tôi khắp khởi vui mừng mong mỏi. Một ước vọng mạnh mẽ hơn cả đã có từ thuở bé, thực hiện cả ngàn lần trong giấc mơ, nay trở thành sự thật. Tôi nóng lòng sửa soạn các thứ lặt vặt, dạy bạn nói mấy câu tiếng Ý, đến phút cuối cùng còn lo rằng mọi dự định sẽ tan đi như mây khói.

Chúng tôi gửi hành lý đi trước rồi lên tàu. Núi đồi đồng ruộng lướt qua mắt, hồ Uri, núi Gothard làng mạc đến sườn núi, thác, núi lở, đỉnh Tessin phủ tuyết rồi đến những căn nhà thứ nhất xây bằng đá, đen thui giữa vườn nho phẳng lì, rồi thì con tàu mang theo hy vọng của chúng tôi lướt qua ven hồ, qua vùng Lombardie trù phú, tiến tới Milan tung bừng sống động vừa có sức thu hút lẫn xua đuổi chúng ta một cách kì dị.

Chưa bao giờ Richard có một ấn tượng về thánh đường Milan, y chỉ nghe người ta nói về một nơi nổi tiếng đẹp. Bây giờ y tỏ vẻ thất vọng và bức tức, coi thật buồn cười. Khi đã nuốt trôi được ghê tởm và thấy lại tinh thần hài hước y đề nghị với tôi leo lên nóc để chạy nhảy trên các tượng đá và cây mọc trên ấy. Chúng tôi cũng được thỏa mãn không đến nỗi bức bối khi nhận thấy hàng trăm pho tượng ở gác chuông phần nhiều nhận kĩ thì thấy là thứ làm ra từng loạt và thuộc loại rất thô sơ, đó là những pho tượng mới nhất, mà có lẽ toàn thể các tượng đều như vậy. Chúng tôi đứng gần hai giờ trên sân đá cẩm thạch dốc, mặt trời thảng tư chiếu xuống đã hơi hơi nóng: Ở đây Richard bình tĩnh thú nhận với tôi: “Anh biết không, thực ra tôi không thấy có gì là thất lợi nếu rồi đây còn gặp những thất vọng khác ngoài cái thánh đường kì cục này. Trong khi đi đường tôi hơi bứt rứt khi nghĩ đến những di tích huy hoàng sắp viếng thăm có thể làm cho chúng tôi hoa mắt. Thế mà cuộc phiêu lưu bắt đầu một cách kháu khỉnh và khôi hài như vậy!” Sau đấy, thế giới tượng đá hỗn loạn bao quanh chúng tôi gợi lên đủ mọi ý nghĩ kì quặc; y nói: “Tôi giả thiết rằng cái gác chuông ở trên cao kia, ngọn tháp cao hơn hết, hẳn là chỗ của vị thánh đồ cao nhất và tôn nghiêm nhất. Nhưng chắc hẳn lấy gân mà đứng cho thẳng bằng mãi như tài tử bằng đá đi trên dây thép thì cũng mệt cho nên vị thánh bực nhất đã được thay thế và lên châu thiên hoàng. Anh thử tưởng tượng xem thiên hạ vận động ngược xuôi như thế nào! Vì các vị thánh khác đều lên một trật tự đúng theo cấp bậc phẩm trật và ai nấy đều phải nhảy một bước lớn lên trật của người đi trước mình cho cho thật nhanh, vì họ ghen với kẻ đi trước mình đã từ lâu.”

Từ đây, mỗi lần đi qua Milan, tôi lại nghĩ đến buổi chiều ấy và mỉm cười buồn tưởng tượng ra hàng trăm ông Thánh đá cẩm thạch đang co chân nhảy thốc lên bậc trên.

Đến thành Gênes, lòng tôi giàu thêm một môi tình. Trưa hôm ấy trời sáng sủa, gió hây hây. Tay tôi đặt lên một thành đá rộng, đằng sau tôi là thành Gênes với muôn màu sắc; phía dưới nước biển xanh ào ào cuộn sóng. Biển! Trong sự náo động âm ỹ, vô cùng và vĩnh cửu đồ xô đến tôi với sức mạnh của một ước vọng không người biết đến, tôi cảm thấy trong tôi có cái gì kết giao với làn sóng bạc bằng một tình bạn sống chết có nhau.

Chân trời to rộng ngoài biển cả cũng chiếm cứ người tôi mãnh liệt. Cũng như ngày thơ ấu tôi nhìn thấy xa khơi mịt mù mở ra trước mắt tôi như cửa ngõ lên trời xanh thăm thẳm. Lại một lần nữa, một mối tâm tình xâm chiếm người tôi: tôi có cảm tưởng như số mệnh tôi không phải để sống luôn luôn giữa gia đình loài người nơi thành thị, nhưng để lang thang đến đất xa lạ và lênh đênh trên mặt biển. Tôi lại thấy xuất hiện nhu cầu mờ mịt nép mình và trái tim Thượng Đế, hòa đồng kiếp sống mong manh với vĩnh cửu và vô cùng, lòng tôi buồn rười rượi.

Đến Rapalls, lần thứ nhất tôi chống cự với sóng biển, ném mùi vị nước mặn và thử thách mãnh lực của làn sóng. Ngọn sóng xanh lam và trong suốt bao vây tôi giữa những tảng đá vàng nâu bờ biển, dưới trời xanh thăm thẳm trên cao. Trông thấy tàu bè chạy ngoài xa, cột đen buồm trắng, hay thấy luồng khói một chiếc tàu chạy ra khơi lòng tôi lại thêm một niềm xúc động. Ngoại trừ mây là vật thân yêu của tôi, tôi không biết có hình ảnh nào của hoài vọng và viễn vọng trần gian đẹp đẽ và sâu xa hơn cơn tàu biển tiến đến nơi xa lạ, vút đi nhỏ dần rồi biến và chân trời mở rộng.

Rồi chúng tôi đi đến Florence. Thành phố đã hiện ra trước mặt đúng như tôi đã biết qua tranh ảnh và giấc mơ - sáng lạn, rộng rãi, như lời khuyên mời du khách, một dòng sông xanh chảy dưới chân cầu, một dãy đồi bao bọc xung quanh. Tháp Palazzo Vecchio đứng sừng sững, chọc thủng trời xanh, tháp Fiesole xinh đẹp đứng trên ngọn đồi, sáng chói dưới ánh nắng gay gắt, ngọn núi nào cũng khoe màu trắng và hồng dưới lớp cây đang mùa khai hoa. Đồi sống miền Toscane cơ chỉ và vui vẻ xuất hiện trước mặt tôi trong sắc thái hồn nhiên của nó như một phép lạ, chẳng bao lâu tôi có cảm tưởng như sống ở nhà, sống thoải mái hơn cả ở xứ tôi. Ngày ngày tôi thơ thẩn ở các giáo đường, các công trường, trong các thành phố nhỏ, các khu chợ; đến tối đi lượn quanh các khu vườn chanh triền núi, quả đã bắt đầu chín, hay bước vào những quán nhỏ bán rượu nho vùng Chianti để nhậu nhẹt và tán dóc. Cũng còn những giờ đầy hạnh phúc trong phòng triển lãm, trong nhà tu, thư viện, những buổi chiều đi thăm Fiesole, San Miniato, Settignano, Prato.

Chúng tôi đã đồng ý là trước khi rời khỏi nơi này tôi để Richard ở lại đây một tuần, một mình tôi thực hiện cuộc hành hương cao

đẹp và thú vị nhất tuổi trẻ qua những đòi phỉ nhiêu trù phú nhất ở miền Ombrie. Tôi đi theo lối chân của Saint François d'Assise và cảm thấy như ông đi bên cạnh hàng giò, tâm hồn tràn đầy tình thương thâm sâu cất tiếng chào vui vẻ và nhân từ từng con chim, từng ngọn suối, từng bụi cây tầm xuân. Trên triền đồi chói chang ánh nắng tôi hái chanh ăn, tôi đến vào làng ngủ; tìm tôi ca hát và làm thơ, đến lễ Pâques tôi vào lễ nhà thờ thánh d'Assise của tôi.

Tôi vẫn có cảm tưởng rằng tám ngày hành hương qua vùng Ombrie là những ngày kết thúc, là buổi hoàng hôn ửng hồng của quãng đời non trẻ. Không có ngày nào là không có nguồn suối trong mới tuôn ra trong tâm hồn tôi, hai mắt tôi chăm chăm ngó về xuân sắc của phong cảnh tươi sáng ấy như ngó tận mắt ông trời.

Ở Ombrie tôi đã kính cẩn theo gót chân Saint François; đến Florence, tôi lại mơ màng thích thú nhớ lại đời sống Quattrocento. Tôi đã viết về những hình thức đời sống hiện đại. Đến Florence tôi mới nhận thấy lần thứ nhất rằng văn hóa ngày nay của chúng ta chứa tất cả cái gì là lố lăng và dơ bẩn. Chính ở đây mà tôi có cảm tưởng rằng tôi sẽ mãi mãi là người xa lạ bờ ngõ trong xã hội ngày nay, ở đây đã chớm nở ý muốn sau này sống ở ngoài xã hội của tôi để đến một nơi về phương nam nếu có thể được. Ở Florence, tôi thân cận với mọi người rất dễ dàng, trên mỗi bước đường tôi vui vẻ mà thấy người ta sống hồn nhiên không chút giả tạo, người ta sống trong nền nếp cổ truyền văn hóa và lịch sử, nền nếp ấy thanh lọc và nâng cao phẩm giá con người.

Những tuần lễ đầy tươi sáng thú vui và hạnh phúc bay đi; Richard cũng tràn đầy hứng khởi mà tôi chưa từng thấy. Chúng tôi uống cạn chén đời tươi đẹp và say sưa trong thú vui tràn bờ. Chúng tôi đến những nơi khuất nẻo trên đồi, chúng tôi kết thân với chủ quán, thầy tu, nông dân, cha xứ, người nào cũng đầy hân hoan; chúng tôi nghe những bản nhạc hồn nhiên, đem bánh và trái cây cho trẻ em, leo lên núi cao trông xuống miền Toscane rực rỡ dưới trời xuân, xa xa là biển Bắc Ý. Cả hai chúng tôi đều có cảm tưởng sâu xa là đáng được hưởng hạnh phúc và đang đi tìm một đời sống mới mẻ, phong phú. Cần lao, tranh đấu, khoái lạc và danh vọng ở trước mặt kia, chói lọi và chắc chắn, chúng tôi cứ việc nhả nhả hái hoa tình của những ngày sung sướng. Sau này phải chia tay thì

cũng là thường tình và nhất thời vì chúng tôi biết chắc rằng chúng tôi cần có nhau, chúng tôi có thể tin nhau suốt đời.

Tuổi thanh niên của tôi là như vậy. Khi nghĩ đến quãng đời ấy tôi thấy nó ngắn ngủi như một đêm hè. Một chút âm nhạc, một sinh hoạt tinh thần, một chút ái tình, một chút khoe khoang - nhưng thật là đẹp đẽ, phong phú và màu sắc như một buổi hội Eleusis thời Cổ Hy Lạp.

Và tất cả đã vội tắt ngấm một cách đáng tiếc như ngọn đèn trước gió.

Đến Zurich, Richard từ biệt tôi. Hai lần y đã lên xe còn trở xuống hôn tôi, tàu đã chuyển bánh y còn thò ra cửa tỏ dấu triu mến.

Mười lăm ngày sau, y chết đuối ở phía nam nước Đức khi tắm trong một con sông nhỏ. Tôi không được thấy mặt y nữa, khi chôn cất y tôi cũng không có đấy, mấy ngày sau người ta mới cho tôi biết, bấy giờ y đã nằm trong săng chôn chặt dưới đất. Tôi nằm sóng sượt ra đất than trời trách đất với những tiếng bi ai và thô lỗ; tôi khóc, tôi mặc sức cơn phản nộ bùng ra. Từ trước đến nay tôi chưa biết rằng trong mấy năm ấy tôi chỉ có tình bạn là vững vàng quý giá. Bây giờ còn đâu!

Không thể ở tỉnh này lâu nữa, hàng ngày biết bao kỷ niệm vẫn vút lấy cõi lòng và bóp nghẹt hơi thở. Bây giờ thì cái gì xảy đến tôi cũng dừng dừng. Tâm hồn tôi đã bị xúc phạm xấu xa, tôi ghê tởm cả cuộc sống. Lúc này hầu như tâm hồn tôi đã tan vỡ khó lòng lấy lại hơi sức và gương buồn tới miền hạnh phúc đắng cay của thời kỳ đứng bóng. Trời đã muốn tôi hy sinh phần tốt đẹp nhất của tôi cho tình bạn trong sạch và vui tươi. Như hai con thuyền lướt nhẹ, chúng tôi cùng tiên bước, thuyền của Richard rất xuất sắc, nhanh nhẹn, đáng mến, tôi đã chú trọng đến thuyền của y, tôi chắc chắn rằng y sẽ dắt díu tôi đến những chân trời rực rỡ. Bây giờ thuyền y đã đắm rồi còn tôi chơi vơi giữa giòng, mặt nước bỗng dưng tôi tắm. Giờ đến lượt tôi lèo lái, tranh đấu và thăm dò một ngã khác để chinh phục đỉnh cao của đời sống. Tôi đã tin tưởng tình bạn, ái tình và tuổi trẻ. Bây giờ chúng lần lượt bỏ tôi, tại sao tôi không tin tưởng ông trời và gửi vận mệnh mình vào tay gang thép của ông. Nhưng suốt đời tôi vẫn do dự và cứng đầu như một đứa trẻ, và tôi

vẫn chờ đợi một đời sống thực sự, làm như nó âm âm kéo đến như cơn bão, ôm chầm lấy tôi khiến tôi trở nên tinh khôn và giàu có, công tôi trên hai cánh rộng lớn của nó đưa đến hạnh phúc tuyệt vời.

Nhưng cuộc đời cũng khôn ngoan và cần kiệm lắm không chịu khai khẩu, mặc xác tôi chơi với giữa dòng. Nó chẳng đem lại bão tố hay sao sáng nó đợi tôi trở lại khiêm nhường và kiên nhẫn, đợi cho sự phách lối, sự phản loạn của tôi phải gãy vụn. Nó mặc kệ cho tôi đóng tấn kịch kiêu căng và làm ra bộ láu lỉnh, nó đợi đưa con thất lạc trở về với mẹ.

Đây là một giai đoạn đời tôi có bề ngoài náo nhiệt và nhiều sắc thái hơn giai đoạn trước, có thể làm đầu đề cho một thiên tiểu thuyết nhỏ rất hợp thời. Đáng lẽ tôi phải kể lại trong trường hợp nào tôi được chọn làm biên tập viên của một tờ báo Đức, tôi đã cầm ngòi bút và uốn ba tấc lưỡi quá tự do như thế nào để đến nỗi xảy ra kiện cáo và chê trách. Ngoài ra, tôi khét tiếng là bợm rượu như thế nào, sau cùng, vì những cuộc tranh luận ác độc, tôi phải từ chức và sang Ba Lê làm phóng viên như thế nào. Trong cái hang ấy tôi sống qua ngày như người Bô Hêm thế nào, và trên mọi lãnh vực tôi đã thấy đủ mọi màu sắc như thế nào.

Không phải vì hèn nhát mà tôi không nói đến giai đoạn ngắn ngủi đời tôi này để mất lòng những người thích nghe chuyện tục tũ trong số bạn đọc. Tôi công nhận là tôi đã đi vào hết ngõ ngách đờ bản khác; tôi làm quen với đủ mọi thứ truy lạc và tôi sa lầy trong ấy. Tôi mất cả ý thích thơ mộng của đời sống phóng đảng, các bạn cho phép tôi chỉ nói cái gì sạch sẽ tốt lành trong đời tôi và coi thời gian đã qua như qua hắt không bao giờ trở lại, không bao giờ nói đến nữa.

Và chẳng Ba Lê là một nơi ghê tởm: nghệ thuật, chánh trị, văn chương, chuyện đàn bà nhảm nhí - nghệ sĩ, văn nhân, chánh khách và đàn bà xấu xa, thế thôi chẳng có gì khác. Nghệ sĩ cũng khoe khoang và hợm hĩnh như chánh khách, văn nhân còn khoe khoang và hợm hĩnh hơn, người khoe khoang và hợm hĩnh nhất hẳn là đàn bà.

Một buổi tối ở Bois de Boulogne, tự hỏi nên từ giã Ba Lê hay từ giã ngay cả cuộc đời lại hơn. Rồi tôi nghĩ đến việc kiểm điểm lại cả cuộc đời mình, đã lâu tôi không làm việc học ôn ấy, tôi tính rằng mình chẳng mất mát cái gì quan trọng.

Nhưng bất thần hiện lên sáng sửa dị thường kỷ niệm một ngày đã xa xưa, đã quên lãng - một buổi bình minh mùa hạ ở nhà tôi trên núi; tôi quỳ gối gần một cái giường; trên giường mẹ tôi đang hấp hối.

Tôi giật mình lấy làm xấu hổ rằng đã lâu nay không nghĩ đến buổi sáng ấy. Ý muốn tự vẫn dần dần biến mất. Bởi vì tôi cho rằng không có người đứng đắn nào đã trông thấy một người tinh khiết và đôn hậu tắt nghỉ lại dám cả gan tự kết liễu đời sống của mình. Trừ khi họ mất hẳn con đường chánh đạo. Tôi thấy lại mẹ hấp hối. Tôi thấy trên mặt mẹ tôi bàn tay lạng lẽ và nghiêm khắc của tử thần làm cho mẹ tôi trở nên cao đẹp. Tử thần có vẻ ác nghiệt nhưng cũng quyền uy và nhân từ, như một người mẹ cẩn thận đưa về nhà một đứa con chết đuối.

Bất thần, tôi lại hiểu rằng cái chết là người anh em tử tế và hiền triết của chúng ta; nó biết khi nào giờ của chúng ta đã điểm, chúng ta phải tin tưởng nó. Tôi cũng bắt đầu hiểu rằng đau khổ, thất vọng và ý nghĩ đen tối không có trách vụ làm cho chúng ta cay chua, làm cho chúng ta mất phẩm giá và danh dự, nhưng làm cho chúng ta chín chắn và cao khiết.

Tám ngày sau tôi gửi hành lý về Ba Lê rồi đi bộ một phần lớn niềm nam nước Pháp, kỷ niệm ngày sống ở Ba Lê còn dỗi theo với không khí nồng nặc của nó, nhưng rồi mỗi ngày mỗi phai mờ và tan biến như sương mù. Tôi dự một phiên huấn luyện ái tình, tôi ngủ đêm trong lầu các, cối xay, vựa thóc, tôi uống rượu nho với những chàng trai cởi mở, rượu của họ làm ra đem khí mặt trời ấm áp vào tâm hồn ta.

Hai tháng sau tôi tới Ba Lê, quần áo tôi tả, người gầy nhom, đen sạm, tâm hồn thay đổi hẳn. Lần thứ nhất tôi đi bộ xa như vậy, đây chỉ là chặng thứ nhất, sau này tôi còn đi nhiều. Từ Lacano đến Vérone, từ Bâle đến Brigue, từ Florence đến Pérouse, ít có thị trấn nào mà tôi không qua lại đôi ba lượt, theo đuổi những mơ mộng mà chưa có một điểm nào thực hiện được.

Đến Bâle tôi thuê một căn phòng ở ngoại ô, lấy đồ dùng ra và bắt đầu làm việc. Tôi sung sướng sống ở một tỉnh yên tĩnh không ai biết tôi cả, sự liên lạc với vài tờ báo và tập san vẫn còn, tôi không thiếu gì việc làm và sống không đến nỗi thiếu thốn. Mấy tuần lễ đầu yên lành bình thản, rồi sự u buồn lại đến, dai dẳng hàng ngày, hàng tuần làm việc cũng không khuây được. Biết mô tả nó thế nào? Tôi có cảm tưởng mình lẻ loi ghê gớm. Giữa tôi và mọi người, giữa tôi và đời sống thành thị với nhà cửa, phố xá, luôn luôn có một vực

thăm. Một thiên tai xảy ra những biến cố tường thuật trên mặt báo đều không có nghĩa gì đối với tôi. Người ta hội hè đình đám, người ta làm ma chay, người ta ký kết công ăn việc làm với nhau, người ta đàn hát - Để làm gì? Tại sao? Tôi trốn tránh về thôn quê, tôi đi lang thang vào rừng, lên núi, xuống đồng; xung quanh tôi cô tịch, nhưng không một tiếng than van, đồng cỏ, ruộng nương đều câm lặng, chúng giương mắt van lơn nhìn tôi như muốn nói câu gì, như muốn đến với tôi. Nhưng chúng đứng trơ ra đó không nói nên lời; tôi hiểu nỗi khổ đau ấy và tôi chia sẻ với chúng vì tôi không thể thoát ly chúng được.

Tôi đi khám bác sĩ, kể bệnh thật tỉ mỉ, cố gắng mô tả bệnh của tôi.

Ông ta xem, hỏi han, chẩn mạch.

- Ông có sức khỏe dồi dào nhiều người phải thèm, tôi mừng cho ông, như vậy thể chất của ông tốt lắm. Ông hãy thử giải buồn bằng âm nhạc hay đọc sách.

- Trong nghề của tôi, mỗi ngày tôi đọc rất nhiều tin mới lạ.

- Dù sao thì ông cũng phải cố gắng vận động ngoài trời chút ít.

- Mỗi ngày tôi đi bộ từ ba đến bốn giờ, khi nghỉ hè tôi đi gấp đôi.

- Thế thì ông buộc lòng phải giao du với mọi người. Điều nguy hiểm cho ông là ông có thể trở thành người ghét xã hội.

- Như thế thì có làm sao?

- Quan trọng lắm chứ. Lúc này ông càng ghê tởm xã hội bao nhiêu, ông càng phải ráng tiếp xúc với xã hội bấy nhiêu. Tình trạng của ông chưa hẳn là bệnh và không có gì là trầm trọng; nhưng nếu ông cứ thụ động như thế ắt là ông sẽ mất quân bình.

Viên y sĩ là một người hiểu biết và tử tế. Ông ái ngại cho tôi. Ông giới thiệu tôi với một nhà văn thường hội họp tại nhà rất nhiều người, những buổi họp ấy có ít nhiều hoạt động trí thức văn học. Tôi đến. Người ta biết vì đã nghe danh tôi; người ta tỏ ra nhã nhặn gần như thân hữu. Tôi trở lại đấy luôn. Một buổi tối lạnh lẽo quý thu, tôi ở đấy, trong phòng có một sử gia trẻ tuổi và một thiếu nữ người bé nhỏ tóc nâu, ngoài ra không có người nào nữa. Cô gái pha trà, nói rất nhiều và chọc tức chàng sử gia. Rồi cô ngồi đánh dương

cầm. Đến sau cô cho tôi biết là cô đã đọc sách trào phúng của tôi nhưng không thấy thích thú. Cô có vẻ thông minh, thông minh quá nữa, chẳng bao lâu tôi bỏ về.

Trong thời gian ấy, dần dần người ta khám phá ra tôi năng lui tới tửu quán, mà thực ra tôi là một bọm rượu. Tôi không lấy làm lạ vì những chuyện ngòi lê đôi mách rất thịnh hành trong giới văn học đàn ông cũng như đàn bà. Sự khám phá nhục nhã cho tôi như vậy không ảnh hưởng gì đến sự giao du của tôi; trái lại người ta chiều cố đến tôi nhiều hơn vì ở đây người ta sành điệu độ; các ông bà ấy là nhân viên ban chấp hành một hội bài trừ nghiện rượu, họ khoan khoái mỗi khi tóm được một tên phạm tội rượu chè. Một ngày kia họ tung ra đợt công kích đầu tiên trong vòng lễ độ. Người ta yêu cầu tôi suy ngẫm về sự tử hủ bê tha nơi quán rượu, về cái hại của rượu chè, tôi phải đứng về phương diện y tế, xã hội và đạo đức để tự vấn tâm. Người ta cũng mời tôi dự một ngày hội của liên minh bài trừ nghiện rượu. Tôi ngạc nhiên vô cùng, vì đến nay tôi chỉ nghe nói qua loa những hội, những đoàn thể như thế. Buổi lễ có âm nhạc giúp vui và nhuộm màu sắc tôn giáo có vẻ khôi hài nặng mùi, cảm tưởng của tôi, tôi chẳng cần giữ bí mật. Trong mấy tuần liền người ta tìm cách khuyến dụ tôi ngọt ngào lộ liễu, câu chuyện trở nên bực bội vào một tối nọ người ta nhắc lại bản ca cũ rích và nóng lòng mong mỗi tôi cải quá, tôi nổi nóng lớn tiếng yêu cầu họ chấm dứt những trò con nít ấy. Người con gái có mặt ở đây chú ý nghe tôi rồi la lớn: “Can đảm quá!” nhưng tôi tức giận quá không để ý.

Tôi thấy thích thú khi xem một trò khôi hài kháu khỉnh xảy ra trong một cuộc biểu diễn của mấy chiến sĩ nhịn rượu. Cái hội lớn đó thiết tiệc tại trụ sở mời rất nhiều người dự. Họ đọc diễn văn, họ làm thân với bạn bè, họ hát hồng và nêu thành tích của việc làm ý nghĩa. Một công nhân được mướn để vác cò, anh này thấy bài diễn văn dài quá vì không có rượu, anh ta chuồn ra một tửu quán gần đấy, khi đoàn thể long trọng diễu hành qua các phố, phàm nhân được dịp chứng kiến một cảnh tượng thích thú: trước đoàn người lớn tiếng bài trừ rượu, ngất ngưỡng một đệ tử lưu linh chân nam đá chân xiêu, tay cầm một lá cờ “Lam Thập Tự” như cột buồm một con tàu sắp chìm.

Chàng nghiện rượu biến mất, nhưng cái mà người ta không dẹp đi là những sự khoe khoang nặng tính chất trần tục quá, những sự ghen ghét và mưu đồ ti tiện xảy ra giữa các nhóm, các ban tranh giành nhau, mỗi ngày nảy nở mỗi nhiều, mỗi thêm thú vị. Phong trào phân chia ra làm nhiều phe phái, vài người háo danh muốn hưởng danh vọng một mình, họ bất bình nếu có người nào bỏ được rượu mà không phải họ có công dùi dắc. Người ta lợi dụng trắng trợn những người hằng tâm cộng tác không vụ lợi, mà số người này không thiếu. Những người có vị trí thuận tiện để quan sát chẳng bao lâu có dịp nhận thấy rằng dưới chiêu bài lý tưởng này cũng len vào bao nhiêu sự dơ bẩn của con người, mùi tanh hôi bốc lên thấu trời. Nhiều người ngoài cuộc kể cho tôi nghe những tấn hài kịch nho nhỏ ấy, tôi khoái chí một cách kín đáo và đến đêm đi uống rượu đã mới về, tôi tự nhủ: Đã thấy chưa, phạm nhân cái tóc cái tội chúng tôi, chúng tôi cũng còn hơn thế nhiều!

Trong căn phòng nhỏ bé của tôi, đứng trên cao thấy sông Rhin và chân trời xa, mặt mùa của vùng sông ấy, tôi học hành và suy nghĩ rất nhiều. Tôi thất vọng vì dòng đời đã tách khỏi tôi, đã gạt tôi ra bên mà không có ngọn sóng mãnh liệt nào kéo tôi đi chỗ khác, không có một sức thu hút mãnh liệt nào, một sự thúc đẩy cấp thiết nào khơi động nhiệt tình và kéo tôi ra khỏi cơn mơ mộng bản thân. Ngoài công việc làm để sinh nhai, tôi còn dự thảo một cuốn sách nhưng đây không phải là sáng tác, mới chỉ là công việc thường xuyên của người sưu tầm không thoả mãn được ý muốn gặt gao của tôi. Thu thập những ký ức ở Zurich, Berlin, Paris, tôi tìm cách rút ra cái gì là ước vọng chính yếu, say mê và lý tưởng của con người suy tưởng đồng thời với tôi. Người này cố gắng xoá bỏ bàn ghế, màn mùng, thói tục hiện có để làm cho người đời quen với một khung cảnh sống tự do hơn, tốt đẹp hơn. Người khác cố gắng phổ biến quan niệm triết lý nhất nguyên của Haeckel bằng loại văn phổ thông và những buổi nói chuyện. Nhóm người khác nữa cho rằng họ đã cố gắng thích đáng để lập nên hoà bình vĩnh viễn. Lại có người tranh đấu cho giai cấp nghèo khổ bị bạc đãi, họ lập sở quyền và diễn thuyết để lấy tiền xây cất rạp hát và thư viện cho bình dân. Còn ở đây, thành Bâle, người ta tranh đấu để bài trừ rượu.

Trong những sự cố gắng ấy người ta đều tỏ ra thành khẩn và hoạt động; nhưng đối với tôi không có người nào là quan trọng, là cần thiết, và nếu hôm nay tất cả những mục tiêu ấy đều đạt được chúng cũng chẳng ảnh hưởng gì đến tôi, đến đời tôi. Tôi thất vọng ngồi phịch xuống ghế, gạt cả sách vở, bản thân đi và suy nghĩ, suy nghĩ hoài. Bấy giờ tôi nghe tiếng sông Rhin chảy dưới cửa sổ, tiếng gió gào thét, tôi xúc động lắng tai nghe tiếng nói chứa chan nhớ nhung và u buồn. Tôi trông mây mờ ban đêm bay từng đám lớn trên trời như đàn chim sợ hãi, tôi nghe tiếng sông Rhin chảy theo dòng rồi nghĩ đến mẹ tôi, đến Saint François, đến quê hương khuất nẻo trong núi tuyết, và Richard nay đã xanh mờ. Tôi lại thấy mình bơi thuyền trong đêm với Aglietti, thấy mình thất vọng vì bạn chết, đi xa trở về, khuây khoả và trở lại nghèo túng. Để làm gì? Tại sao? Trời! Tất cả những biến cố ấy chỉ là trò chơi, là ngẫu nhiên, là tấm hình màu chằng? Tôi có tranh đấu và đau khổ vì xé cho đời sống tinh thần, cho tình bạn, cho chân thiện mỹ, cho tình yêu không? Ham muốn và tình yêu còn tiếp tục luân lưu trong người tôi với sức mạnh như gió bão chẳng? Và tất cả những cái đó chỉ là phù phiếm, chỉ để vò xé riêng tôi chẳng đem lại thú vui cho ai ư?

Lúc ấy tôi đã đủ già dặn để lui tới tửu quán. Tôi tắt đèn, sờ soạng bước xuống cầu thang xoáy tròn ốc và ló mặt vào một tiệm cà phê bán rượu nho Valteline hay tiệm rượu bán thứ vang Vaudois. Ở đây tôi được tiếp đãi lịch sự như người khách đứng đắn tuy rằng thường nhật tôi cúi kính và nếu gặp dịp tôi cũng thô bỉ. Tôi đọc tờ Simplicissimus và không khỏi bức mình, tôi uống rượu và đợi nó an ủi tôi. Trong lúc êm ái ấy thần lưu linh đưa tay mềm mại như tay đàn bà ra vỗ về tôi, làm cho chân tay tôi bủn rủn, đưa linh hồn lạc lõng của tôi đến xứ mộng đẹp.

Tôi phải kinh ngạc rằng tôi đã đối xử với mọi người một cách cau có gắt gỏng như thế, tôi đã lấy làm mát ruột mà ngược đãi họ như thế. Trong các hàng cơm có mặt tôi, hầu bàn sợ tôi và nguyên rửa tôi là một thằng cục súc, quạu quọ, bao giờ cũng tìm được cớ để bắt bẻ. Nói chuyện với khách ăn thì tôi thô lỗ và báng bổ họ, dĩ nhiên họ tìm cách trả đũa tôi. Tuy nhiên trong số những khách ăn quen cũng có một số ít người - rất ít - đã có tuổi và uống rượu thùng bát chỉ thỉnh. Thỉnh thoảng tôi ngồi giết thời giờ với họ, sự

giao du với họ cũng được khả quan. Trong số ấy có một ông già lổ mãng làm nghề thợ vẽ, một người ghét đàn bà, một lão gắt gồng bồm nhậu có môn bài hạng nhất. Tối nào tôi gặp y một mình ở quán là y như có cuộc so ly rất cam go. Mở màn chúng tôi tán dóc, pha trò, tráng miệng bằng một chén rượu nho đỏ, rồi dần dần nổi hứng, chúng tôi ngồi yên lặng trước mặt nhau không cần chuyện trò gì nữa, chúng tôi như hai đồng thịt chất lù lù, nốc hết hàng chai. Tửu lượng của chúng tôi ngang nhau, chúng tôi cùng rót đầy ly một lượt, cùng liếc mắt ngó nhau ranh mãnh như thử xem ai hơn ai kém. Đến mùa có rượu mới vào cuối thu chúng tôi cùng đi qua các làng trồng nho, đến một tửu quán ở đây lão ma bòn kể chuyện cuộc đời của lão. Tôi cho rằng chuyện của lão lý thú chứ không nhàm chán, nhưng đáng tiếc rằng tôi quên hết. Chỉ nhớ y nói đến một tiệc rượu của y vào lúc tuổi khá cao. Chuyện xảy ra trong một ngày hội ở làng. Nhân danh khách người ta mời y ngồi với các thân hào. Chẳng mấy lúc y làm cho cả ông tiên chỉ lẫn ông mục sư say mềm. Ông mục sư phải đứng dậy nói vài lời cảm ơn quan khách. Khi người ta dìu ông lên diễn đàn ông nói nhiều câu lổ mãng quá làm người ta phải kéo ông xuống. Đến lượt ông tiên chỉ hăng hái bước lên. Ông ứng khẩu nói đồng dục, nhưng hoa chân múa tay quá nên ông mệt, phần kết câu của ông không đến nổi tầm thường nhưng chẳng có gì là điêu luyện. Sau này tôi muốn lão kể tiếp câu chuyện và cho biết nhiều chuyện nữa. Nhưng đến một bữa thi bắn kia, chúng tôi bắt bìn nhau một cách đáng tiếc, chúng tôi nắm râu nhau mà kéo rồi từ đấy giận nhau. Từ đấy thỉnh thoảng chúng tôi cũng gặp nhau trong một tửu quán nhưng chỉ còn là thù nghịch nhau, mỗi người ngồi riêng một bàn. Vì thói quen đã lâu ngày, chúng tôi lẳng lẳng ngó nhau, uống với tốc độ ngang nhau, cùng ở lại rất lâu khi khách đã về hết, mãi đến lúc người ta phải mời ra để đóng cửa. Không bao giờ chúng tôi giải hoà với nhau.

Nghĩ mãi về nguyên nhân chán nản và không thích ứng được với cuộc đời chỉ là vô ích và mệt người. Tôi không hề có cảm tưởng là người tôi hết sinh lực hay rỗng tuếch, trái lại tôi thấy mình tràn đầy sức lực tiềm tàng và tính rằng đến lúc thuận lợi sẽ còn có thể sáng tác được một văn phẩm giá trị, ít ra hái được một chút hạnh phúc của cuộc đời cay nghiệt. Nhưng giờ phút thuận lợi có đến không? Tôi đau lòng mà nghĩ đến những người cấu tạo hoàn toàn bằng dây

thần kinh, họ dùng cả ngàn thứ kích thích nhân tạo để làm nghệ thuật, trong khi ấy thì trong người tôi sinh khí hùng hậu chưa dùng đến còn để mụ mị không trau dồi. Và tôi lại bói óc ra tìm xem con quỷ nào đã làm tê liệt linh hồn tôi mỗi ngày mỗi nặng thêm trong khi thể xác tôi tràn đầy sức lực. Ngoài ra tôi còn hợm hĩnh tự cho mình là một người khác tục, không ai bênh vực, không ai biết đến, không ai hiểu thấu và chia sẻ bớt nỗi đau đớn. Trong sự chán ngán có điều này thật là quái gở, không những nó làm mình ồm đau mà còn làm mình tự cao tự đại, làm mình cạnh thị, gần như kiêu căng. Người ta tưởng mình là chàng Atlats khiếm nhã mà Heine đã nói đến, chàng ta cho rằng mình đã nắm được tất cả bí mật và đau khổ ở đời, chàng ta cho rằng cả ngàn người khác không có những đau khổ ấy và không gặp những nỗi vẩn vương ngoắt ngoéo ấy. Và trong nỗi cô đơn xa quê hương, tôi cũng quên hẳn rằng tính tốt tật xấu và điểm riêng biệt của tôi không phải là cái gì hay cho tôi và cho họ Camenzind - nói là một sự bất hạnh thì hơn.

Vài tuần lễ sau tôi trở lại nhà người trí thức đã tiếp đãi tôi nồng hậu. Dần dần tôi làm quen với gần hết những người lui tới nhà ấy. Phần nhiều là những người trong giới đại học còn trẻ, rất nhiều người Đức thuộc đủ mọi phân khoa, ngoài ra còn vài họa sĩ, nhạc sĩ, và vài trưởng giả và vợ con của họ. Tôi thường ngạc nhiên khi để ý thấy họ đối đãi với tôi như một thượng khách. Tôi biết rằng mỗi tuần họ gặp nhau không biết bao nhiêu lần. Không biết họ nói gì với nhau và làm gì với nhau? Phần nhiều họ có một thái độ rập theo khuôn mẫu homo socialis, người nào cũng như người nào đều có tinh thần thoả hiệp với đời sống xã hội mà chỉ riêng tôi không có. Trong số ấy có nhiều người rất phong nhã, đời sống chỉ có khách khứa với tiếp rước không làm cho họ mất cá tính hồn nhiên và nghị lực. Có những người mà tôi có thể nói chuyện lâu, rất thích thú. Nhưng tôi không thể lảng xảng chạy chỗ này chỗ kia, đứng vài phút trước mặt họ, khen tặng các bà vài câu xã giao, chú ý vào một tách trà, vài câu đối đáp và một bản nhạc, làm như chú trọng và thích thú với tất cả những sự nhàm chán ấy. Nói đến văn chương nghệ thuật thật là khổ tâm cho tôi vô cùng. Tôi nhận thấy rằng trong những lĩnh vực ấy người ta suy nghĩ thì ít, nói dóc thì nhiều, phần nhiều chỉ là nói không ăn thua đâu vào đâu. Nếu làm như vậy, tôi cũng phải bắt chước mọi người mà nói trí nói trá nhưng chẳng

thích thú gì, thật là những chuyện vắn vơ ấy vô ích, nhằm chán và hạ phẩm giá con người. Chẳng thà nghe một người đàn bà nói chuyện với con cái hay để tôi kể những chuyến du lịch của tôi, hay nói chuyện vặt hàng ngày, chuyện gì liên hệ đến đời sống thực tiễn. Những lúc ấy có khi tôi cười mở và gần như vui vẻ. Nhưng phần nhiều, sau những buổi họp như thế tôi vẫn phải đến một tiệm cà phê uống vài hớp rượu nho Valteline để tiêu tan sự buồn bực ghê tởm hay dư vị đắng khô còn ứ trong cổ họng.

Trong một buổi họp tôi gặp lại người thiếu nữ tóc đen. Tối hôm ấy có một đám đông người chơi âm nhạc và làm om sòm như thường lệ, tôi ngồi ở một góc phòng xem tập ảnh dưới ánh sáng một ngọn đèn. Đó là những bức họa xứ Toscane, không phải ảnh chụp những bức họa tầm thường người ta đã thấy cả ngàn lần, nhưng là những họa phẩm của họa sĩ tài tử, phần nhiều của bạn hữu ông chủ nhà. Tôi vừa tìm thấy bức họa một căn nhà xây bằng đá, cửa sổ hẹp, nằm trong một thung lũng hẻo lánh miền nam San Clemente, tôi nhận ra vì tôi đã đi qua đây nhiều lần. Thung lũng này ở gần Fiesole, nhưng du khách không đến thăm bao giờ vì không có gì là đồ cổ. Đó là một thung lũng đất cằn cỗi ít người ở, nhưng đẹp lạ lùng, thung lũng xen vào giữa những trái núi cao, trơ trụi và hiểm trở, một nơi cách biệt với đời sống, tịch mịch và trinh nguyên.

Thiếu nữ đến gần, nhìn qua vai tôi.

- Sao ông ngồi một mình như vậy, ông Camenzind?

Cô ta làm tôi khó chịu. Tôi nghĩ thầm, cô ta bị tội thanh niên bỏ rơi nên đến tìm tôi.

- Sao ông không trả lời tôi?

- Xin lỗi cô, tôi trả lời cô thế nào bây giờ? Tôi ngồi một mình vì tôi thích thế.

- Thế tôi có làm phiền ông không?

- Cô chỉ khỏi hài.

- Như vậy tôi sẽ được việc cho ông.

Cô ngồi xuống. Tôi không rời bỏ tập họa.

- Ông là người miền núi thực à? Tôi được nghe chuyện miền núi thì còn gì bằng. Anh tôi bảo rằng trong làng ông chỉ có một họ, chỉ có họ Camenzind. Điều ấy có đúng không?

- Gần hết thôi. Nhưng cũng có anh hàng bánh họ Fussli và người chủ quán họ Nydegger.

- Còn thì họ Camenzind hết à? Tất cả đều là thân thích?

- Thân thích xa hay gần.

Tôi đưa cô xem bức họa. Cô cầm lấy và tôi nhận thấy cô lấy điệu bộ thích hợp. Tôi nói cho cô biết. Cô cười mà rằng:

- Ông quá khen tôi, nhưng khen như thầy giáo khen học trò.

- Cô ngồi đây xem tranh với tôi nhé.

- Bức này vẽ cái gì đây?

- San Clemente.

- Ở đâu?

- Gần Fiesole.

- Ông đã đến thăm nơi ấy chưa?

- Nhiều lần rồi.

- Ông tả cho tôi nghe thung lũng ấy nhé. Đây chỉ có một khoảng nhỏ.

Tôi suy nghĩ. Phong cảnh đẹp vì vẻ hiểm trở gập ghềnh hiện ra trước mắt tôi, tôi lim dim mắt lại để nhớ rõ. Một phút qua đi trước khi tôi bắt đầu nói và tôi thích chí vì cô ta yên lặng ngồi đợi. Cô biết rằng tôi trầm tư để nhớ lại.

Rồi tôi mô tả khe San Clemente nằm êm ả, trơ trụi và hùng vĩ trong ánh nắng trưa hè. Ở Fiesole gần đây có nhiều xưởng kỹ nghệ, người ta bán cam và đồ vật làm kỷ niệm, người ta đánh lừa du khách và người ta xin tiền. Dưới thấp nữa là thành Florence đời sống diễn biến với cả hai sắc thái kim và cổ, nhưng ở San Clemente người ta không thấy có sắc thái nào. Không có họa sĩ nào đến đây vẽ phong cảnh, người La Mã không xây cất một lâu đài dinh thự nào, lịch sử đã bỏ quên thung lũng hẻo lánh này. Ở đây là bãi chiến

trường, đất tranh đấu với mưa nắng; cây thông uốn mình cong queo sống vát vương, cây trúc vươn ngọn ồm ồm lên thám thính để biết chừng có cơn bão phũ phàng nào xảy đến kết liễu đời sống eo hẹp mà nó vẫn bám lấy bằng mấy cái rễ khô cằn. Thỉnh thoảng đi qua một cỗ xe bò từ những trại lớn gần đây, hay một gia đình dân làng lên thăm tỉnh; nhưng họ chỉ là những khách qua đường, váy đỏ thôn nữ chỉ vui tươi khi đặt vào khung cảnh khác, ở đây nom có vẻ không hợp cảnh hợp tình, người ta chẳng cần những thứ ấy.

Tôi kể lại hồi còn niên thiếu tôi đã cùng người bạn qua lại thung lũng, nằm dưới gốc cây trúc, tựa vào thân cây gầy ốm, cảnh tịch mịch u buồn và đẹp để ấy làm tôi nghĩ đến khe núi quê hương tôi.

Chúng tôi yên lặng một lúc, rồi cô ta nói:

- Ông là thi sĩ.

Tôi nhả mặt.

- Tôi không muốn nói vậy, không phải vì ông viết truyện ngắn và những loại nào đó mà tôi cho ông là thi sĩ. Tôi nói vậy vì ông yêu thiên nhiên và hiểu thiên nhiên. Đối với người khác thì một cái cây than thở hay một trái núi ửng hồng dưới ánh sáng mặt trời có gì đáng chú ý? Nhưng đối với ông thiên nhiên có một đời sống và ông có thể tham dự vào đời sống ấy.

Tôi trả lời rằng không ai hiểu được thiên nhiên, mà muốn đem hết thiện chí ra tìm hiểu người ta chỉ gặp những bí mật làm cho mình buồn nản. Một cái cây mọc giữa trời, một tảng đá dầm sương dãi nắng, một con vật, một trái núi - chúng nó đều có một linh hồn, một lịch sử, chúng nó sống, vật lộn, thụ hưởng rồi chết, nhưng chúng ta không hiểu gì cả.

Trong khi nói chuyện và vui lòng vì cô ta yên lặng và chú ý một cách kiên nhẫn, tôi để ý xem xét cô ta. Hai mắt cô nhìn thẳng vào mắt tôi không hề quay đi. Nét mặt cô bình thản không còn gì là giữ ý tuy hơi căng thẳng vì chú ý. Trông cô như một đứa trẻ ngồi nghe chuyện. Không phải; đúng ra là một người lớn quên mình trong khi nghe chuyện và trở lại có đôi mắt con trẻ mà chính họ không biết. Và trong khi ngắm nàng, dần dần tôi khám phá ra nàng đẹp lắm, sự khám phá ấy làm tôi vui sướng một cách hồn nhiên.

Khi tôi nói hết, người con gái cũng ngồi yên lặng. Rồi nàng giật mình, hai mắt khẽ chớp dưới ánh đèn.

Tôi hỏi nàng, không đề ý nhiều đến câu hỏi:

- Cô cho biết quý danh.
- Elisabeth.

Nàng đi chỗ khác, rồi người ta yêu cầu nàng đánh dương cầm. Nàng chơi hay, nhưng đến gần tôi thấy nàng đã hết đẹp.

Khi xuống cầu thang để về nhà - cầu thang rộng theo kiểu cổ - tôi thoáng nghe hai họa sĩ trong phòng thay áo nói chuyện với nhau, một người vừa cười nói:

- Phải rồi, tối nay người ta chỉ xum xoe với con Elisabeth.

- Đây, đừng coi thường những thằng cha lù đù như nước đọng nhé, kẻ ra hấn cũng không lựa chọn thứ dở nhất.

À, ra mấy ông làm trò khi này đã bắt đầu đi đánh mỗ rồi! Bất thành linh tôi giật mình mà tự nhận thấy mình đã nói với cô gái xa lạ với mình những kỷ niệm kín đáo nhất và một phần đời sống nội tâm của mình. Sao tôi lại đến nỗi thế? Bây giờ kẻ xấu miệng đã bắt đầu hoạt động rồi!

Mấy tháng sau tôi không trở lại căn nhà ấy nữa. Cũng là sự ngẫu nhiên, một trong hai họa sĩ nói trên, người nói trước, gặp tôi ngoài phố bèn hỏi tại sao lâu ngày tôi vắng mặt.

- Tại sao ông không đến đây nữa thế?
- Vì tôi không chịu được những chuyện ngồi lê đôi mách.

Y cười:

- Ồ! Đàn bà ấy mà!
- Không phải, tôi muốn nói đến đàn ông, nhất là mấy ông họa sĩ.

Suốt mấy tháng ấy tôi chỉ gặp Elisabeth ở ngoài phố, một lần trong tiệm buôn và một lần ở viện bảo tàng. Bình thường nom cô ta cũng xinh nhưng không đẹp. Người cao ráo mảnh mai, dáng dấp có

vẻ riêng làm cô ta đẹp thêm, có vẻ đài các, nhưng cũng có khi lộ vẻ giả tạo quá đáng.

Ngày tôi gặp ở viện bảo tàng, cô ta đẹp, đẹp lắm. Cô ta trông thấy tôi. Tôi cũng đứng ở chỗ vắng coi một cuốn ca-ta-lô. Cô ta ở cạnh đây, trước bức tranh lớn, để hết cả ý tứ ngắm nghía. Tranh vẽ một cánh đồng cỏ vàng vọt, một vài cô thôn nữ đang làm việc; đằng xa núi gập ghềnh lởm chởm làm cho ta nghĩ đến núi ở Stockhom, bên trên là trời trong sáng đám mây trắng ngà vẽ thật là thần bút. Mới nhìn người ta phải để ý ngay đến chất mây dày đặc, nó vừa mới được cấu tạo, bị gió thổi dồn dập, sắp sửa bay lên và từ từ trôi đi. Hẳn là Elisabeth hiểu rõ đám mây ấy vì cô ta biến thân vào cả trong cái nhìn, linh hồn cô thường ngày rất kín đáo, bây giờ lộ ra khuôn mặt, mỉm cười qua khoé mắt, làm cho cái miệng chúm chím mềm ra như miệng trẻ thơ, làm dịu nét nhăn trên trán tiêu biểu cho sự thiên về trí thức đáng buồn. Chân lý và sự thật của một nghệ phẩm tuyệt tác bắt buộc cô ta không được dùng cái gì che đậy tâm hồn mà phải tỏ lộ trong sự chân thật và hồn nhiên của nó.

Tôi yên lặng ngồi cạnh cô ta, ngắm đám mây tuyết bút của Segantini và ngắm cô gái bị thu hút bởi bức tranh. Rồi tôi sợ cô ta ngoảnh lại thấy tôi cô ta sẽ chào hỏi, cô ta sẽ mất hết vẻ đẹp. Tôi lẳng lặng bước mau ra khỏi phòng.

Hồi ấy sự vui sướng của tôi trước thiên nhiên cảm lạnh và môi trường của tôi với thiên nhiên bắt đầu thay đổi.

Tôi vẫn đi lang thang ở ngoại ô thành phố nhất là trong vùng núi Jura. Bao giờ tôi cũng thấy núi rừng, cây cối và bụi cỏ vươn mình lên không biết chờ đợi cái gì. Có lẽ chúng chờ đợi tôi; dù sao thì chúng cũng chờ đợi tình yêu.

Chính trong hoàn cảnh ấy mà tôi sinh lòng yêu mến cảnh vật. Tôi có một sự thèm khát mãnh liệt đến với cái đẹp lặng lẽ của cảnh vật. Trong người tôi, một đời sống sâu xa cũng đang dò dẫm tìm đường xuất hiện ra tâm thức, mong mỏi được hiểu biết và yêu mến.

Nhiều người nói rằng mình “yêu thiên nhiên”. Nói thế nghĩa là họ không thấy có gì trở ngại nếu thỉnh thoảng họ bỏ qua thế sự, thưởng thức vẻ đẹp của thiên nhiên. Họ đi ra ngoài, ngắm vẻ đẹp của trời đất mà khoan khoái, dầm chân lên đồng cỏ, hái một bó hoa

và cành cây rồi chẳng bao lâu vút vào sọt rác hay để héo trong xó nhà. Làm như vậy họ bảo là yêu thiên nhiên. Họ nghĩ đến tình yêu đó vào một ngày chủ nhật đẹp trời và thoả mãn vì tim mình tỏ ra rộng rãi. Thì họ có thể miễn trừ được những chuyện ấy mà lị! Con người có phải tinh hoa tụ khí của trời đất không? Hẳn là họ đã tặng trời đất một vòng hoa tang đẹp đẽ!

Bởi vậy tôi vẫn giương mắt hau háu nhìn vào lòng sâu thẳm của sự vật. Tôi nghe gió lên tiếng đàn trên những đỉnh cây cao, tôi nghe thác gầm trong khe núi, sông chảy êm đềm trong đồng bằng và tôi biết rằng đó là tiếng nói của Ông Trời, hiểu được tiếng nói nguyên thủy tôi tìm thấy thiên đường. Sách vở nào có nói đến; trong Thánh Kinh chỉ có mấy chữ kỳ ảo này: “tiếng thở than không diễn tả được của thiên nhiên.” Nhưng tôi vẫn có cảm tưởng rằng xưa nay người đời xúc động vì không ai hiểu mình cũng như tôi, đã coi thường công việc hàng ngày để tìm sự cô đơn tịch mặc, lắng tai nghe tiếng ca hát của hóa công, nhìn mây bay và giơ tay hướng về vĩnh cửu trong nỗi niềm nhớ tiếc khôn cùng - như ăn sĩ, khổ tu, thánh đồ.

Đã có bao giờ bạn đến thành Pise, nhị địa Campo Santo? Trên tường là những bức họa từ những thế kỷ trước nay đã phai mờ, một bức diễn tả đời sống những ăn sĩ ở sa mạc Thébaide. Ngày nay tuy màu sắc đã phai lợt nhưng bức họa vụng về ấy cũng còn gợi lên vẻ u nhã của sự yên lành tĩnh tịch; bất thần thống khổ trần gian nổi lên, ta thấy cần phải đến một nơi nào xa lánh trần gian lấy nước mắt mà rửa lỗi lầm ô trọc, đến một thánh địa và không bao giờ ta trở về nữa. Biết bao nghệ sĩ đã thử nói lên sự nhớ tiếc ấy bằng những hình ảnh đẹp mê hồn, một vài bức họa con nít rất đẹp của Ludwig Richter cũng ca hát những điệu thoát phàm như bức họa của Pise. Tại sao danh họa Le Titien người bạn của những nét hiện thực đích xác, lại có khi họa những bức tranh trong đó bối cảnh và chân trời xa phơn phớt một màu lam, vũ trụ quan của ông bộc lộ không chút bí hiểm? Đó chỉ là một nét màu lam đậm, người ta không biết ông muốn vẽ núi ở xa hay là không gian vô tận. Chính Titien, một người duy thực, cũng không biết rõ. Ông không làm như vậy vì muốn có nhịp điệu màu sắc như mấy người viết lịch sử hội họa tưởng mình hiểu ông đã nói, nhưng đó là món nợ trả cho nỗi nhớ

tiếc khôn nguôi vẫn kín đáo ám ảnh con người vui vẻ sung sướng ấy cũng như nhiều người khác. Như vậy, hầu như nghệ thuật thời nào cũng cố gắng tìm cách diễn tả sự cần thiết cái gì thần linh, cái gì không thiêng liêng tiềm tàng trong mỗi con người chúng ta.

Saint François đã nói ra một cách viên mãn, cao đẹp hơn cả mà lại hồn nhiên như con trẻ. Bây giờ tôi mới hiểu đến nơi đến chốn. Tóm thâu vào tình yêu của Thượng Đế tất cả trần gian, cây cỏ tinh tú, muôn loài, gió mưa, ông đã đi trước cả thời kỳ Trung Cổ, trước cả Dante, ông tìm ra ngôn ngữ nói lên cái gì là của nhân loại muôn thuở. Ông gọi tất cả mãnh lực và hiện tượng thiên nhiên là “anh chị em”. Đến tuổi già, khi ông bị các lương y bắt phải cầm sắt nung đỏ áp vào trán, trong sự lo lắng của một người bệnh chịu cực hình ông còn đón chào thanh sắt nung đỏ ghê sợ như “người anh em lửa” của ông.

Khi tôi bắt đầu yêu thiên nhiên như yêu một người, nghe thiên nhiên như một người bạn hay một người đồng hành nói một ngôn ngữ nước ngoài, hẳn là mối ưu tư của tôi không thuyên giảm, nhưng nó trở nên cao đẹp, thuần khiết. Tai mắt tôi trở nên tinh tường. Tôi học cách tri giác sắc độ và đa dạng của thiên nhiên, tôi muốn mỗi ngày mỗi nghe thấy gần hơn, rõ ràng hơn, nhịp điệu sinh hoá của sinh vật đã một ngày kia hiểu được cái khí lực sinh hoá ấy, có lẽ có được thiên tư để diễn tả thành công từ thi ca, hy vọng rằng người khác cũng xích lại gần thiên nhiên, cảm quan của họ sẽ triển khai nếu họ trở lên tận suối nguồn đem lại sinh khí cho họ, thanh lọc họ, tu dưỡng cho họ cái hạo khí an nhiên tự tại của tuổi thơ. Lúc này thì đó mới là một triển vọng, một ước mơ, tôi không biết có ngày nào thực hiện được không và tôi chỉ chú trọng đến cái gì ở tầm tay mình. Không từ chối lòng ái mộ tất cả cái gì thấy trước mắt, không coi vật gì với thái độ dửng dưng hay khinh bỉ.

Tôi không thể nói được cách xử kỷ tiếp vật ấy an ủi và đổi mới cuộc đời tối tăm của tôi như thế nào. Không có gì ở đời làm cho ta cao đẹp và đem lại hạnh phúc cho ta bằng tình yêu bất diệt, không lời nói, không mê say; ước vọng thân yêu nhất của tôi là trong số những người đọc tôi, dù chỉ có hai người hay một người duy nhất, sẽ có người làm theo tôi, học lấy nghệ thuật thích thú và thanh khiết ấy. Một vài người trời phú bẩm cho nghệ thuật ấy, họ thực hiện suốt

đời họ mà không biết: đó là những con cung của Thượng Đế, những người hiền, những người giữ được tinh hồn nhiên của trẻ con. Những người khác đã được đời sống cao đẹp ấy, trong sự thống khổ ghê gớm - có khi nào bạn thấy chẳng, vài người tàn tật khôn cùng có đôi mắt bình tĩnh sáng ngời tỏ ra họ hơn người? Nếu bạn không muốn nghe tôi, nghe lời nói quê kệch của tôi, xin bạn hãy đến với họ, với những người có tình yêu vô tư không vụ lợi, tình yêu đó đã thắng sự thống khổ của họ và biến đổi hẳn đi.

Than ôi! Ngày nay tôi cũng vẫn còn ở xa sự toàn vẹn của người đau khổ như thế mà tôi vẫn trọng vọng. Nhưng suốt mấy năm ấy ít khi tôi để mất sự vững tâm tin tưởng rằng mình đang đi theo con đường chính đạo.

Tôi không thể nói được rằng mình có luôn luôn theo đúng không; thực ra nhiều khi tôi dừng lại bên đường và tôi cũng không tránh khỏi nhiều lúc đi sai đường đáng áy náy. Trong người tôi hai khuynh hướng ích kỷ vẫn chống lại tình yêu chân thực đó. Tôi nghiện rượu và cư xử vụng về. Tôi đã giảm bớt khá nhiều số lượng rượu uống, nhưng chỉ được vài tuần, ma men quyến rũ, tôi lại lao mình vào vòng tay ôm ấp của nó. Ít khi tôi lặn ra nằm ngủ bên lề đường hay làm những việc nông cuồng ban đêm, bởi vì rượu cũng kính nể tôi, nó chỉ lôi kéo tôi đến mức nào yêu ma của nó thân thiện được với tôi. Dầu sao thì một thời gian khá lâu, sau mỗi lần chè chén say sưa tôi vẫn thấy lương tâm cắn rứt. Nhưng tôi cũng không thể tách rời rượu khỏi tình yêu bất vụ lợi của tôi bởi vì tôi đã thừa hưởng của cha tôi khuynh hướng sâu đậm. Tôi đã kính cẩn và thận trọng tu bổ cái gia tài ấy, tôi đã luyện cho thành một đặc điểm chính yếu của nhân tính tôi; như vậy tôi phải giải quyết bằng cách thoả hiệp cả với tật xấu lẫn lương tâm, một sự thoả hiệp nửa đứng đắn nửa khôi hài. Và tôi chấp nhận công thức “rượu, người anh thân yêu của tôi” trong bản thánh ca của Saint François d’Assise.

Thói xấu thứ hai của tôi còn tệ hại hơn. Tôi không thấy gì là vui thú trong sự giao du với người khác, tôi sống cô đơn và tôi luôn luôn sẵn sàng nhạo báng và khinh bỉ hành vi của người đời.

Lúc khởi sự giai đoạn mới của cuộc đời tôi, tôi không nghĩ đến điều đó chút nào. Tôi cho là một việc rất bình thường, tôi mặc kệ việc đời, chỉ dành đời sống tâm lặng của thiên nhiên sự yêu mến, sự cảm thông của tôi, thiên tư của tâm hồn tôi. Mới đầu tôi cho thế là đầy đủ.

Đêm đêm, khi bước vào giường, bất thần tôi nghĩ đến một ngọn đồi, một cửa rừng, đến một cái cây đứng cô độc một nơi mà tôi yêu mến hơn và đã lâu chưa có dịp đến thăm. Có lẽ bây giờ cây đang đứng sững trong gió đêm, có lẽ mơ màng yên giấc hay thở dài, rung động lá cành. Nom thân hình nó ra sao? Thế là tôi ra khỏi nhà chạy đến bên cây, nhìn bóng dáng lơ mờ của nó hiện lên trong đêm tối, ngắm nghía nó với sự ngạc nhiên triu mến rồi mang theo về nhà hình ảnh mờ mịt của nó.

Hắn là bạn phì cười! Tình yêu đó có thể là sự lầm lẫn chứ quyết không phải sự phí phạm. Nhưng từ đó làm thế nào tìm được con đường đưa đến tình yêu loài người?

Khi đã cố gắng được bước đầu, chỗ còn lại tự nhiên sẽ đến. Giác mộng làm một bài thơ lớn càng thêm gần, càng có thể đạt được. Và nếu tình yêu vạn vật một ngày kia cho phép tôi diễn tả bằng lời thơ tiếng nói của núi rừng sông biển, ai sẽ là người thưởng thức? Không những thế giới vô tri thân thiết của tôi, mà còn loài người, trước hết là loài người, vì tôi muốn là người dẫn lối đưa đường cho họ bước vào tình yêu. Thế mà tôi đã có thái độ cay nghiệt, báng bổ, thô lỗ đối với họ! Tôi ý thức được chỗ mâu thuẫn của tôi; tôi cần phải chống lại tính dè dặt chua chát và ngăn cách, cần bày tỏ tình huynh đệ cả với loài người. Không phải dễ gì, vì về phương diện này tôi đi vào con đường cô đơn của số mệnh, tôi trở nên khắc nghiệt và tàn nhẫn. Cố gắng tỏ ra bớt ăn nói cay độc ở nhà hay ở tửu quán, chào hỏi thân yêu người gặp ngoài phố quả thật là không

đủ. Chính vì thế mà tôi hiểu rằng tôi đã phá hoại mối thâm giao với mọi người từ gốc rễ, bởi vì người ta chấp nhận sự ngọt ngào khả ái của tôi với thái độ lạnh lùng ngờ vực, hay họ cho là nhạo báng họ. Điều tệ hại hơn nữa là đến một năm trời tôi tránh không trở lại nhà người bạn quen biết hơn cả, tôi chợt hiểu rằng trước hết phải đến đây mà tìm lối bước vào đời sống xã hội, một đời sống xã hội đúng với quan niệm của mọi người ở đây.

Tôi thoát khỏi sự lúng túng một cách vẻ vang chính vì ý kiến riêng của tôi về nhân tình thế đạo mà trước kia tôi vẫn ghét cay ghét độc. Mới nghĩ đến căn nhà ấy tôi đã thấy biểu hiện trong trí hình ảnh Elisabeth, đúng như lúc nàng đứng trước đám mây trên bức họa của Segantini, và bất thần tôi nhận thấy rằng cũng vì nàng một phần lớn mà tôi có những nỗi niềm nhớ tiếc và ưu tư. Và đây là lần thứ nhất tôi để tâm nghĩ đến việc đi hỏi vợ. Cho đến bây giờ tôi hoàn toàn yên chí là mình không thích ứng được với hôn nhân, thậm chí tôi đành thúc thủ một cách mỉa mai chua chát. Tôi là nhà thơ, người lang thang, nghiện rượu, không thích ứng được với đời sống tập thể! Bây giờ tôi tưởng rằng số mệnh muốn mở đường cho tôi vào xã hội loài người bằng cuộc hôn nhân tình ái. Tất cả đều ra vẻ quyến rũ và chắc chắn! Elisabeth có thiện cảm với tôi? Điều ấy tôi đã cảm thấy và trông thấy; nàng có bản chất nhạy cảm và cao đẹp. Tôi nhớ lại trong khi nói chuyện với nàng về thung lũng San Clemente và sau này khi nàng đứng trước bức họa của Segantini, mặt nàng đã bừng lên một vẻ đẹp chói lọi. Về phần tôi, tôi đã thâu thập trong bao nhiêu năm một kho tàng phong phú kiến thức về nghệ thuật và thiên nhiên, tôi sẽ dạy nàng cách quan sát vẻ đẹp tiềm ẩn ở khắp nơi; tôi sẽ trau dồi cho nàng chân thiện mỹ để nét mặt nàng cũng như tâm hồn nàng xóa bỏ được tất cả cái gì làm mờ ám, khai triển được những tiềm năng. Điều kỳ lạ là tôi không nhận thấy có cái gì là hài hước trong cái sự cải hoán bất thần ấy. Anh chàng cô độc và lập dị là tôi trong chớp mắt lột xác thành gã đa tình chất phác, mơ màng đến hạnh phúc hôn nhân và trang trí nhà cửa.

Tôi bèn trở lại nhà người chủ nhân hiếu khách trước đây, người ta tiếp đón tôi với lối trách móc thân hữu. Tôi qua lại đây luôn, rồi một hôm gặp lại Elisabeth. Trời ơi! Nàng đẹp quá! Coi nàng đúng như tôi tưởng tượng ra với nét mặt người tình của tôi, xinh đẹp và

vui sướng. Suốt trong một giờ đồng hồ tôi hưởng lạc thú được ở bên người đẹp lộng lẫy. Nàng tiếp tôi nhã nhặn, có thể nói là thân thiết, nàng có cách xử sự bình dị khả ái làm tôi chứa chan vui vẻ.

Bạn đọc còn nhớ buổi tối bơi thuyền trên mặt hồ buổi hội họp dưới những chiếc đèn lồng đỏ của tôi, tôi sắp tỏ tình với cô bạn thì bóp chết ái tình từ trong trứng nước? Đó là cuộc phiêu lưu ái tình buồn rầu lổ lảng của một đứa con nít si tình.

Nhưng bạn sẽ thấy chuyện tình của người đứng bóng Peter Camenzind biết yêu, còn lổ bịch và buồn rầu hơn!

Tình cờ mà tôi biết Elisabeth đã đính hôn được ít lâu nay. Tôi mừng cho nàng, tôi được giới thiệu với chồng chưa cưới đến tìm nàng, và tôi cũng mừng cho y. Suốt buổi tối tôi giữ nụ cười trên môi, nụ cười nhân từ và che chở đè nặng xuống lòng tôi như một cái mặt nạ. Sau đấy tôi không chạy vào rừng, vào quán cà phê, nhưng tôi ngồi bên giường, nhìn ngọn đèn tàn cho đến lúc tắt ngấm đưa ra mùi khét lẹt, người sững sờ, ngơ ngác như bị sét đánh, cho đến lúc trở lại tỉnh táo. Lại lần nữa đau khổ và thất vọng giường hai cánh tối sầm bao vây người tôi, và tôi ngồi trơ trơ, tấm thân nhỏ bé, yếu ớt, tả tơi, tôi khóc nức nở như một đứa trẻ.

Sau đấy tôi thu xếp đồ đạc, sáng sớm ra ga lên tàu trở về quê nhà. Tôi cần phải leo lên đỉnh núi Sennalpstock một lần nữa, sống lại cuộc đời niên thiếu và về thăm cha tôi.

Cha con giờ đã xa lạ với nhau.

Cha tôi tóc hoa râm, lưng hơi còng, thần sắc hơi kém. Ông đối với tôi ngọt ngào và e lệ, không hỏi han gì, thấy tôi về ông ngạc nhiên và không kém phần lúng túng. Ông còn giữ được cái nhà nhưng đã bán hết ruộng nương và súc vật; ông sống về số tiền lời nhỏ và làm mướn những công việc vặt.

Khi chỉ còn mình tôi ở nhà, tôi lại chỗ kê giường mẹ tôi ngày trước, quá khứ hiện ra trước mắt tôi như một dòng sông rộng và phẳng lặng. Tôi không còn là một gã thanh niên và tôi nghĩ đến tháng năm trôi vùn vụt, chẳng mấy lúc sẽ đến lượt tôi trở thành một ông già lưng còng tóc hoa râm nằm đợi chết trong đau khổ. Trong căn nhà cũ nát và tồi tàn, tôi đã sống những ngày tấm bé, học chữ Latin và ở bên mẹ tôi lúc qua đời, những ý nghĩ ấy hợp tình hợp

cảnh và vỗ về an ủi tôi. Tôi nhớ lại những năm son trẻ sống phong phú ấy với lòng tri ơn, mấy câu thơ của Laurent de Medicis học được ở Florence trở lại trí nhớ:

Quant'è bella giovinezza

Ma si fugge tuttavia

Chi vuoi esser lieto, sia:

Di doman non c'è certezza.

Đồng thời tôi cũng ngạc nhiên rằng đã đem lại phòng này những kỷ niệm nước Ý, những hồi tưởng bắt nguồn từ lịch sử, từ thế giới mệnh mông của tinh thần.

Tôi biếu cha tôi một ít tiền. Đến tối chúng tôi cùng ra tửu quán, tất cả vẫn còn như xưa, chỉ khác có bây giờ tôi trả tiền rượu, còn cha tôi lúc nói đến rượu óng ánh như sao và rượu sâm-panh, ông lấy tôi ra để làm chứng; và lại bây giờ tôi chịu đựng được hơn cha tôi. Tôi hỏi thăm lão già loắt choắt đầu hói ngày trước tôi đã hắt cốc rượu vào mặt. Hắn là một tay nghịch ngợm và một con cáo già, nhưng hắn đã chết lâu rồi và những trò tinh nghịch của hắn bắt đầu bị lãng quên. Tôi uống rượu Vaud, tôi theo dõi câu chuyện, tôi kể vài chuyện vặt, đến lúc trắng lên, tôi ra về với cha tôi, cha tôi say chuênh choáng vẫn tiếp tục nói và hoa tay múa chân, tôi có cảm tưởng kỳ lạ và mới mẻ đối với tôi là đã có cái gì làm cho tôi ham thích. Những khuôn mặt ngày xưa: cậu Conrad, Rose Girtanner, mẹ tôi, Richard và Agiletti luôn luôn trở lại trong trí nhớ, tôi nhìn những khuôn mặt ấy như xem một tập ảnh đẹp để tinh tươm nhưng ngoài thực tế sự vật không có gì tốt đẹp như vậy. Tất cả ồn ào diễn qua mắt tôi, tan biến đi, tôi gần như quên bằng, nhưng chúng vẫn ở đấy, sáng sủa, rõ ràng, ghi vào người tôi, vào trí nhớ tôi, mặc dầu ý chí tôi không dự phần nào.

Chỉ đến khi về tới nhà, cha tôi không nói nữa và đã ngủ yên, bây giờ tôi mới nghĩ đến Elisabeth. Ngày hôm qua nàng đã chào tôi, tôi khen ngợi nàng, tôi khen ngợi vị hôn phu của nàng. Tôi có cảm tưởng như biết bao thời gian đã trôi qua. Tuy nhiên sự đau đớn cũng bùng lên, kết hợp với những đợt sóng kỷ niệm đang ồ ạt tràn tới, xông vào công kích trái tim tôi trơ trọi không có gì tự vệ, như gió bão thổi vào một ngôi nhà lung lay và đổ nát trên triền núi cao.

Không thể ở nhà được, tôi leo qua cửa sổ lên ra ngoài, đi qua vườn xuống hồ, tôi tháo dây cột chiếc thuyền cũ nát rồi nhẹ tay chèo bơi thuyền trong đêm sáng mờ.

Đời tôi có nghĩ gì không, tại sao bao nỗi vui buồn đổ lên đầu tôi như vậy? Tại sao tôi khát khao vẻ đẹp và sự thật, và ngày nay tôi vẫn khao khát chưa nguôi? Tại sao tôi đã yêu những người đàn bà mỹ miều kia trong thách đó và nước mắt, để ngày nay lại phải xấu hổ và khóc than mối tình tuyệt vọng? Tại sao Ông Trời khó hiểu kia lại đặt vào trái tim tôi hoài bão ái tình mãnh liệt như thế, vì Ông đã dành cho số hệ tôi một đời sống cô đơn thiếu hẳn những phút vỗ về, âu yếm?

Tôi có cảm tưởng rằng tốt hơn hết là để cho thuyền chìm lỉm xuống đáy hồ, đừng ai để ý đến tôi nữa. Nhưng khi thấy thuyền vừa thấm nước tôi vội chèo thật nhanh. Bất thần tôi thấm lạnh, vội vàng trở về nhà lên giường ngủ. Tôi nằm thao thức và mệt mỏi, nghĩ đến số kiếp mình và cố sức tìm hiểu xem mình thiếu thốn cái gì, cần phải có cái gì để sống một cuộc đời sung sướng và chân thực hơn, để tới gần trung tâm của bản thể.

Tôi biết rằng trung tâm của nhân đức và hạnh phúc là tình yêu và tuy vết thương lòng còn rướm máu, tôi cũng phải bắt đầu thực tình yêu mến loài người. Nhưng yêu làm sao? Và yêu ai?

Thế là tôi nghĩ đến cha già, và lần thứ nhất tôi nhận thấy tôi không yêu cha cho phải đạo. Lúc còn thơ ấu tôi đã làm cho đời ông cực nhọc, rồi thì tôi đi xa, để cha tôi một mình mặc dầu mẹ tôi đã mất, tôi lại hay bực mình vì cha và sau này tôi đã quên hẳn cha. Tôi buộc lòng phải tưởng tượng ra ông nằm chết trên giường, bỏ mình tôi tro troi mồ côi đứng cạnh thầy cha, người cha đối với tôi vẫn xa lại, chưa bao giờ tôi thử chinh phục tình yêu của cha.

Tôi bèn thử làm công việc khó khăn nhưng êm ái. Tôi trù mến không phải một người tình xinh đẹp, nhưng một ông già nghiện rượu đã suy nhược; tôi không nói xăng với cha nữa, tôi săn sóc cha được đến đâu hay đến đấy, tôi đọc cho ông nghe những truyện trong cuốn lịch và nói đến rượu nho bên Pháp và bên Ý. Tôi không thể đỡ cha hết các việc vặt, không có ông thì cái gì cũng hỏng bét. Tôi cũng không thể khuyên cha bỏ thói quen đi tiệm mà uống rượu

tôi với con ở nhà. Chúng tôi thử làm một vài bận. Tôi đi mua rượu nho và xì gà rồi tôi kiếm hết cách để làm cho ông già giải khuây. Đến ngày thứ tư hay thứ năm ông không buồn nói nữa rồi sau cùng ông trở nên khó tính, khi tôi hỏi ông có gì buồn bực thì ông gắt:

- Tôi biết rằng anh không muốn để cho cha già anh đến tiệm nữa.

- Đâu có chuyện ấy, cha vẫn là bố còn con là đứa trẻ như trước, cha muốn như thế nào thì vẫn tự cha quyết định.

Ông nháy mắt nhìn tôi ra vẻ không tin; sau đấy ông vui vẻ với lấy cái mũ lưỡi trai và chúng tôi cùng đi đến tiệm cà phê.

Tuy ông không nói ra, nhưng tôi hiểu rằng tôi ở đây lâu nữa chỉ làm cho cha tôi khó chịu. Và chẳng tôi thấy cần phải đi xa, đi ra ngoại quốc để đợi cho dịu bớt cuộc xung đột day dứt nội tâm tôi. Tôi hỏi ông:

- Nếu có ngày con đi chuyến nữa thì cha nghĩ sao?

Ông gãi đầu, so hai vai gầy yếu, mỉm cười ranh mãnh để kéo dài thời gian.

- Ồ, thì tùy ở anh!

Trước khi đi tôi đến thăm mấy người xóm giềng và mấy thầy trong tu viện nhờ họ trông nom cha tôi dùm. Tôi cũng nhận một ngày đẹp trời leo lên ngọn Sennalpstock. Từ trên đỉnh cao hình vòng cung tôi nhìn xuống núi và thung lũng xanh tươi, nước hồ long lanh và sương mù phủ thành thị xa xa. Lúc còn bé, cảnh tượng ấy đã gợi lên những ước vọng hăng hái; tôi đã chinh phục hoàn cầu rộng lớn và tươi đẹp, thế mà bây giờ hoàn cầu lại mở rộng trước mặt tôi, vẫn đẹp đẽ và xa lạ như bao giờ, tôi cảm thấy mình sẵn sàng để lên đường lần nữa đi tìm xứ sở của hạnh phúc.

Đã từ lâu tôi định lưu lại một thời gian ở Assise để có thêm tài liệu khảo cứu. Tôi bắt đầu trở về Bâle để sửa soạn hành trang, thu xếp đồ đạc gửi trước đi Perouse. Còn tôi đi xe lửa đến Florence, rồi từ đó đi bộ về phương nam, tôi đi thung thỉnh không làm gì mà phải vội vàng. Làm thân với người bình dân ở xứ này là một nghệ thuật ai cũng có thể làm được. Đời sống của người phương nam bao giờ cũng hồn nhiên chất phác, bình dị, tự do, từ tỉnh này sang

tỉnh khác người ta có thể kết bạn với những người chân thật. Lần này tôi cũng như cá gặp nước và tôi quyết định sau này đến Bâle sẽ tìm mỗi thân giao với đồng bào, không phải trong giới thượng lưu mà trong xã hội bình dân giản dị.

Đến Perouse và Assise tôi say mê công việc khảo cứu lịch sử và bắt đầu làm việc sốt sắng. Đời sống vật chất ở đây cũng thích thú, chẳng bao lâu tôi lấy lại được quân bình và bắt những đầu cầu mới vào đời: những nhịp cầu tạm bợ rất mong manh. Sau vài câu chuyện về vị thánh đồ, bà chủ nhà của tôi ở Assise, một bà buôn trái cây ngoan đạo và hay chuyện, rất yêu mến tôi. Bà là một người có tiếng tin đạo Gia Tô, một hân hạnh quá đáng cho bà, còn đối với tôi thì nhờ tôi tin đạo mà tôi kết thân dễ dàng với mọi người, tôi không bị nghi ngờ là kẻ ngoại giáo như những người ngoại quốc khác. Bà là một goá phụ đã 34 tuổi tên là Annunciata Nardini; người to lớn dềnh dang như hộ pháp và ngôn ngữ cử chỉ rất nhã nhặn. Ngày chủ nhật bà mặc áo dài hoa màu sắc sỡ tươi tắn, có thể cho bà là hiện thân của ngày lễ, vì khuôn mặt sáng ngời, mẽ đay và dây chuyền đeo lưng lẳng trước ngực đụng nhau lách cách. Bà cũng mang theo một quyển kinh lớn bọc bạc mà bà không biết đọc, một chuỗi tràng hạt hột đen hột trắng, dây bạc, mà ngón tay bà đưa qua đưa lại rất khéo. Giữa hai tuần dâng lễ, bà ngồi trên ghế kê tội những người bạn vắng mặt với mấy người ngồi cạnh, họ ra vẻ thần phục vô cùng, trên khuôn mặt bà phản ánh một cách cảm động linh hồn một người đã thuận thụ phúc lành của Thượng Đế.

Ở xứ này người ta không đọc được tên tôi, người ta chỉ gọi tôi là ông Pietro. Những buổi chiều vàng, chúng tôi ngồi xúm lại trong căn nhà nhỏ; người lớn, con nít, mèo chó; hoặc ngồi ngoài cửa hàng, giữa những đồng trái cây, những rổ rau cỏ, những hộp hạt giống, những túm xúc xích treo trên trần, chúng tôi kể lại chuyện mình, bàn bạc về mùa màng, hút thuốc hay ăn miếng dưa. Tôi nói đến Sant François, truyện Portioncula, nài thờ của nữ thành Claire và những sư huynh tu hành thứ nhất. Người người nghiêm chỉnh nghe tôi, hỏi nhiều câu vật vãnh, khen ngợi ông thánh, rồi người ta bắt vào chuyện mới xảy ra gần đây, chuyện cướp bóc và âm mưu chính trị được mọi người ưa thích hơn cả. Mèo, chó và con nít đùa giỡn và đánh nhau ngay bên cạnh chúng tôi. Vì sở thích riêng và

cũng để được tiếng với bà con, tôi kiếm những truyện ý nghĩa và đáng tin trong các sách truyền kỳ, thật may mắn cho tôi, trong số những sách mang theo có những cuốn như “Đời sống các Thánh Tổ Phụ và các vị Thánh Đồ khác” của Arnoid, tôi bèn dịch những truyện chất phác ngay thật ra tiếng Ý bình dân, sửa đổi đôi chút cho thêm vui. Nhiều người qua đường dừng lại chốc lát, bàn góp vài câu, nhiều khi trong một tối, số người hội họp thay đổi đến ba bốn lượt; chỉ có bà Nardini và tôi ngồi từ đầu đến cuối dẫu không vắng mặt buổi nào. Tôi để kèm mâm rượu ngay bên cạnh và uống thùng bất chỉ thỉnh, làm mấy người bình dân ăn uống tận tiện phải lắc đầu le lưỡi. Dần dần, những cô gái láng giềng nhút nhát sinh ra bạo dạn, bước tới ngưỡng cửa để góp chuyện, họ nhận mấy bức ảnh tặng và bắt đầu cho tôi là người thanh khiết vì tôi không pha trò ranh mãnh mà cũng không tìm cách suồng sã với họ. Trong số thôn nữ ấy có vài vẻ đẹp mơ màng, hai mắt mở to như người trong tranh của Perugin. Người nào tôi cũng thích, tôi thường thức vẻ phúc hậu tinh ranh của họ, nhưng không say mê một cô nào: những cô có nhan sắc, cô nào cũng giống cô nào, thậm chí vẻ đẹp ấy đối với tôi là một ưu điểm của giống nòi chứ không phải là cái hơn người riêng biệt. Thường có một chàng trai con người làm bánh hay đến họp với chúng tôi, gã là một đứa ranh vật rất lanh lợi tên Matteo Spinelli. Hắn biết bắt chước tiếng kêu của đủ loài vật, biết hết chuyện rầy rà của mọi người, có những mưu chước quỷ quyệt lạ lùng. Khi tôi kể chuyện thần kỳ của các thánh, hắn nghe nói điệu bộ tôn kính, và khiêm tốn không ai bằng, rồi sau hắn báng nhạo các thánh đồ bằng đủ mọi câu hỏi, ví von và ức đoán ranh mãnh, hắn giả vờ làm như người thật thà khiến cho bà chủ vừa trái cây phải bất bình nhưng phần nhiều người nghe rất khoái tỹ.

Thường khi tôi ngồi cạnh bà Nardini nghe bà nói những chuyện đáng tin về các thánh và tôi thấy một sự khoan khoái tràn tục khi bà để lộ rất nhiều thói xấu nhỏ nhặt thường tình của bà. Không có một lỗi lầm, một nét xấu nào của người khác qua được con mắt của bà; bà đã định sẵn chỗ dưới địa ngục cho họ sau khi cân nhắc kỹ lưỡng. Còn tôi thì bà dành cho một chỗ trong trái tim bà, bà kể hết cho nghe những kinh nghiệm, những khám phá nhỏ nhặt nhất của bà không quên một chi tiết nhỏ. Tôi mua mỗi thứ lật vật về bà hỏi tôi giá bao nhiêu, để chỉ cho biết đừng để ai ăn không của mình. Tôi kể

cho bà nghe chuyện các thánh, đáp lại, bà cho tôi biết bí quyết nghề buôn rau, buôn trái cây và nấu bếp. Một buổi tối chúng tôi ngồi trong căn nhà xiêu vẹo, tôi hát một điệu Thụy Sĩ và một điệu Tyrol làm con nít và con gái thích quá. Họ xoắn người lại cười, bắt chước mấy tiếng ngoại quốc và chỉ cho tôi biết cái hàu tôi cứ lên lên xuống xuống rất buồn cười trong khi hát điệu Tyrol. Bấy giờ có người nói đến chuyện tình. Con gái che mặt cười, bà Nardini trợn mắt và thở vắn than dài, sau cùng họ bắt tôi phải kể chuyện tình của tôi. Tôi không nói gì đến Elisabeth, nhưng tôi tả chuyện chơi thuyền với Aglietti và cuộc tình duyên nửa đời nửa đoạn của tôi. Tôi thấy mình ngốc nghếch khi phơi ra trước mắt những người hiếu kỳ này một chuyện riêng chưa từng nói với ai, trừ Richard, mà lại nói ở một hẻm lát đá tảng như những hẻm ở phương nam, gần những ngọn đồi còn vương nắng chiều tà đỏ ối. Tôi nói nhiều mà không nghĩ, như người đi kể chuyện rong, nhưng tôi để hết lòng vào câu chuyện, thực ra tôi e ngại người nghe cười cợt chế giễu.

Nhưng kể xong, mọi con mắt đổ dồn vào tôi, bùi ngùi và thương cảm.

Một người con gái nói: “Trời! Một người đẹp trai thế kia mà phải thất tình!”

Bà Nardini khẽ đặt bàn tay mềm mại và tròn trĩnh lên đầu tôi mà rằng: “Poverino!”

Một cô gái khác tặng tôi một trái lê lớn, khi tôi bảo nàng cắn thử một miếng trước, nàng cắn lê và trầm ngâm nhìn tôi. Khi tôi muốn đưa cho người khác cắn ăn, nàng không chịu được: “Không, cậu ăn đi cơ. Tôi cho cậu vì cậu đã kể chuyện buồn của cậu.”

Một người làm vườn nho tóc nâu bảo tôi:

- Bấy giờ thì chắc là cậu sẽ yêu một người khác.
- Không.
- Trời! Cậu vẫn yêu cô Erminia độc ác ấy à!
- Bấy giờ tôi yêu thánh François, thánh dạy tôi yêu cả mọi người, anh và tất cả mọi người ở Perouse, tất cả con trẻ ở đây và cả người nhân tình của Erminia.

Đã có cái gì rắc rối nguy hiểm trong cuộc sống chất phác thanh tịnh khi tôi nhận thấy bà Nardini hiền hậu này nhiệt thành cầu chúc cho tôi đến ở cùng tỉnh với Erminia. Câu chuyện nhỏ ấy làm tôi hoá ra khéo léo khôn ngoan, thật khó mà đánh tan mơ mộng như thế của người đàn bà mà không làm mất tình bạn trong sạch. Vả chăng tôi cũng phải nghĩ đến chuyện về chứ. Nếu không mơ màng đến tập thơ tương lai và nếu túi tiền không cạn thì có lẽ tôi ở lại đây thật. Có lẽ - vì tình trạng túi tiền - tôi sẽ lấy Nardini. Nhưng không, điều ngăn cản tôi chính là vết thương tình chưa khỏi và ý muốn thấy mặt Elisabeth. Trái với ý nghĩ của tôi, người đàn bà góa đầy đà ầy tỏ ra chịu đựng điều không tránh được một cách nhẫn nại và cũng không thất vọng mà làm khó dễ cho tôi. Có lẽ phút từ biệt ra đi làm tôi buồn ngủi hơn bà. Đi khỏi xứ ấy, tôi đã mất mát nhiều hơn những gì tôi để lại, chưa bao giờ nhiều người thân mến đến tiễn chân và bắt tay tôi như vậy. Họ xếp vào toa tàu nào hoa quả, rượu mùi, bánh mì và xúc xích, và tôi có cảm tưởng hy hữu là phải chia ly với những người không đến nổi đứng đưng với tôi. Bà Annurziatu Nardini, lúc già biệt tôi, hôn lên hai má, hai mắt rung rung lệ.

Ngày xưa tôi cho rằng được yêu mà mình không yêu có thể là một sự thích thú riêng. Bây giờ kinh nghiệm cho biết rằng một mối tình hiến dâng mà người ta không yêu lại mình quả là một cực hình. Tuy nhiên tôi cũng hơi tự kiêu vì một người đàn bà ngoại quốc yêu tôi và muốn lấy tôi làm chồng.

Chỉ một chút kiêu hãnh còn con như thế cũng làm tôi khỏi bệnh được một nửa. Tôi phàn nàn cho bà Nardini, nhưng tôi không cầu chúc cho chuyện thương cảm của bà không xảy ra. Dần dần tôi cũng hiểu rằng hạnh phúc của ta không tùy thuộc sự thực hiện những ước vọng ảm no, đau khổ vì tình của tuổi trẻ dù mạnh mẽ đến mức nào cũng không có gì là bi thảm cả. Không lấy được Elisabeth thì tôi đau đớn thật, nhưng cuộc đời tôi, tự do của tôi, công việc của tôi, thái độ tinh thần của tôi không chịu ảnh hưởng gì, tôi vẫn có thể yêu nàng ở xa hay ở gần như trước nếu tôi muốn. Những ý nghĩ ấy và mấy tháng sống an nhiên thư thái ở Ombrie đã ảnh hưởng trong lành đến tâm trạng tôi. Trước đây tôi chỉ để ý đến những nông cuồng lố lăng của người đời, tôi chỉ nghĩ đến sự châm chọc mỉa mai cho nên không hưởng được sự thích thú. Bây giờ, dần

dần tôi khám phá ra tính cách khô hời của cuộc đời, hầu như mỗi ngày tôi càng thấy có thể giải hòa dễ dàng với sao chiếu mệnh của tôi và thưởng thức vật ngon của ta trong bữa tiệc đời.

Hắn là khi sang nước Ý trở về người ta vẫn có ý nghĩ như thế. Ở đây người ta mỉm cười rộng lượng mà bất chấp cả giáo điều lẫn thành kiến, người ta nhét hai tay vào túi quần, và đứng trước cuộc đời người ta làm ra vẻ một nghệ sĩ thành thạo. Người ta đã bơi lội chóc lát trong bầu không khí nóng ẩm đời sống bình dân miền nam và người ta tưởng tượng ra rằng cuộc sống ở đây cứ tiếp diễn như thế. Tôi cũng vậy, mỗi lần sang Ý về tôi cũng nghĩ thế, lần này còn hơn những lần khác. Khi trở về Bâle, sống lại cuộc đời ngày trước, gò bó, bất di bất dịch, không làm thế nào cho mình trẻ lại được, từ chỗ thư thái an nhiên tôi lặn xuống dốc, dần dần từng nấc một, thôi đành nuốt túi hờn, chẳng buồn làm điều bộ ta đây đã biết thừa. Nhưng cái gì thu thập được ở ngoài kia vẫn để lại chút mầm và mầm vẫn tiếp tục đâm chồi nảy lộc; từ đó con thuyền của tôi dù đi trên nước trong hay nước đục cõi đời, cũng vẫn giương lá cờ nhỏ màu tảo bạo và tự tin.

Trong những lĩnh vực khác, ý kiến của tôi cũng từ từ thay đổi. Tôi không tiếc nuối đã hết thời kì son trẻ và bước vào tuổi trung niên, tuổi mà con người học cách coi cuộc đời mình như một đoạn đường ngắn ngủn, bản thân mình như một gã lang thang, ta đi lại và ta chết đi chẳng làm cho người đời xúc động hay bận tâm. Người ta theo đuổi một mục đích, một giấc mộng thân yêu hơn cả, nhưng người ta chẳng cho mình là cần thiết cho đời; dọc đường người ta dành riêng cho mình những phút nhàn rỗi để có thể nằm dài trên cỏ, chum miệng thổi sáo, thanh thoi hưởng những thích thú trong khoảng khắc trôi đi biệt mà không đến nỗi phải hối tiếc, phải trốn tránh trách nhiệm hàng ngày. Cho đến bây giờ tuy chưa bao giờ nghĩ đến Zarathoustra, nhưng xét cho cùng tôi cũng biết tự cho mình là đàn anh thiên hạ. Tự tôn thờ mình, khinh bỉ người bình dân, thật quả tôi vẫn làm như vậy. Dần dần tôi mỗi ngày mỗi hiểu thêm rằng không làm gì có giới hạn nhất định giữa các giai cấp, đời sống những người hèn kém, bị ức hiếp hay nghèo khổ không những cũng đa tạp đa diện chẳng kém, mà còn đậm thắm, chân chất hơn, gương mẫu hơn đời sống những người phong lưu giàu có.

Tôi đến Bâle vừa kịp để dự buổi tiếp tân đầu tiên tại nhà Elisabeth - nàng đã thành hôn. Bà chủ nhà xinh đẹp cho tôi cái hân hạnh được bà tiếp đãi ý nhị như người thân trong nhà và suốt buổi tối tôi mừng rằng số mình còn may, mình tránh được sự tro trên hỏi vợ chậm trễ quá. Mặc dầu có kinh nghiệm bên Ý, tôi vẫn giữ ý không tin hẳn đàn bà: họ có thứ vui sướng độc ác khi được thấy người say mê họ tuyệt vọng và đau khổ. Một câu chuyện con con lúc còn đi học tôi nghe được từ cửa miệng đứa bé lên năm có thể dùng để thể hiện một các cụ thể tình trạng nhục nhã và khó xử của một người đàn ông như vậy.

Ở trường học của thằng bé ấy có một thói quen kỳ dị và có tính cách biểu tượng: Khi một cậu nào có hành vi ngốc nghếch quá, chúng bạn tụt quần cậu, để sáu đứa con gái giữ chặt cậu trên ghế không cho chạy thoát. Quyền ấy được coi là một vinh dự lớn, bao giờ cũng dành cho những đứa con gái ngoan ngoãn, những đứa lúc ấy được coi là đức hạnh ghê gớm, chỉ có những đứa ấy được hưởng sự thích thú tàn ác đó. Câu chuyện trẻ con vui vui này làm cho tôi phải suy nghĩ, đã một hai lần nó len lỏi giấc chiêm bao, ít ra cũng vì kinh nghiệm trong giấc mơ mà tôi biết được trong lúc bị xử tội như thế người ta khổ sở đến thế nào.

Tôi cũng không để ý hơn trước đến hoạt động văn nghệ của tôi. Tôi có thể sống bằng tiền nhuận bút, để dành đôi chút và đôi khi gửi về cho cha. Ông vui vẻ mang ra quăng vào tủ quần, khen ngợi tăng bốc tôi bằng đủ mọi giọng, ông còn có ý kiến giúp đỡ công việc làm ăn của tôi theo kế sách của ông. Chả một hôm tôi bảo cha tôi rằng tôi kiếm ăn bằng cách viết những bài đăng báo. Ông cho tôi là một ký giả hay một thông tin viên như những người làm cho tờ báo tỉnh nhà, ông bèn viết thư cho tôi kể cho biết những việc xảy ra ở nhà mà ông cho là quan trọng. Hẳn là ông nghĩ tin tức ấy sẽ để viết bài báo kiếm tiền. Một lần là cháy vừa lúa, lần khác, tai nạn xảy ra cho hai du khách trên núi, lần thứ ba là kết quả cuộc bầu cử ông tiên chỉ trong làng. Những tài liệu đó đã được viết với thể văn thô lỗ của nhật trình, nhưng tôi thấy thú vị thật sự vì chúng biểu lộ tình thân mật cha con, và đây cũng là những bức thư đầu tiên từ bao nhiêu năm nay tôi mới nhận được của quê hương. Chúng còn làm tôi vui thích vì chúng như mĩa mai hoạt động văn nghệ của tôi; tháng này sang tháng khác, tôi giới thiệu bao nhiêu sách mà khi đăng lên chẳng có gì mà quan trọng và ảnh hưởng hơn những chuyện nhỏ mọn ở thôn quê.

Giữa lúc ấy mới xuất bản hai cuốn sách mà tôi quen biết tác giả ở Zurich: Hai thanh niên có một thứ văn trữ tình rất quái dị. Một người sống ở Bá Linh và tìm được đủ chuyện dơ dáy bỉ ổi trong các tiệm cà phê, các ổ điểm ở thủ đô. Người thứ hai xảy ra ở vùng Munich một thứ nhà tu lộng lẫy sang trọng, tuy ông ta không tin tưởng nhưng ông ta điên cuồng và tuyệt vọng mà tìm hướng trong sự nội quan đượm màu sắc loạn thần kinh hay trong phép chiêu hồn. Tôi phụ trách việc phê bình hai cuốn sách và dĩ nhiên tôi chế nhạo cả hai nhưng không có ác ý. Người loạn thần kinh chỉ gửi cho tôi một bức thư rất lịch sự. Nhưng người ở Bá Linh làm om sòm trên một tập san, ông tuyên bố rằng tôi không biết đến chủ tâm thanh khiết nhất của ông, ông lấy Emile Zola ra để tự biện hộ, ông không bằng lòng ám chỉ tôi và sự chỉ trích nông cạn của tôi, ông còn nói đến óc cô lậu của người Thụy Sĩ chỉ biết tự cao tự đại.

Trong đời văn nghệ của ông ta, chỉ có thời kỳ sống ở Zurich là có lẽ ông còn một chút lành mạnh, một chút tự trọng.

Chưa bao giờ tôi là người ái quốc đến cao độ nhưng quả là lòng ham danh vọng ở Bá Linh đã đi quá mức, và tôi trả lời người ương ngạnh bằng một bức thư dài, không quên tỏ sự khinh miệt chủ nghĩa duy tâm hợm hĩnh ở các đô thị lớn.

Cuộc tranh luận rất hữu ích cho tôi, tôi bắt buộc phải suy nghĩ lại quan điểm của tôi về văn minh hiện kim. Sự cố gắng thật là lâu công và khó khăn mà không đạt được những kết quả như ý muốn. Cuốn sách của tôi không ai nói đến kể ra cũng chẳng mất mát gì cả.

Nhưng đồng thời những sự kiện trên đây bắt buộc tôi phải suy nghĩ sâu xa về chính bản thân tôi và tác phẩm chính quyết định viết từ lâu.

Hẳn bạn đọc đã biết, tôi có ý muốn đặt con người trước cuộc sống mệnh mông và sâu xa của thiên nhiên vô tri vô hồn và làm cho con người yêu mến thiên nhiên. Tôi muốn họ nghe tiếng đập của trái tim trái đất, tham dự vào cuộc sống vạn vật, sống theo số mệnh mệnh mông của họ chứ nên quên rằng, không phải trời chỉ sinh ra chúng ta mà thôi, chúng ta không phải là những ông trời con mà chúng ta là một phần của toàn thể vũ trụ. Tôi muốn nhắc lại cho họ nhớ rằng cũng như tiếng nói của thi nhân, như giấc mơ trong đêm dài, sông biển, mây, bão đều có ước vọng của chúng giữa khoảng trời đất này và mục đích của chúng là sự tin tưởng tuyệt đối rằng chúng có quyền sống, chúng tin tưởng tuyệt đối vào sự bất diệt của tất cả cái gì hiện hữu. Vạn vật tự thâm tâm nó chắc chắn là có quyền ấy, tự biết mình là con của Thượng đế và không hề khắc khoải mà nương mình vào lòng vĩnh cửu. Nhưng tất cả cái gì là xấu xa, độc hại và thối tha trong người chúng ta sẽ nổi dậy để phản đối quyền sống của vạn vật và tin tưởng vào sự chết.

Tôi cũng muốn dạy cho người đời tìm trong tình huynh đệ với thiên nhiên nguồn suối trong của hạnh phúc và sinh lực cuộn cuộn như thác đổ của đời sống: tôi muốn truyền bá nghệ thuật chiêm ngưỡng, du hành, an hưởng thú vui hàng ngày. Tôi muốn đem lại cho núi non, biển cả, hải đảo xanh tươi, một tiếng nói mạnh mẽ và quyền rũ để bắt buộc người đời nhìn thấy đời sống bao la và muôn

vẻ muôn hình, hàng ngày nảy nở và tràn ngập ngoài thành thị của chúng ta. Tôi muốn người đời phải xấu hổ khi thấy mình biết nhiều về chiến tranh, thời trang, chuyên ngồi lê đôi mách, văn chương nghệ thuật, hơn là biết gì về con sông chảy dưới gầm cầu, khu rừng và đồng cỏ tươi đẹp mà đường xe lửa của chúng ta vẫn đi qua. Tôi muốn kể cho các bạn nghe rằng một người cô độc là tôi đã khám phá ra biết bao niềm vui liên tiếp trong cõi đời này, tôi không thể nhẹ dạ mà đón nhận cuộc đời, và tôi ước ao rằng các bạn sẽ khám phá ra những nguồn vui thấm thía hơn nữa vì có lẽ các bạn sung sướng và vui vẻ hơn tôi.

Và trước hết tôi muốn đặt lên trái tim các bạn bí quyết đẹp đẽ của tình yêu. Tôi muốn tỏ cho các bạn biết mình phải là anh em chân tình với tất cả cái gì sinh sống, các bạn sẽ thấy mình được hưởng đầy đủ tình yêu cho nên không sợ khổ đau, không sợ chết, trái lại các bạn sợ chết một cách nghiêm trang, và thân hữu như người anh em nghiêm khắc khi cái chết đến với chúng ta.

Không phải tôi hy vọng nói được những điều ấy bằng thi ca, bằng một bài thánh ca của những thánh ca, nhưng tôi chỉ muốn nói một cách giản dị chân thực và khách quan; nói một giọng vừa nghiêm trang vừa vui cười như người đi xa về kể lại với bạn bè chuyện xứ lạ ông ta mới đi qua.

Tôi muốn - tôi quyết định - tôi mong mỗi -, nói như vậy hẳn là lời nói có tác dụng khôi hài. Ngày mà ý muốn ấy có một hình thức, một kế hoạch tôi còn phải đợi. Nhưng ít ra tôi đã thu nhập được nhiều tài liệu. Không những tôi ghi vào trong trí, tôi còn ghi vào những cuốn sổ tay để trong túi, mỗi tuần tôi ghi thêm càng nhiều và đi đâu tôi cũng mang theo. Tôi đã ghi chú tất cả cái gì có thể thấy trên đời, ghi vắn tắt và giản dị, không có gì cả mà cũng không bàn bạc gì cả. Đó là một cuốn sổ tay cũng như những mảnh giấy phác họa của họa sĩ, ghi chép một vài chữ chỉ những sự vật khả tri khả giác: hình ảnh phố phường, đường xá, hình thù núi non và thị xã, câu đối đáp nghe thấy của người nông dân, người thợ thuyền, người buôn bán chợ búa; còn những nhận xét về thời gian, đèn đóm, gió mưa, cây cỏ, thú vật, nham thạch, sự cấu tạo nên những đợt sóng, màu sắc mặt biển, hình dáng đám mây. Tôi đã đem ra viết cho in những truyện ngắn ngắn, những cảm tưởng về thiên nhiên, về sự du

ngoạn, nhưng không bao giờ nói đến tương quan với người. Truyện một cái cây, đời sống một con vật, hành trình của một đám mây đủ cho tôi lưu ý rồi, dù không dính dáng gì đến người.

Tôi vẫn thường tự nhủ rằng một bài thơ có chút quan trọng nào mà tuyệt đối không có bóng dáng con người sẽ là một cái gì quái dị, tuy nhiên, đó là một lý tưởng mà tôi vẫn ôm ấp trong nhiều năm, và tôi hy vọng lơ mờ lã sẽ có ngày thần hứng giúp tôi chiến thắng sự bết tắc ấy. Tôi nhận thấy cần phải nói đến con người trong những phong cảnh đẹp đẽ của tôi, con người phải được diễn tả với cái gì là tự nhiên chân thực của con người. Như vậy, cần phải quan niệm lại nhiều vấn đề, và ngày nay tôi vẫn còn cố gắng thực hiện ý ấy. Cho đến ngày nay người đời đối với tôi chỉ là một khối người thực ra xa lạ với tôi. Tôi vừa nhận thấy phải tìm hiểu và nghiên cứu con người như từng cá nhân một chứ không phải một khái niệm nhân loại trừ tượng, sở tay và trí nhớ của tôi bây giờ chứa đầy những hình ảnh thật mới mẻ.

Mới đầu những công việc khảo cứu ấy đem lại cho tôi nhiều thú vui. Tôi bỏ tính lạnh lùng ngu muội trước và chú ý đến đủ hạng người. Tôi nhận thấy nhiều sự việc xảy ra xa lạ hẳn với tôi, nhưng tôi cũng hiểu rằng đi nhiều, thấy nhiều, mắt tôi mở rộng thêm và tinh tường hơn. Xưa nay tôi vẫn thích trẻ con, vì thế tôi chú ý đến trẻ con hơn cả và cũng thấy thích thú hơn cả.

Dẫu sao thì ngắm mây và sóng vẫn được thỏa mãn hơn nghiên cứu người. Tôi ngạc nhiên vô cùng khi nhận thấy con người phân biệt với thiên nhiên và muôn loài trước hết vì một lớp vỏ giả trá trơn tuột và bày nhầy bao phủ họ và chống đỡ. Chỉ trong một khoảng thời gian ngắn tôi nhận thấy mọi người quen biết tôi đều có hiện tượng ấy - hiện tượng phát sinh vì mỗi người bắt buộc phải có một nhân tính nhất định nào đó trong khi không ai hiểu rõ bản thể của mình như thế nào. Tôi nhận thấy chính tôi cũng thế, điều ấy làm tôi có một cảm tưởng kì dị. Bởi vậy tôi không muốn tiến sâu vào nội tâm của cá nhân. Đối với nhiều người lớp vỏ bày nhầy rất là quan trọng. Ở đâu đâu cũng thấy những người như thế, cả từ đứa trẻ con trở đi. Dù vô tình hay hữu ý, bao giờ họ cũng muốn có một bộ mặt nào đó, muốn đóng một vai trò nào đó, chứ không chịu để lộ thực chất của mình không chút mập mờ.

Được ít lâu, tôi có cảm tưởng là không tiến bộ được chút nào, là bị lạc lối giữa những chi tiết nhỏ nhặt. Tôi bắt đầu tự xét mình để tìm lý do, nhưng không thể giấu giếm được rằng mình tìm không ra, mà những người xung quanh tôi không ai có những mẫu cá tính mà tôi tìm kiếm. Tôi không cần những mẫu người độc đáo mà chỉ cần những mẫu người điển hình. Không thể thấy được trong số người trí thức hay số người bình dân. Tôi nghĩ đến nước Ý với cảm tưởng nhớ tiếc, và tôi cũng có cảm tưởng nhớ tiếc ấy khi nghĩ đến những người bạn duy nhất cũng đi bộ như tôi, đám thợ thuyền. Đã nhiều lần tôi cùng cuộc bộ với họ và gặp nhiều người rất thú vị.

Đến quán Ngựa Trắng hay và những nhà những người kém tư cách thì vô ích. Tìm hiểu những tên du thủ du thực không được việc gì cả. Lại một lần nữa tình trạng bế tắc không có lối thoát. Vậy thì tôi nhận xét có trẻ con và khách ăn trong tiệm, dĩ nhiên bước vào tiệm tôi không đến nỗi phạm lỗi gì. Đó là tình cảnh tôi trong mấy tuần lễ tôi ngờ vực cả mình, tôi nghĩ rằng hy vọng và dự định của tôi quá đáng, tôi đi vãn vợ ở ngoài trời rất nhiều và trở lại nghĩ quần hăng nửa đêm trước một chai rượu.

Trên bàn xếp từng chồng sách vì không còn chỗ trong học tủ, tôi muốn giữ lại những sách ấy chứ không muốn đưa cho người bán sách cũ. Sau cùng tôi phải đến một tiệm thợ mộc mời chủ nhân đến nhà tôi đo chỗ để đóng cái tủ sách.

Ông ta đến: một người nhỏ bé, chậm chạp, cách cục đần đo thận trọng. Y đo căn phòng, quỳ xuống đất đưa cái thước lên tận trần rồi đưa bút một cách tôn nghiêm ghi kích thước vào một cuốn sổ bằng những chữ lớn như con quạ.

Trong khi làm việc, ngẫu nhiên y vấp phải cái ghế để đầy sách, vài cuốn rơi xuống đất, y lom khom nhặt lên. Trong số sách có một cuốn tiếng lóng của thợ thuyền trong tiệm ăn nào ở nước Đức cũng có, một cuốn sách viết cẩn thận và rất vui tai.

Người thợ mộc trông thấy cuốn sách rất quen thuộc với y nước mắt nhìn tôi, hiếu kỳ, nửa thích vui, nửa nghi ngờ:

- Cái gì vậy?

- Tôi thấy một cuốn sách mà tôi cũng quen lắm. Ông cũng học tiếng lòng à?

- Ấy, lúc đi đường tôi vẫn dùng ngôn ngữ của các bò, nhưng thỉnh thoảng tôi cần tìm lấy mấy chữ để dùng.

- Thật ư! Đã có hồi ông đi lêu lổng như vậy à?

- Không hẳn là lêu lổng như ông nghĩ, nhưng tôi đã lăn lộn nhiều, đã nhiều lần tôi ngủ bất kỳ ở đâu.

Trong lúc ấy y xếp lại chồng sách và định ra về.

- Trước kia, ông cũng đã có hồi lang thang à? - Tôi hỏi.

- Tôi đi từ đây đến Coblenz và sau xuống Genève.

Những ngày ấy tôi cũng không khổ lắm.

- Ông đã bị bắt hai lần hay một?

- Chỉ có một lần thôi, ở Durlach.

- Ông kể chuyện cho tôi nghe được không. Hôm nào ta đi nhậu với nhau.

- Tôi cũng không thích lắm, thưa ông. Nhưng nếu có ngày ông đến tôi chơi thì hay.

Vài ngày sau Elizabeth mở cuộc tiếp tân trọng thể, đi nửa đường tôi bỗng dừng lại và tự hỏi rằng đến nhà người thợ mộc chơi có lẽ hơn. Tôi quay trở lại treo áo lên mắc rồi đi thăm người thợ mộc. Xưởng thợ của y đã đóng cửa tối om. Đi qua một cái cửa tối tăm, vấp mấy cái, vào một cái sân hẹp, leo thang, xuống thang nữa, sau cùng mới đến một cái cửa trên có tấm biển đề tên người thợ mộc. Tôi đi thẳng vào cái bếp nhỏ, trong bếp một người đàn bà gầy gò vừa nấu cơm tối vừa trông ba đứa con phá phách la hét om sòm trong căn nhà hẹp. Người vợ lấy làm lạ, bèn dắt tôi sang phòng bên người thợ mộc ngồi với tờ nhật trình cạnh cửa sổ còn chiếu vào chút ánh sáng yếu ớt. Y la lên một tiếng bực dọc vì trong bóng tối tưởng tôi là một khách hàng quấy rầy vào lúc này, nhưng nhận ra tôi y vội đưa tay ra chào.

Thấy y bối rối và ngạc nhiên, tôi quay ra hỏi mấy đứa trẻ, chúng chạy vào bếp, tôi đi theo. Trông thấy bà chủ nhà đang làm một đĩa cơm, tôi nhớ lại vài cách nấu nướng của bà chủ nhà ở Ombire, bèn

bước tới làm cơm với bà. Ở xứ chúng tôi người ta thường nấu cho gạo chín như cháo mất cả vị, lúc ăn thì thật là ngán. Trong lãnh vực này cũng vậy tai nạn và tội ác không biết tiếc của trời đang thành tựu, tôi vừa kịp cứu vãn tình thế, tôi vội lấy cái muôi và nôi cơm để nấu giùm. Người đàn bà kinh ngạc để yên cho tôi làm; tôi nấu được nôi cơm khá dẻo, xong xuôi, để lên bàn, thắp đèn và dọn đĩa bát.

Tối ấy bà vợ thảo luận với tôi rất kĩ càng về vấn đề bếp núc, ông chồng không còn biết nói một câu vào lúc nào, chúng tôi đành phải để đèn lán khác sẽ nói đến chuyện phiêu lưu của y. Vả chẳng mấy người bình dân này đã hiểu ngay tôi chỉ có dáng ông nọ kia ở cái vỏ ngoài, thực ra tôi là con nhà nông dân, con nhà nghèo, vậy là ngay từ tối đầu chúng tôi đã là bạn quen thân. Bởi vì họ nhận thấy tôi cũng con nhà thường dân như họ, còn tôi tôi đánh hơi thấy gia đình bản bách này có cách cục của những người lễ thứ. Ở đây người ta không có thì giờ tìm kiếm màu thanh vẻ lịch, làm duyên làm dáng, đóng kịch; đời sống nghèo khổ và cực nhọc đối với họ quý giá dù không được trau chuốt bằng văn hóa và quan niệm lý tưởng, và họ thấy tốt đẹp rồi chẳng cần phải tô điểm bằng những lời tán dương hoa mỹ.

Mỗi ngày tôi càng năng trở lại nhà người thợ mộc, không những tôi không quên được những trò ngô nghê của xã hội người khá giả mà tôi quên được nỗi buồn và nỗi khổ của tôi. Hình như một chút tuổi trẻ của tôi còn lưu lại ở đây và ở đây tôi tiếp tục đời sống mà mấy ông cha đã làm gián đoạn từ khi cho tôi đi học.

Cúi xuống một bản đồ rách mướp và úa vàng vì mồ hôi tay, vẽ theo kiểu cổ, người thợ mộc cùng với tôi theo dõi những cuộc hành trình đã qua, chúng tôi đã khoan khoái biết bao khi đến mỗi cổng thành, khi vào mỗi ngõ hẻm mà cả hai người đều biết rõ, chúng tôi nhắc lại những câu pha trò của người làm ăn, một buổi tối chúng tôi hát một điệu trẻ trung muôn thuở của tỉnh Straubing trên bờ sông Danube. Chúng tôi nói đến những khó khăn nghề nghiệp, gia sự, con cái, đời sống thị thành và dần dần người thợ mộc với tôi đổi lẫn vai trò của nhau, y trở nên ông thầy chỉ bảo cho tôi mọi điều còn tôi thì nghe y đề học khôn. Tôi thờ khoan khoái mà nhận thấy không

còn là khung cảnh xa lông nữa, ở đây tôi sống giữa cuộc đời đúng như nó xuất hiện.

Một đứa con, con bé lên năm người yếu đuối, nom rất khác thường. Tên nó là Agènes nhưng người ta vẫn gọi là Agi; nó tóc vàng, da xanh nhợt chân tay mảnh khảnh hai mắt thao láo và nhút nhát, nom người nó có một vẻ man rợ dịu dàng. Một ngày chủ nhật tôi đến rủ gia đình người thợ mộc đi chơi, thì thấy Agi ngoa bệnh. Bà mẹ phải ở nhà trông con; còn chúng tôi kéo nhau ra ngoài tỉnh chơi. Ra khỏi Sankt Margreten chúng tôi tìm cái ghế ngồi; con nít chạy quanh mô đó, hái hoa bắt bọ rầy người lớn ngồi ngắm đồng cỏ mùa hè, bãi tha ma, dải núi Jura xanh xanh tận xa. Người thợ mộc ra về mỗi mệt, lo nghĩ, ít nói.

Khi trẻ con đã chạy chơi xa, tôi hỏi y:

- Có cái gì buồn vậy, ông phó?

Y nhìn tôi buồn rầu ngơ ngác.

- Ông không thấy ư? Con Agi khó sống được.

Tôi biết từ lâu, mà tôi lấy làm lạ rằng nó còn sống được đến ngày nay, cái chết hiện ra trong mắt nó đó. Bây giờ thì không còn nghi ngờ gì nữa.

Tôi khuyên nhủ y, nhưng rồi phải thôi. Y mỉm cười buồn bã nói tiếp:

“Hắn ông cũng không chắc là đứa bé qua khỏi được. Tôi không tin đạo, tôi chỉ đi nhà thờ có một lần mỗi năm đại xá, nhưng tôi biết rằng Thượng Đế bây giờ muốn bảo tôi cái gì. Nó chỉ là đứa trẻ, chưa bao giờ thấy nó khỏe mạnh nhưng tôi yêu nó hơn tất cả những đứa khác”.

Con nít chạy lại la hét vang trời, xúm lại hỏi chuyện, đòi tôi nói tên hoa tên cỏ và sau dùng đòi kể chuyện cổ tích. Tôi bèn cắt nghĩa cho chúng nghe cây cối, bụi cỏ và bụi hoa cũng như trẻ, có linh hồn có thần hộ mạng. Màu lam rặng núi dần dần xuống sậm màu, nghe tiếng chuông chiều chúng tôi trở về nhà. Con nít mệt mỗi đều yên lặng. Chúng nghĩ đến thần hoa, thần chuông, còn người lớn, chúng tôi nghĩ đến con bé Agi, linh hồn nó chẳng bao lâu nữa sẽ tung cánh bay đi, để chúng tôi ở lại buồn rầu khắc khoải.

Mười lăm ngày sau không có gì đáng ngại. Đứa bé có vẻ như khỏi bệnh, nó đã dậy được vài giờ; nằm trên gối mới thay, nom nó xinh đẹp và vui vẻ hơn mọi ngày. Rồi lại đến mấy đêm nóng sốt liên, tuy không ai nói nhiều đến nữa, nhưng chúng tôi biết rằng đứa bé chỉ còn sống vài tuần hay vài ngày nữa là cùng. Chỉ có người cha nói đến một lần. Tôi thấy y tìm kiếm trong đồng ván để dự trữ, đã biết rằng y tìm ván để đóng quan tài cho con.

“Chẳng còn bao lâu nữa, tôi muốn tự tay làm lấy lúc rảnh công việc.”

Tôi ngồi trên một cái bàn, y làm việc trên cái bàn kia. Khi đã bào ván thật nhẵn y cho tôi xem ra vẻ hài lòng lắm. Đó là thứ gỗ thông đẹp, tốt, không nứt nẻ chỗ nào.

“Tôi cũng không đóng đinh mà đóng mộng cẩn thận cho thật bền thật chắc. Thôi ngày nay làm thế thôi, đi ra ngoài này đi.”

Ngày này ngày khác qua đi, những ngày nóng bức chói chang trong mùa hè, mỗi ngày tôi ngồi một hai giờ bên bé Agi, nói chuyện rùng rậm và đồng cỏ đẹp, hai bàn tay khổng lồ của tôi cầm hai tay nhỏ bé xinh xắn của nó, bằng tất cả sức mạnh của tâm hồn tôi thu hút lấy cái duyên dáng dịu dàng trong sáng phủ lấy người nó cho đến ngày cuối cùng.

Rồi chúng tôi ngồi đây, buồn rầu xao xuyến mà nhìn thân hình gầy ốm rắng lấy tàn lực chống lại cái chết mạnh bạo đang khuất phục nó nhanh chóng và dễ dàng. Người mẹ can đảm giữ được bình tĩnh; người cha cúi xuống giường từ biệt con đến trăm lần, tay vuốt tóc con, miệng hôn xác đứa con thân yêu.

Rồi lễ an táng ngắn ngủi giản dị, kế theo là những buổi tối nặng nề, trẻ con nằm khóc nhệu nhệch ở bên cạnh. Rồi đến những buổi đi thăm mộ rất thích thú, chúng tôi trồng hoa bên mộ mới đắp rồi chúng tôi ngồi yên lặng trên ghế trong lối đi có bóng mát, nghĩ đến Agi và nhìn nắm đất ướt dưới đó nó yên nghỉ với con mắt khác; nhìn cây cỏ, nhìn chim chóc bay giỡn với nhau làm vang động bãi tha ma.

Trong những ngày ấy công việc hàng ngày vẫn trôi theo nhịp khắc khổ của nó. Trẻ con trở lại vui hát, đánh lộn, đòi kể chuyện;

còn chúng tôi dần dần quên sự vắng mặt của Agnes, trên trời có thêm một thiên thần bé nhỏ xinh xắn.

Đạo ấy tôi không đến nhà vị giáo sư, chỉ đến nhà Elisabeth một hai lần, giữa những câu chuyện vô vị, tôi như người mất hướng và xao xuyến. Tôi trở lại nhà họ nhưng thấy đều đóng cửa vì ai cũng về quê. Bấy giờ tôi mới nghĩ ra, vì thân mật với nhà người thợ mộc, vì con bé Agi ốm đau, tôi quên cả mùa nóng bức và nghỉ hè. Trước kia tôi không thể ở thành phố vào tháng 7 và tháng 8.

Tôi bèn nghỉ ít lâu để đi bộ qua những núi như Forêt-Noir, Bergatrasse và Odenwald. Dọc đường tôi tìm được niềm vui mới khi gửi về cho con người thợ mộc ảnh những nơi có thắng cảnh và khi nghĩ đến sau này sẽ kể lại cho họ chuyến đi ấy.

Đến Francfort tôi định nghỉ thêm vài ngày nữa. Đến Aschaffenburg, Nuremberg, Munich, Ulm tôi xem những nghệ phẩm cổ với một thứ thích thú mới, và sau cùng tôi dừng lại Zurich tuy không chú ý đặc biệt đến tỉnh này. Trong mấy năm nay tôi có ý tránh tỉnh này như tránh một cái mồ; lần này tôi tản bộ đi qua phố phường đã quen thuộc; tìm những quán ăn và những vườn hoa ngày trước, tôi có thể nghĩ đến những ngày tươi đẹp quá khứ mà tim không đến nỗi thất lại. Agliette, cô họa sĩ, nay đã lấy chồng, người ta cho biết địa chỉ. Tôi đến thăm, khi dừng lại đọc tên người chồng ở ngoài cửa và ngược mắt nhìn lên cửa sổ, tôi lưỡng lự không muốn vào. Những năm đã qua hiện lên rõ ràng, mỗi tình tuổi trẻ muốn tỉnh giấc ngủ êm đềm làm tôi mũi lòng đôi chút. Tôi quay trở lại không vào nữa, như vậy tôi không làm phai mờ hình ảnh thân yêu của Aglietti mà tôi muốn thấy lại một cách vô ích. Tôi tiếp tục đi tha thần và đến thăm khu vườn cạnh hồ ngày trước hội nghệ sĩ đã tổ chức ngày họp mùa hè. Trước căn nhà tôi đã sống ba năm ngắn ngủi vui tươi trên gác thượng, tôi ngược mắt nhìn lên, trong số những kỉ niệm xa xưa tên nàng Elisabeth bỗng trở lại môi tôi. Mỗi tình mới này mạnh hơn những mối tình trước. Nó lặng lẽ hơn, bình tĩnh, khiêm tốn hơn, gợi lên nhiều nỗi niềm hơn.

Muốn giữ được cảm tưởng phấn khởi ấy tôi kiếm một cái thuyền đưa mái chèo thông thả thoải mái trên hồ nóng bức và sáng sủa. Trời sắp tối, trên trời một đám mây trắng như tuyết, một đám mây duy nhất. Tôi dán mắt vào đám mây chào thân hữu trong khi nghĩ

đến tình yêu mây lúc còn thơ ấu, nghĩ đến Elisabeth và đám mây trong bức họa của Segantini, trước đám mây ấy tôi đã ngắm Elisabeth đẹp để biết bao. Bây giờ hơn lúc nào hết tôi yêu nàng, một tình yêu không lên tiếng không có thềm muốn vắn đục, đem lại cho tôi thanh khiết và hạnh phúc. Ngắm mây, tôi thanh thản nghĩ đến tất cả cái gì là tốt đẹp trong đời tôi với tấm lòng nhân hậu. Đáng lẽ bồn chồn và mê mải ngày trước, tôi chỉ còn thấy những ước vọng cao kỳ của tuổi thơ ấu, nhưng bây giờ ước vọng cũng trở thành bình tĩnh hơn, chín chắn hơn.

Đã từ lâu tôi quên thói nhịp theo mái chèo ngân nga hay hát một bài. Lần này tôi cũng khẽ hát đủ mình nghe, và khi nghe nhịp điệu của câu hát tôi mới nhận ra là những câu thơ. Tôi nhớ lấy để về nhà ghi lại làm kỷ niệm buổi chơi hồ Zurich:

Kìa ai óng ả như mây
Làn mây trắng nhẹ vút bay lên trời
Trông mây lòng những bồi hồi
Thoáng nhìn đâu đã cạn lời nước non
Đêm khuya chạnh mối cô đơn
Tình ta khôn dải, nuốt hờn trong mơ
Mây bay mây khuất nẻo xa
Riêng ta tiếc nuôi đường tơ se lòng

Về Bâle tôi nhận được một bức thư từ Assise gửi đến. Thư của bà Annunciata Nardini cho biết những tin lành. Bà đã đi bước nữa. Có lẽ cứ chép nguyên vẹn bức thư ra đây thì hơn:

“Kính gửi ông Peter thân mến,

“Xin ông cho phép người bạn trung thành của ông gửi bức thư này. Trời đã dành cho tôi một hạnh phúc lớn và tôi muốn mời ông đến mừng lễ cưới của tôi vào 12 tháng mười. Nhà tôi là Menotti, không giàu lắm nhưng rất yêu tôi, trước ảnh đã buồn trái cây. Ảnh cũng xinh trai nhưng không vạm vỡ và đẹp trai bằng ông, ông Peter ạ. Ảnh sẽ bán trái cây ngoài chợ còn tôi ở nhà. Con bé Mariette xinh đẹp bên lán giềng cũng sắp lấy chồng nhưng chồng là người ngoại quốc làm thợ hồ.

Ngày nào tôi cũng nghĩ đến ông và nói chuyện ông với nhiều người. Tôi rất yêu mến ông và yêu cả ông thánh, tôi mới cúng dường bốn cây bạch lập để tỏ lòng nhớ đến ông. Menotti rất vui sướng nếu ông đến ăn cưới. Nếu anh tỏ ra xích mích với ông tôi sẽ căm anh. Thật tôi ngán quá, thằng Matteo Spinelle đôn mạt lắm, tôi vẫn bảo thế mà. Nó ăn cắp chanh của tôi luôn. Người ta đã bắt nó vì nó ăn cắp mười hai đồng của cha nó và bỏ bả chết con chó của người ăn xin Giangiacomo. Tôi cầu chúc ông được Thượng đế và thánh thần phù hộ.

Người bạn trung thành và
khiêm tốn của ông

Annunciata Nardini”

“Tái bút: Vụ mùa này cũng khá thôi, nho thì xấu lắm, lê cũng không có, nhưng chanh được mùa; đáng tiếc là chúng tôi phải bán rẻ quá. Ở Spello đã xảy ra một tai nạn lớn. Một người thanh niên lấy cái cào phang chết anh ruột; không ai hiểu tại sao nhưng chắc là hấn ghen tuông mặc dù đây là anh ruột của hấn.”

Đáng tiếc rằng tôi không thể đến dự bữa tiệc thú vị ấy. Tôi gửi thư chúc mừng và hẹn đến mùa xuân tới sẽ đến thăm. Rồi tới đến nhà người thợ mộc với bức thư ấy và một món quà mua ở Nuremberg cho trẻ con.

Ở đây đã xảy ra một sự thay đổi lớn mà tôi không ngờ. Gần cửa sổ, một người xấu xí, xiêu vẹo ngồi lì trên một chiếc ghế có chân ngang như ghế trẻ con. Đó là anh Boppi người anh ruột của vợ người thợ mộc, một người tàn tật vì mẹ y mới chết cho nên y không biết nương tựa vào đâu. Người thợ mộc cho y tạm trú ở đây nhưng trong bụng chẳng vui, người tàn tật có mặt ở đây làm cho cả nhà khó chịu, người cha rõ ràng là chẳng bằng lòng rồi.

Y có hai cái bướu lấp mắt cả cổ, đầu thì to mà nét mặt thô thiển, trán rộng, mũi lớn, miệng xinh xắn buồn rầu. Hai mắt sáng nhưng ngờ nghệch và hơi có vẻ sợ hãi, hai bàn tay trắng trẻo đẹp đẽ và nhỏ bé lạ lùng; luôn đặt lên thành ghế không cử động. Tôi cũng thấy hơi vương vịu, khó chịu vì người lạ mặt, tôi cũng động lòng khi nghe người thợ mộc kể lại câu chuyện ngấm ngầm của người

bệnh, lúc ấy y ngồi bên cạnh nhìn hai bàn tay, không ai nói với y lời nào. Sinh ra y đã tàn tật rồi, nhưng y đã học hết cấp tiểu học, trong một thời gian y cũng biết tết rom để giúp ích cho mọi người, nhưng sau mắc chứng tê liệt nên phải thôi. Từ mấy năm nay y chỉ nằm trong giường hay ngồi trên ghế phải lấy gối chống đỡ. Người đàn bà nói rằng ngày trước y hay hát và hát hay lắm nhưng bây giờ không nghe tiếng hát nữa, và từ lúc đến đây y chưa hát bao giờ. Trong khi người ta kể chuyện y, bàn tán về y, y chỉ ngồi yên, hai mắt nhìn vô định. Tôi thấy không được thoải mái nên ra về sớm. Những ngày sau tôi không trở lại nhà người thợ mộc.

Suốt đời tôi khỏe mạnh luôn, tôi không ốm đau nặng bao giờ cho nên thấy những người đau ốm, nhất là những người tàn tật tôi có thái độ thương cảm, nhưng cũng có chút khinh bỉ. Tôi không hề xúc động, khi cho rằng người tàn tật sống thảm hại, nhờ vả gia đình người thợ mộc, đã làm tôi bức bối vì vì mất những giờ yên tĩnh và tươi sáng ở đây. Bởi vậy tôi cứ lui mãi ngày đến chơi và nghĩ hoài về cách tổng khứ y đi cho rảnh. Đưa y vào nhà thương hay một trại tế bần tốn kém chút đỉnh cũng không phải là không thể làm được. Nhiều lần tôi muốn tìm người thợ mộc bàn với anh xem sao nhưng tôi vẫn sợ mình khơi mào câu chuyện, và chẳng tôi ngần ngại như trẻ con không muốn đến gần người bệnh. Nhìn thấy anh ở luôn luôn trước mắt, bắt tay anh ta làm tôi ghê tởm.

Một ngày chủ nhật qua đi. Chủ nhật sau tôi sắp sửa lên tàu sớm đi chơi vùng Jura; nhưng tôi xấu hổ vì sự hèn nhát của mình; tôi ở lại, và sau bữa cơm sáng tôi đến nhà người thợ mộc.

Tôi miễn cưỡng bắt tay Boppi. Người thợ mộc vẻ không vui, đề nghị đi chơi quanh. Y nói cho tôi biết cũng ngán với sự khổ sở này và tôi sung sướng vì biết rằng y có thể nghe lời tôi. Người vợ muốn ở nhà, nhưng Boppi bảo bà cứ đi chơi, y ở nhà một mình cũng được. Miễn là y có một cuốn sách và một ly nước uống, người ta có thể để y đẩy đóng cửa lại không lo gì.

Còn chúng tôi, chúng tôi tự cho mình là những người tử tế, những người nhân nghĩa, thế mà chúng tôi để y ở xó nhà, kéo nhau đi rong! Và chúng tôi vui vẻ thật, chúng tôi vui vẻ xem trẻ con chơi đùa, chúng tôi tấm nắng vàng chiều thu, không ai xấu hổ, không ai thấy lòng áy náy về để người tàn tật ở nhà một mình! Trái lại chúng

tôi sung sướng vì tránh được mặt y một lúc, chúng tôi nhẹ nhõm vì được thở không khí trong sạch ẩm áp ngoài nắng. Thật là cảnh tượng một gia đình cơ chỉ biết hưởng ngày nghỉ của Trời ban cho một cách thông minh và biết cảm ơn trời.

Mãi đến khi vào vườn một tiệm ăn dùng bữa người thợ mộc mới nói đến Boppi. Y phàn nàn phải nuôi thêm một người, than phiền rằng nhà chật chội và ăn tiêu tốn quá, sau cùng y mới cười mà rằng: “Đi khỏi nhà thế này ít ra mình cũng được vui vẻ một vài giờ, không có ai ngồi ám”.

Nghe những ta thán ấy bỗng dưng tôi thấy hiện ra trước mắt bóng dáng người tàn tật ảo não cầu khẩn, chúng tôi không ưa, chúng tôi muốn tống đi chỗ khác, giờ này y ngồi một mình trong phòng tối om; giam hãm trong sự cô đơn của y. Tôi nghĩ đến lúc trời tối, y không thể một mình, thắp đèn hay đến gần cửa sổ. Y đành phải bỏ sách xuống ngồi bên trong đêm tối, không biết nói với ai, không có cách giải trí nào khác; trong khi ấy thì chúng tôi ngồi đây uống rượu, cười nói và vui chơi. Và tôi nghĩ đến tất cả những điều hay điều tốt về thánh François đã nói với mọi người ở Assise, tôi đã khoe khoang là mình học được của vị thánh tình yêu mến tất cả mọi người. Tại sao tôi nghiên cứu cuộc đời của thánh, học thuộc lòng bài thánh ca tình yêu và đi tìm vết tích của ông trên đồi xứ Ombrie, thế mà ở đây tôi mặc kệ một người cùng khổ đau đớn trong khi tôi biết rằng tôi có thể an ủi họ được.

Bàn tay mạnh bạo một đấng vô hình đặt lên trái tim tôi, bóp chặt lại, tôi đau đớn và xấu hổ đến nỗi run rẩy và ngã quỵ. Bây giờ thì tôi hiểu rằng Thượng đế muốn nhấn nhủ gì tôi.

“Hỡi chàng thi sĩ, tử đệ của Poverelio, nhà tiên tri muốn dạy cho loài người biết yêu, muốn làm cho họ sung sướng. Hỡi chàng mơ mộng muốn nghe tiếng nói của ta trong gió trong mây!”

“Nhà người yêu một gia đình quý mến nhà người, người đã sống những phút vui sướng ở đây! Đến ngày ta hiện thân xuống đây nhà người chạy trốn, nhà người nghĩ cách đuổi ta! Trời ơi! Thánh hiền, thi sĩ!”

Tôi có cảm tưởng rõ ràng là mình đứng trước tấm gương thật sáng, thấy rõ mình với gương mặt đối trá, một người hèn nhát

không giữ lời hứa. Cảm tưởng đau đớn, chua chát, day dứt ghê gớm; nhưng lúc ấy cái gì đổ vỡ trong lòng tôi chồm lên vì hình phạt đau đớn, thật chỉ đáng vỡ tan và hủy diệt đi.

Bất thành linh tôi vội vàng từ giã mọi người, bỏ ly rượu uống dở, miếng bánh vừa bẻ ra, rồi lật đật trở về tỉnh. Trong lúc xúc động tôi còn lo sợ rằng có thể xảy ra chuyện rủi ro nào. Có thể cháy nhà, Boppi không cử động được, có thể lăn xuống ghế nằm lịm dưới đất hay chết giấc rồi. Tôi trông thấy y nằm sóng xoài, tôi tưởng rằng đứng bên cạnh y, chịu đựng cái nhìn của y, chịu nghe lời trách móc câm lặng.

Chạy muốn đứt hơi mới về đến tỉnh, tôi leo bốn bậc thang mỗi bước lên tới nơi mới chợt nghĩ ra rằng cửa đóng mà tôi không có chìa khóa. Nhưng tôi tạm yên sự lo ngại ngay. Trước khi đi đến cửa bếp tôi đã nghe trong nhà có tiếng hát. Một phút kỳ lạ. Trái tim tôi đập mạnh, đang lúc thở hổn hển tôi lắng tai nghe tiếng hát của người tàn tật trong nhà và lòng tôi dần dần trở lại yên tĩnh. Y hát nhỏ nhỏ, giọng ẻo lả hơi than van, điệu tình ca bình dân “Bông hoa nhỏ trắng và đỏ”. Tôi biết rằng đã lâu nay y không hát và tôi đứng đấy xúc động, nhòm ngó y, giữa lúc y nhân dịp tĩnh mịch tìm cái vui theo ý thích của mình.

Việc đòi vẫn thế: đời sống thích ghép vẽ khôi hài vào những biến cố nghiêm trọng, những xúc động sâu xa. Tôi hiểu ngay rằng tình trạng của tôi có cái gì ngớ ngẩn và tên tò. Nỗi lòng trắc ẩn bất thần, tôi học tốc chạy cả giờ qua đồng ruộng để bây giờ đứng trước cái cửa đóng chặt mà không có chìa khóa. Phải bỏ về hay đứng ngoài cửa đóng mà nói cho người tàn tật biết lòng tốt của tôi. Tôi đứng ngoài cầu thang với ý định đến an ủi người khổ sở tỏ cho y biết sự cảm mến của tôi, giúp y đỡ thấy ngày dài ngao ngán, còn y chẳng nghĩ gì đến những điều tôi phỏng đoán, y ngồi trong nhà hát ngao, nếu tôi kêu gọi hay gõ cửa ắt làm cho y lo sợ.

Tôi chẳng biết làm gì khác hơn là bỏ về. Tôi đi lang thang trong phố đông đúc ngày chủ nhật độ một giờ thì gia đình người thợ mộc về đến nơi. Lần này tôi không cần ráng sức mới dám đến bắt tay Boppi. Tôi ngồi cạnh y gọi chuyện và hỏi y đã đọc được những sách gì. Rồi tôi tự nguyện ngồi đọc cho y nghe và y biết ơn tôi. Khi

tôi đề nghị Jeremias Gotthelf, tôi biết rằng y đã đọc gần hết tác giả này. Nhưng y chưa đọc Gottfried Keller, tôi hứa sẽ cho y mượn.

Ngày hôm sau mang sách lại, tôi có dịp ngồi một mình với Boppi, người thợ mộc ở ngoài xưởng, còn vợ anh muốn đi ra phố. Tôi thú nhận rằng rất xấu hổ vì để y một mình ở nhà ngày hôm qua và cho y biết rằng tôi rất sung sướng thỉnh thoảng ngồi chuyện trò và làm bạn với y.

Người tàn tật bé nhỏ ấy quay cái đầu to như nhồi bông lại nhìn tôi và nói: “Cám ơn ông lắm”. Thế là hết. Nhưng chỉ quay đầu như thế cũng nặng nhọc cho y lắm rồi, cử chỉ ấy có giá trị mười cái hôn của người thường, cái nhìn của y trong sáng và đẹp như mắt đứa trẻ, trước tôi còn hơi thẹn, sau máu xông lên mặt.

Điều phải làm sau đây khó hơn: nói cho người thợ mộc biết. Hình như tốt hơn hết là thú thật với y sự lo lắng và sự xấu hổ của tôi hôm trước. Khốn thay, y không hiểu tôi, nhưng y cũng không từ chối lời nói phải của tôi. Y nhận để cả hai chúng tôi cùng chăm nom người bệnh, hai người chia nhau tiền phí tổn nuôi dưỡng, tôi có thể tùy ý đến đây với Boppi và coi Boppi như em ruột mình.

Mùa thu ấy nóng bức và tạnh ráo lâu hơn mọi năm. Bởi vậy việc thứ nhất tôi giúp đỡ Boppi là mua một cái ghế chân bánh xe để mỗi ngày đưa y ra ngoài trời, thường thường có lũ trẻ đi theo.

Số tôi vẫn là nhận của bạn bè nhiều hơn tôi có thể cho bạn. Tôi đã nghiệm thấy điều này đúng với Richard, Elisabeth, bà Nardini, người thợ mộc, bây giờ đã đến tuổi đứng bóng và tự xét mình cũng có thiện cảm với mình, tôi lại sắp là người học trò bờ ngõ và đội ơn của một người gù. Nếu quả thực tập thơ của tôi khổ sự từ lâu, nay đã làm xong và xuất bản được, thì trong đó không thiếu điều tôi học được của Boppi. Đời tôi bước vào một thời kỳ vui sướng thỏa mãn, sau này tôi có thể tìm hứng ở đây suốt đời tôi. Tôi chỉ cần mở mắt nhìn sâu vào một tâm hồn đẹp đẽ mà bệnh tật, cô đơn, nghèo nàn, sự ngược đãi chỉ lướt qua trên mặt như vài sợi mây nhỏ, không ảnh hưởng gì đến tâm hồn ấy.

Tất cả những thói xấu nhỏ mà chúng ta đem thêm thắt vào đời sống ngăn ngùn và tươi đẹp để làm hư hỏng đi, như giận hờn, mất bình tĩnh, ngờ vực, dối trá, tất cả những ung nhọt buồn, nản và ghê tởm làm biến đổi phong độ của chúng ta như thế, đối với người tàn tật đã qua không những sự đau đớn nặng nề và dai dẳng này không còn vết tích gì nữa, chúng đã bị tiêu hủy trong những sự vô xé bắn khoăn. Y không phải là một thiên thần, một hiền triết, nhưng là người có lương tri và nhân hậu, đau khổ nặng nề ghê gớm đã dạy cho y đừng lấy làm xấu hổ, đừng có mềm yếu sồn lòng, mà phải gửi thân mình vào tay Thượng đế.

Một hôm tôi hỏi y làm cách nào mà thỏa hiệp được với thân thể thâm đậm bất lực của mình như vậy, y tươi cười mà rằng:

“Giản dị lắm, tôi với bệnh tật của tôi luôn luôn trong tình trạng ứng chiến. Khi thì tôi thắng một trận khi thì tôi thua, nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục đánh nhau cũng có lúc chúng tôi ngưng lại ký hiệp ước đình chiến để dò thám nhau nhưng vẫn giữ miếng, rồi đến lúc một bên hăng tiết lên, trận chiến lại nổ bùng.”

Cho đến bây giờ tôi vẫn tưởng rằng cái nhìn của tôi chắc chắn và tôi nhận xét đúng. Nhưng trong lãnh vực này Boppi cũng là ông thầy đáng kính phục của tôi. Y rất thích cảnh thiên nhiên, nhất là loài vật, tôi thường đưa y đến chơi sở thú. Ở đây chúng tôi sống

những giờ thú vị. Được ít lâu Boppi biết từng con vật, chúng tôi hay mang bánh và đường cho ăn, nhiều con biết mặt chúng tôi, chúng tôi có những bạn hữu đủ loại. Chúng tôi thích nhất là con vật thuộc ngựa và tê giác gọi là con tapir, con này có một đức tính duy nhất là ở sạch sẽ khác hẳn con khác đồng loại. Ngoài ra chúng tôi thấy nó hóm hỉnh, đàn độn, gắt gỏng, vô ơn và phàm ăn. Những con vật khác như voi, hoẵng, hoàng dương, cả con bò rừng cũng vậy, tỏ ra biết ơn người cho đường, hoặc nó nhìn tôi thân mật, hoặc nó để cho tôi vuốt ve. Con tapir thì không thế. Khi chúng tôi tới gần nó chạy vội đến bên rào sắt, cho gì nó ăn thông thả, ngẫm nghĩ về miếng ăn rồi bỏ đi không kèn không trống khi thấy không còn gì nữa. Chúng tôi nhận thấy đó là dấu hiệu tính tình của nó, vì nó nhận quà tặng một cách thân nhiên, không xin xỏ mà cũng không cảm ơn, như một thứ thuế mà chúng tôi phải đóng góp cho nó như thường lệ, chúng tôi gọi nó là ông Giám Thâu. Nhiều khi Boppi không thể tự mình chăm nom loài vật được, chúng tôi bàn bạc xem con tapir được ăn như vậy đã đủ chưa hay còn được ăn miếng nữa. Chúng tôi xét vấn đề dưới đủ mọi cạnh khía chi tiết, như một vấn đề quốc sự, một lần chúng tôi bỏ chuồng tapir, đi chỗ khác, Boppi tuyên bố rằng nên cho nó miếng nữa mới phải. Chúng tôi quay lại. trong lúc ấy nó đã trở về ổ rơm, nó nhìn chúng tôi như người ngồi ở địa vị cao sang ngó xuống, không buồn bước ra cạnh lưới sắt nữa. Boppi vội kêu lên: “Kính thưa ông Giám Thâu, xin vui lòng tha thứ cho, chúng tôi tưởng rằng đã đưa thiếu một miếng”. Thế rồi chúng tôi tới chuồng voi, con này lắc lư người đứng đợi ra vẻ sốt ruột, nó thò cái vòi nóng hổi và nhanh nhẹn đến gần. Boppi có thể tự tay cho ăn, y thích thú như trẻ con nhìn con vật khổng lồ đưa vòi ra lượm lấy miếng bánh mì trên tay y và ngẫm nghĩ chúng tôi bằng hay mắt hí hỏn, đầy vẻ ranh mãnh nhưng tốt bụng.

Tôi điều đình với người coi vườn để Boppi trên ghé ngồi lại vườn khi nào tôi không có thì giờ ở gần y, để y có thể ngắm và xem thú vật. Sau y kể lại tất cả cái gì đã trông thấy. Điều làm y chú ý hơn cả là con sư tử rất lễ phép đối với vợ nó. Khi sư tử cái đã nằm dài ra nghỉ ngơi, nó chỉ đi quanh quẩn ở chỗ khác, không đụng đến vợ, không làm phiền vợ, không nhảy qua vợ. Boppi đặc biệt đến con rái cá. Y xem không mỗi mắt con rái cá cử động rất mềm mại nhanh nhẹn lúc nó bơi nó nhảy nhót và lấy làm khoan

khoái, như còn mình, mình ngồi bất động trên ghế, mỗi cử chỉ quay đầu hay đưa tay đều làm cho đau đớn.

Tôi kể cho Boppi nghe hai câu chuyện tình của tôi vào một ngày đẹp đẽ mùa thu. Chúng tôi đã thân thiết với nhau lắm không thể không cho y biết những chuyện riêng chẳng có gì là vui vẻ, là vinh dự. Y nghiêm chỉnh và nhã nhặn ngồi nghe không nói gì. Nhưng sau này y thú thực rằng muốn gặp Elisabeth, đám mây và dặn tôi chớ quên nếu có khi gặp nàng ngoài phố.

Vì không được gặp, và chẳng trời đã trở lạnh, tôi bèn đến thăm Elisabeth để yêu cầu nàng cho người gù được sung sướng biết mặt nàng. Nàng có lòng tử tế chiều ý tôi, đến ngày hẹn tôi sẽ đưa nàng đến sở thú, Boppi sẽ đợi nàng ở đấy. Khi người đàn bà đẹp đẽ lịch sự ăn mặc lộng lẫy đưa tay bắt tay người tàn tật và cúi xuống y, khi anh Boppi hèn mọn đưa hai mắt biết ơn và kính mến lên ngó nàng, tôi không biết rằng trong hai người ấy người nào đẹp hơn, được tôi yêu quý hơn. Elisabeth nói vài lời thân ái, người tàn tật đưa cặp mắt sáng nhìn nàng không rời, tôi đứng cạnh, vui sướng vì trong chốc lát được thấy hai người tôi yêu quý nhất đời thân ái cầm tay nhau, hai người mà đời sống đã làm cho xa cách nhau một trời một vực. Suốt buổi chiều Boppi không nói gì ngoài chuyện Elisabeth, hết khen nàng đẹp, thanh lịch, tử tế, khen cả quần áo, găng tay vàng và giày xanh, dáng đi, giọng nói, trong khi ấy thì tôi nhận thấy vừa đau đớn lẫn tức cười rằng mình chứng kiến một cuộc phát chẩn tình thương, người yêu của tôi đã bố thí tình thương cho người bạn tâm giao của tôi vậy.

Dần dần chúng tôi xưng mày tao với nhau, câu chuyện đó cũng thích thú. Có lẽ không bao giờ tôi dám bảo y làm thế, vì sợ y không nhận, nhưng tự nhiên chúng tôi xưng mày tao rất thường, rồi một ngày kia nhận thấy một việc đã rồi, chúng tôi không thể nhịn được cười và tiếp tục làm như vậy.

Mùa đông đến, không đi chơi được nữa, tôi lại ở lì trong phòng của anh rể Boppi cả buổi tối, tôi nhận thấy tình bạn mới đó không thể không có chút hi sinh? Người thợ mộc bây giờ cũng vẫn làm lì, càu nhàu. Lâu dần, không những y thấy phiền hà khó chịu vì người em vợ ăn hại y còn khó chịu vì thái độ của tôi đối với Boppi. Có lẽ tôi chỉ tán dóc vui vẻ với Boppi mà bỏ rơi ông chủ nhà ngồi vùi

mặt vào tờ nhật trình, buồn rười rượi. Y cũng cãi nhau với vợ tuy bình thường y nhẫn nại lạ thường: lần này bà vợ nhất định không chịu để cậu em vào nhà thương. Đã hơn một lần tôi tìm cách khuyên bảo hay đề nghị cách giải quyết khác nhưng y không nghe. Y tức tối và gây gổ, ghét sự thân mật của tôi đối với người tàn tật và đối xử với hấn nghiêm khắc hơn. Tôi có mặt ở đây gần hết ngày, dĩ nhiên tôi và Boppi làm phiền cho hai vợ chồng, nhà đã chật chội, nhưng tôi vẫn hy vọng người thợ mộc sẽ hiểu tôi và rồi cũng sẽ yêu mến người tàn tật. Sau cùng không thể làm gì, không thể giữ ý điều gì mà không làm mích lòng người thợ mộc hay gây khó khăn cho Boppi. Bản tính tôi vẫn sợ quyết định mau mà không xét lại, tôi nán đợi hằng tuần, lo ngay ngáy rằng mình mất tình thân của người này hay người kia, có lẽ cả hai người.

Tình trạng khó xử mỗi ngày làm tôi thêm lo ngại, tôi phải đến quán rượu luôn. Một buổi tối, chuyện khốn nạn ấy làm tôi tức bực khác thường, tôi tu luôn mấy lít rượu để đối phó với nó.

Từ hai năm nay, đây là lần đầu tiên tôi say bí tỉ loạng choạng mãi mới về được tới nhà. Ngày hôm sau tôi được thanh thoi bình tĩnh cũng như mỗi lần tỉnh rượu. Tôi nắm lấy can đảm bằng hai bàn tay, đến tìm người thợ mộc để kết thúc tấn kịch này. Tôi đề nghị đem hấn Boppi về nhà tôi, y không phản đối, sau mấy ngày suy nghĩ ưng thuận.

Vài ngày sau tôi cùng Boppi đến ở một căn nhà mới. Tôi có cảm tưởng như mình lấy vợ vì tôi sửa soạn nhà cho hai người ở chứ không phải sống độc thân như đã quen rồi. Mới đầu cũng cần vài kinh nghiệm thực tiễn, nhưng rồi sau mọi việc đều trôi chảy. Một đũa đầy tớ gái đến dọn dẹp và rửa ráy, chúng tôi cho mang com lại nhà ăn, nhờ cuộc sống ấy chẳng bao lâu chúng tôi nhận thấy thân mật với nhau dần thắm. Lúc này tôi chưa lo ngại vì sau này sẽ phải bỏ những cuộc đi bộ chơi xa để quên hết lo âu. Tôi còn cảm thấy sự có mặt thâm lặng của bạn trấn tĩnh và phấn khích tôi làm việc. Những sự chăm nom lật vạt, nhất là thay quần áo cho Boppi đối với tôi thật là mới mẻ, mới đầu không có gì là hấp dẫn thật, nhưng bạn tôi kiên nhẫn và tỏ lòng biết ơn đến nỗi tôi phải tự thẹn và sau tôi cố gắng chịu vạt vả để hầu hạ bạn.

Tôi không trở lại nhà vị giáo sư, cả nhà Elisabeth cũng vậy; nhưng dầu sao chúng vẫn có một sức quyến rũ âm thầm làm cho tôi phải trở lại nhà nàng. Tôi ngồi trước một tách trà, hay một ly rượu coi bà chủ nhà đi lại tươi cười, thỉnh thoảng nổi lên một cơn đa sầu đa cảm tuy rằng trong thâm tâm tôi vẫn dè chừng, tôi đã phòng thủ sẵn một thái độ bàng nhạo những tâm tình kiểu Werther của Goethe. Sự ích kỷ ảo lá và hăng hái trẻ trung của ái tình đã từ bỏ hẳn tôi rồi. Sự liên lạc với nhau xét cho cùng đã lâm vào tình trạng chiến tranh thủ sẵn khí giới trong mình, ít khi chúng tôi gặp nhau mà không cãi lầy nhau một cách thân hữu. Tâm tình bất nhất và hơi lệch lạc của người đàn bà thông minh này - đó cũng là trường hợp thông thường của nhiều người - không đến nỗi không hợp với bản chất của tôi vừa si tình vừa ngạo mạn; vả chăng trong thâm tâm chúng tôi quý trọng nhau, bởi vậy chúng tôi có thể cãi nhau om sòm về một chuyện vô tích sự rất dễ dàng. Tôi thấy thú vị đặc biệt khi tôi ra sức bênh vực đời sống độc thân, chống đối nàng - người đàn bà mà mới đây tôi có thể làm hết cách để cưới làm vợ. Tôi còn cho phép tôi trêu chọc nàng về chồng của nàng: một chàng tử tế, hãnh diện vì lấy được người vợ thông minh.

Tuy nhiên ngọn lửa tình vẫn cháy trong bí mật. Không còn là pháo bông rực trời như ngày xưa, đây là than hồng cháy lâu, một người độc thân không hy vọng gì nữa có thể giữ cái son trẻ trong tim và tùy cơ hội sưởi ấm ngón tay trong những đêm đông giá lạnh. Từ khi Boppi luôn luôn ở gần tôi và cho tôi cảm tưởng huyền diệu là được hưởng một tình yêu bền chặt và thành thực, tôi có thể giữ nguyên cái tình ấy như sự sống sót của một bài thơ tuổi trẻ, không nguy hiểm gì.

Vả chăng thỉnh thoảng Elisabeth giở những trò tình quái vật của đàn bà, cho tôi được dịp gây lại chút nhiệt tình và tự khen mình sống độc thân.

Từ khi Boppi đến ở với tôi, tôi đến nhà Elisabeth thưa dần. tôi đọc sách với Boppi, coi báo, coi những tập ảnh du lịch, chơi cờ: để giải trí chúng tôi nuôi một con chó, ngồi bên cửa sổ chúng tôi nhìn mùa đông đến. Ý đạt tới một cách nhìn đời, một thứ triết lý thực tiễn duy thực nhưng lạc quan mà hàng ngày tôi vẫn tìm thấy cái gì để học hỏi. Khi tuyết xuống ngập trời, mùa đông tỏa màn trắng

rung rinh dưới cửa sổ, chúng tôi ở yên trong phòng sống một đời ngây thơ trong trắng đầy thú vui con trẻ bên lò sưởi. Ngoài ra tôi còn được dịp tinh luyện nghệ thuật xét người, trước kia tôi vẫn theo đuổi mục đích ấy đã lâu mà không biết được gì cả. Boppi là người nhận xét sâu sắc yên lặng, y có nhiều hình ảnh về cuộc đời mà y đã sống ngày trước. Khi đã được trốn rồi y biết kể những chuyện kỳ thú. Suốt bao nhiêu năm sống trên đời y chỉ biết chừng ba tá người, chưa bao giờ y bơi lội giữa dòng sông đời như mọi người mà y hiểu đời hơn tôi, bởi vì y quen nhận xét những cái nhỏ nhặt và y nhìn mỗi người như một nguồn gốc kinh nghiệm, vui sống và tri thức.

Sự giải trí ưa thích nhất của chúng tôi vẫn như trước, vẫn là vui với loài vật. Bây giờ không đi thăm sở thú được nữa chúng tôi tưởng tượng đủ mọi truyện đủ mọi trò về loài vật thảo cầm viên. Phần nhiều không phải là truyện kể, chúng tôi đặt ra những cuộc đối thoại. Thí dụ truyện tỏ tình của hai con két, hai vợ chồng bò rừng cãi nhau, lộn lỏi đối đáp:

- Mạnh khỏe chứ bà Chồn?

- Cám ơn ông Cáo, cũng nhùng nhằng. Ông có biết không, khi tôi bị bắt tôi mất người chồng thân yêu của tôi. Tên nhà tôi là Keudepinsot, như tôi đã được hân hạnh nói với ông. Chồng tôi quả là một hòn ngọc...

- Thôi bà lảng giềng tôi ời, xin bà đừng nói đến những chuyện cũ rích: bà nói đến hòn ngọc ấy nhiều lần rồi, nếu tôi không lầm. Trời đất ời! Con người ta chỉ sống có một lần. Chẳng nên làm mất thú vui mình có thể hưởng được.

- Nhưng mà, ông Cáo ạ, nếu ông biết rõ chồng tôi ông có thể hiểu tôi hơn.

- Thì hẳn rồi! ông ta tên là Keudepinsot chứ gì? Cái tên hay, êm dịu như vuốt ve! À mà tôi nói gì nhỉ? Hẳn bà cũng phải để ý đến đàn chim sẻ nom ngựa mắt nhom nhom kia mỗi ngày mỗi lớn. Bởi vậy tôi đã tính được một kế.

- Về loài chim sẻ à?

- Thì chim sẻ mà. Tôi đã tính thắm. Ta để một chút bánh mì ở trước lưới sắt rồi nằm phẳng lẳng đợi mấy con nhãi. Chỉ có quỳ đến

phá đám chúng ta mới không bắt được mấy chú ngốc. Bà nghĩ sao?

- Hay lắm đa, ông bạn!

- Vậy bà để miếng bánh ra đi. Để như thế, được rồi. Nhưng có lẽ nên đẩy sang bên phải một chút để cả hai người cùng dùng chung. Lúc này tôi không có miếng nào. Được rồi. Ta hãy đợi. Chúng ta nằm xuống nhắm mắt lại. Đây kia một con thẳng cánh bay đến. (Ngừng nói một chút).

- Thế sao, ông Cáo. Vẫn chưa có gì à?

- Sao bà nóng ruột thế! Có lẽ lần thứ nhất bà đi săn chắc! săn thì phải biết ngồi chờ, ngồi chờ nữa. Ta làm lại coi.

- Ừ làm lại, nhưng miếng bánh đâu mất rồi?

- Xin lỗi.

- Mất miếng bánh rồi!

- Sao lại mất được? Ừa thế mất thật à? Trời đất ơi! Lại cái cơn gió mắc dịch kia!

- A tôi có ý kiến! Hình như tôi nghe thấy ông nhai cái gì thì phải?

- Sao? Ăn cái gì à? Thế cái gì vậy?

- Miếng bánh, tôi giả tí là miếng bánh.

- Bà giả tí mà nói rành mạch như châm chọc ai ấy. Đành là người ta phải chịu đựng một lời nói nửa của lảng giềng, nhưng thế này thì quá lắm. Quá lắm thưa bà. Bà hiểu chưa? Vậy là tôi ăn miếng bánh à? Bà tin như vậy à? Bắt đầu tôi đã phải nghe câu chuyện ngọc trai nhặt như nước ốc của bà đến cả ngàn lần; rồi tôi có ý kiến để miếng bánh mì...

- Chính tôi cung cấp bánh.

- ...Chúng ta để miếng bánh, tôi nằm dài ra cạnh chừng; mọi việc đều trôi chảy, ấy thế mà bà đâm ra chầy củ. Dĩ nhiên, sẽ bay hết, còn bày cái cóc khô gì nữa; rồi thì bây giờ lại đổ tội cho tôi nuốt miếng bánh! À được! Bà đợi đây rồi tôi chuyện trò với bà nữa.

Tán tỉnh như vậy buổi chiều và buổi tối thời giờ đi mau và dễ dàng quá. Tôi rất vui vẻ, làm việc mau mắn, thích thú, tôi lấy làm lạ lòng rằng xưa kia mình lười biếng và quạu quọ đến thế, nhìn đời bi

thảm đến thế. Những ngày tươi đẹp với Richard không hơn gì những ngày bình lặng và an nhiên bây giờ, chúng tôi cùng với con chó hưởng cuộc đời bên cạnh cái lò sưởi trong khi ngoài kia tuyết bay phoi phới.

Và cũng vào lúc ấy Boppi đã làm lần ngu muội lần thứ nhất mà cũng là lần chót. Còn tôi hạnh phúc đã làm tôi đui mù, dĩ nhiên, tôi không thấy y đau ốm nặng hơn trước. Nhưng y, y khiêm tốn và yêu mến tôi, y làm ra vẻ vui sướng hơn bao giờ, y không than thở, y cũng không yêu cầu tôi đừng hút thuốc, trong khi đêm đêm y đau đớn, ho nặng và cố nén tiếng rên rỉ. Cũng là tình cờ mà một đêm, tôi nghe tiếng y rên khi ngồi viết ở phòng kế bên, y tưởng tôi đã đi ngủ. Tôi nghiệp cho y giật mình cả sợ lúc tôi bước vào bất thành linh tay cầm cái đèn. Tôi bỏ đèn sang bên, ngồi xuống bên giường bắt y cung khai hết. Y tìm cách trốn tránh mãi rồi sau cũng phải nói thật.

“Không đến nỗi hệ trọng lắm đâu. Chỉ có lúc cử động thấy tim đau nhói, có khi thở cũng vậy.”

Gần như y muốn xin lỗi, làm như ốm đau là một trọng tội. Ngày hôm sau tôi đi mời bác sĩ. Một buổi sang trời sáng sủa, tuyết đóng băng; lúc đi đường tôi bớt lo ngại, tôi còn nghĩ đến lễ Noel và tự hỏi có thể kiếm cái gì cho Boppi vui lòng. Thầy thuốc còn ở nhà tôi khản khoản mời được ông ta đi. Xe của ông rất tiện dụng đưa tôi về, chúng tôi leo cầu thang, vào buồng Boppi. Thầy thuốc xoa nắn, nghe ngóng, chỉ trông thấy ông nghiêm nét mặt hơn một chút vì nghe giọng ông nói ôn tồn hơn một chút là tôi đủ hết vui.

Bệnh thống phong - yếu tim, một trường hợp nặng. Tôi nghe, ghi nhớ hết và tự mình ngạc nhiên rằng không tỏ ý phản đối khi thầy thuốc bắt phải đưa vào nhà thương.

Xe cứu thương đến vào buổi chiều, lúc trở về nhà tôi bước vào căn phòng, con chó chạy ra quấn chặt lấy tôi, xúc động ghê gớm; chiếc ghế của người bệnh đẩy vào một góc phòng bên cạnh không người.

Đó, mối tình của tôi đã xoay ra như thế. Biết bao sự đau đớn tôi đã trải qua trong những ngày kế tiếp. Nhưng ta đau khổ hay không có làm gì? Miễn là ta sống mãnh liệt với người ta yêu, miễn là

người ta cảm thấy mối liên lạc sống động và chặt chẽ của ta với tất cả cái gì sinh sống, miễn là ngọn lửa mến yêu của lòng ta không tắt! Tôi sẽ hi sinh, những ngày vui đã sống với ái tình với dự định làm thơ nếu cần, miễn là lại được nhìn vào ông Thánh của những ông Thánh như hồi ấy. Mắt mình cũng đau đớn mà tim mình cũng đau đớn, lòng tự kiêu và tính khoe khoang của ta cũng bị thử thách gay go, nhưng rồi sau người ta thấy bình thản, thấy mình hèn mọn biết bao, tự trong thâm tâm ta, ta chín chắn hơn, ta có sinh khí hơn.

Ngày xưa, với con bé Agi, một chút gì là già nua trong người tôi đã chết. Bây giờ tôi trông thấy người gù đau đớn và chết dần, mỗi ngày tôi cùng đau đớn với y, yêu mến y, chia sẻ cuộc đời với y, bởi vậy tôi dự phần nào vào tất cả sự kinh hoàng và sự thiêng liêng của cái chết.

Tôi đã dự kiến cái chết của một người mà đời sống chỉ là tình yêu và đau khổ. Tôi nghe y pha trò như một đứa trẻ trong khi y cảm thấy bàn tay phá hoại của sự chết. Tôi thấy vẻ nhìn của y, vẻ nhìn cố nén những cơn đau dữ dội tim tôi, không phải để ăn mày tình bạn mà để nâng cao tinh thần của tôi và chứng tỏ cho tôi biết rằng tất cả những cơn đau, những cực hình ấy không làm cho y mất những gì là tốt đẹp nhất của mình. Hai mắt y mở rộng ra, không còn thấy khuôn mặt héo hắt tiêu tụy nữa, chỉ có tia sáng long lanh của hai mắt,

- Tôi có thể làm gì cho anh được không?
- Kể một chuyện gì đi. Một truyện con tapir.

Tôi nói đến con tapir, y nhắm mắt lại, tôi phải ráng sức mới giữ được giọng nói thường ngày vì nước mắt luôn luôn chảy ra hai mắt. Và khi tôi nghĩ rằng y không nghe nữa hay y đã ngủ rồi tôi vội ngừng nói ngay. Bây giờ y lại mở mắt ra: “Sao nữa?”. Tôi tiếp tục nói đến con tapir, con chó xù, cha tôi, thằng ranh con Matteos Spinetti, Elisabeth.

“Elisabeth đã lấy một anh chồng đoảng. Đời là như thế đó, anh hai.”

Nhiều khi bất thần y nói đến lúc chết.

“Chết không phải là trò chơi đâu anh. Ta làm cái gì nặng nhọc nhất cũng chưa nghĩa lý gì đối với sự chết. Nhưng rồi ta cũng làm được đến nơi đến chốn”.

Hay là y nói: “Khi đã hết hình phạt rồi, tôi sẽ tha hồ cười. Đối với tôi thì cũng có cái gì đáng chết lắm. Tôi sẽ bỏ được cái bấu, cái chân ngắn quá, cái háng bị tê liệt. Còn anh, anh có vai rộng chân dài, nghĩ cũng đáng tiếc.”

Vào những ngày cuối cùng, có lần y đang ngủ bỗng tỉnh dậy và nói lớn:

“Trời không như quan niệm của thầy tu đâu, trời đẹp đẽ lồng lộng hơn thế nhiều.”

Vợ người thợ mộc năng đến đây, bà ta biết tỏ thái độ cảm mến thông minh và biết giúp ích. Tiếc rằng người thợ mộc không hề đề chân tới.

Một lần tôi hỏi Boppi:

- Anh nghĩ sao? trên trời có thể có một con tapir không?
- Hẳn là có - y vừa nói vừa gật đầu để khẳng định - mọi giống vật đều có ở trên trời với cả con hươu vàng nữa.

Lễ Noel tới, chúng tôi tổ chức một buổi tiệc nhỏ trên cạnh giường Boppi. Rồi đến những ngày sương tuyết nhiều, đến ngày băng rã và tuyết mới lại rơi xuống đám băng đã đóng cứng, nhưng tôi không trông thấy gì hết. Tôi được biết Elisabeth vừa mới sinh con nhưng tôi quên ngay. Tôi cũng nhận được một bức thư của bà Nardini rất thú vị, đọc xong tôi cũng bỏ xó. Công việc thì tôi làm nhanh như ngựa phi và tôi có cảm tưởng rằng mình ăn cắp một giờ của mình hay của người bệnh. Xong rồi tôi vội vã chạy ra nhà thương tôi ngồi hàng nửa ngày bên giường Boppi trong sự thư thái và bình tĩnh như sống một giấc mơ.

Gần đến lúc chung cục cũng vẫn có vài ngày tươi đẹp. Những ngày vừa qua, lạ lùng thay, hầu như biến mất khỏi trí nhớ của y và y hoàn toàn sống trong quá khứ xa xôi. Suốt trong hai ngày, y chỉ nói đến mẹ. Hẳn là y không nói được lâu, nhưng trong những khoảng cách hàng giờ người ta thấy rõ y nghĩ đến mẹ.

“Tôi chỉ nói với anh có ít nhưng xin anh đừng quên những điều liên hệ đến mẹ tôi, nếu không chẳng còn ai biết gì về mẹ tôi và biết tỏ lòng ơn đức mẹ tôi. Mọi người nên có một người mẹ như mẹ tôi. Bà không đưa tôi vào trại tể bần khi tôi không làm gì được nữa.”

Nằm trên giường y thấy khó thở lắm. Độ một giờ sau y lại nói tiếp:

“Mẹ tôi yêu tôi hơn hết các anh em tôi và giữ tôi ở bên mình bà cho tới lúc chết. Các anh tôi đều đi làm ăn xa, chị tôi lấy anh thợ mộc, còn tôi ở lại nhà, tuy nghèo nhưng tôi cũng không đến nỗi khổ. Anh đừng quên mẹ tôi. Mẹ tôi người bé nhỏ, có lẽ còn bé nhỏ hơn tôi. Khi mẹ tôi chết, anh láng giềng Rutiman bảo rằng, chỉ cần cái săng con nít liệm bà cũng vừa.”

Đối với y cũng vậy, một cái săng trẻ con cũng xong việc. Y chết trên giường nhà thương chỉ bé bằng con chó tiền rưởi, hai bàn tay y bấy giờ giống hai tay đàn bà ốm, dài, ngón thấp búp, trắng, nom hơi méo mó. Khi y không nghĩ đến mẹ nữa thì lại nghĩ đến tôi. Y nói đến tôi như tôi không có mặt đấy.

- Anh ấy cũng không may, nhưng điều ấy không có gì thất lợi cho anh ấy cả. Mẹ anh ấy chết sớm quá.

- Anh còn nhận biết tôi không, Boppi?

- Có chứ, ông Camenzind - y vừa nói vừa pha trò cười nhẹ nhàng.

Rồi y lại nói thêm: “Giá tôi có thể hát được.” Đến ngày cuối cùng y hỏi: “Này anh, ở nhà thương này có đất tiền không? Tôi sợ chúng mình không lo nổi.”

Nhưng y không đợi trả lời. Một chút hồng hào hiện lên khuôn mặt tái nhợt, y nhắm mắt, nom có vẻ như sung sướng hoàn toàn.

Bà sơ nói: “Gần đến phút lâm chung rồi.”

Nhưng y lại mở mắt ra, nhìn tôi với vẻ tinh nghịch và nheo lông mày ra hiệu. Tôi đứng dậy, đặt tay dưới vai bên trái y khẽ nâng lên, như vậy y thấy dễ chịu. Tựa vào tay tôi như thế, y mím môi lại một lần nữa vì cơ đau nổi lên, quay đầu đi một chút và rùng mình như thấy lạnh bất thành linh. Đó là lúc giải thoát.

Tôi lại hỏi: “Thế nào, Boppi?” nhưng y đã hết đau, trong tay tôi y trở nên lạnh buốt. Y chết ngày mùng 7 tháng Hai, lúc một giờ trưa. Đến chiều chúng tôi lo việc ma chay, thân hình co quắp của anh vẫn yên tĩnh đợi lúc mang đi chôn, cái chết không hủy hoại gì thêm. Trong hai ngày ấy tôi không ngừng lấy làm lạ rằng tôi không buồn phiền nhiều không ngờ ngạc và cũng không thể khóc được. Trong khi y đau ốm tôi đã cảm thấy sâu xa rằng ngày vĩnh biệt đã đến, tôi không phải chịu đựng nhiều nữa, tôi bớt khổ, đòn cân bên gánh nặng khổ đau dần dần đi lên.

Tuy nhiên tôi cũng nghĩ rằng đã đến lúc lặng lẽ đi khỏi tỉnh này về nghỉ ở phương Nam nếu có thể được, và cũng phải nghiêm trang nghĩ đến việc sáng tác tập thơ, cho tới ngày nay mới có nét phác thảo sơ. Tôi hãy còn dư chút tiền, bèn tạm gác mọi hoạt động văn nghệ để sửa soạn hành lý đợi mùa xuân tới là lên đường. Trước hết tôi đến Assise thăm bà bán rau, sau đến một chỗ thật hẻo lánh, thật yên tĩnh trên núi. Hình như bây giờ tôi đã có kinh nghiệm khá lâu về sự sống và sự chết, có lẽ tôi có quyền yêu cầu người khác nghe tôi một chút và suy ngẫm về những điều tôi nói. Trong sự thích thú tôi nóng lòng chờ đến tháng Ba, tai đã nghe thấy hàng tràng tiếng Ý chửi thề, mũi đã đánh hơi thấy mùi cơm Ý thơm cay, mùi cam và mùi rượu Chianti.

Chương trình khá hấp dẫn, càng nghĩ đến tới càng thấy thỏa mãn. Tuy nhiên, tốt hơn hết là hãy ném trước rượu Chianti cái đã vì mọi việc xảy ra khác hẳn.

Bằng một thẻ văn quái gở chủ quán Nydegger viết một bức thư cảm kích nói cho biết tháng Hai tuyết còn dày lắm, thật không may cho súc vật và dân làng, đặc biệt là cha tôi đau yếu đáng lo ngại nên gửi tiền về hay tôi về thăm nhà thì hơn. Gửi tiền về không yên tâm; vả chăng tôi có nhiều điều lo ngại cho cha tôi, vậy phải về quê. Tôi về nhà giữa lúc thời tiết xấu quá; tuyết xuống nhiều lại gió mạnh nên không trông rõ nhà cửa núi non gì hết; may mà tôi có thể nhắm mắt mà đi vào cũng thấy đường về. Trái với sự ước đoán của tôi, ông già Camenzind không nằm liệt giường, ông ngồi ủ rũ bên bếp lửa và ông cũng không được yên ổn, cô láng giềng vẫn mang sữa cho ông ra rả tẩy não ông vì ông gàn dở sao đó, tôi bước vào cô ta cũng không thôi cho.

Ông già tội lỗi nháy mắt trái về phía tôi mà rằng: “Coi kìa, thằng Peter nhà tôi nó đã về kia.”

Nhưng cô gái vẫn tiếp tục rửa không chút bối rối. Tôi ngồi xuống ghế, đợi cô ta cho ra hết giáo điều bác ái Ki tô giáo, lạ thật lời huênh hoang của cô ta có nhiều đoạn cũng không đến nỗi vô bổ cho tôi. Lúc ấy tôi cũng nhìn tuyết trên áo tôi và giày tan ra chảy xuống chân ghế thành từng giọt nước, sau thành cái ao. Mỗi lúc cô con gái cho chạy hết cuốn băng mọi người mới có thể chào hỏi nhau hợp lệ, cô ta tỏ vẻ thân mật với mọi người.

Cha tôi đã yếu đi nhiều. Tôi nhớ lại ngày xưa đã có lần tôi can gián cha tôi. Tôi đã đi xa, giờ cần phải cố gắng nữa.

Người ta không thể trông mong một người nông dân già nghiện đã thành cố tật, những ngày có tiền ông không hề sống tiết độ, không thể trông mong ông nghe lời mình khi ông đã bại liệt, không thể mong ông xúc động nhiều vì tình con thương cha. Quả vậy, cha tôi chẳng hề động tâm, bệnh ông càng nặng, ông càng thêm khó tính. Ngày xưa tôi ngăn ông làm cái gì bây giờ ông trả lại hết, còn tính thêm lời nữa, ít ra ông không bủn xỉn, ông tính phải chăng. Ông cũng giữ lời ăn tiếng nói ít khi nói nặng, nhưng ông có nhiều biện pháp mạnh để yên lặng mà tỏ ra bất bình, chua chát, gay gắt. Có khi tôi hiểu kỳ mà tự hỏi không biết đến tuổi già mình có trở thành một người quạu quọ không ai chịu nổi như thế không. Bây giờ thì ông không còn tự do muốn uống bao nhiêu thì uống, mỗi ngày tôi rót cho ông hai ly rượu phương Nam, ông vừa uống vừa nhăn mặt, xong tôi cất ngay chai xuống hầm và không bao giờ đưa chìa khóa cho ông.

Mãi đến cuối tháng Hai mới bắt đầu những tuần lễ chan hòa ánh sáng làm cho mùa đông trên núi rực rỡ thiêu quang. Thành đá lờm chớm phủ tuyết vọt lên trời xanh lơ, trong làn không khí trong trẻo nom như gần quá chừng. Đồng cỏ và triền núi đều phủ tuyết, thứ tuyết trên núi không đâu sáng và trong như thế và mùi thơm không có ở dưới thung lũng. Trên những ngọn đá nhỏ mặt trời buổi trưa khoe màu sắc sáng lạn. Dưới thung lũng và trên triền núi, bóng râm rất đậm kéo dài ra một màu xanh nhạt; sau mỗi chuyến tuyết rơi hàng tuần lễ, không khí trong sạch đến nỗi lúc đứng ngoài nắng,

mỗi lần khí trời vào phổi và trở ra người ta thấy khoan khoái vô cùng. Trên những triền thoai thoải trẻ con chơi trượt tuyết, ngoài phố xá ông già đã ra sưởi ngoài nắng vì hồi đêm nóc nhà còn kêu răng rắc nước đóng băng. Mặt hồ trắng như tuyết, không bao giờ đóng băng, bây giờ phẳng lặng xanh ngắt một màu, chưa bao giờ mùa hè hồ đẹp như thế. Mỗi ngày, trước khi ăn sáng tôi điu cha tôi ra ngoài cửa và nhìn ông duỗi ngón tay sần sùi đậm nâu ra ngoài ánh nắng ấm áp; một lúc sau ông ho và phàn nàn trời lạnh. Ông làm bộ như thế để tôi rót cho ông mấy giọt rượu; vì không có gì đáng ngại là ho với lạnh. Tôi lấy cho ông một ly nước cam thảo hay rượu ngải ông cẩn thận chưa nín ho vội, trong thâm tâm ông khoan khoái vì đánh lừa được tôi. Ăn cơm xong, tôi để ông một mình ở nhà, xỏ giày ông leo lên núi vài giờ, đi càng xa càng hay, lúc trở về tôi mang theo cái bao đựng gạo để ngồi lên và trượt theo triền núi dốc xuống ruộng.

Đến lúc tôi định đi Assise thì đường còn ngập mấy thước tuyết. Mãi đến tháng Tư mới bắt đầu mùa xuân, tuyết tan ở cao, phía trên các làng mạc, tan mau chưa từng thấy trong mấy năm nay. Đêm ngày nghe tiếng gió gào, tiếng núi lở xa xa, tiếng thác đổ lôi theo những tảng đá lớn, những cây cối dập nát rồi đẩy xuống mảnh ruộng hẹp, xuống vườn trái của chúng tôi. Gió lên cơn sốt nóng như vậy làm tôi mất ngủ; đêm nọ sang đêm kia tôi khắc khoải bồn chồn nghe tiếng than van của bão táp, tiếng gầm gừ của núi lở, tiếng hồ giận dữ đập sóng vào bờ. Trong thời kỳ nóng sốt, mùa xuân xung phong ác liệt như thế, vết thương lòng đã lắng dịu nay lại bùng lên mạnh mẽ đến nỗi nửa đêm tôi phải thức giấc, ngồi bên song cửa nói ra nỗi niềm thương nhớ Elisabeth trong sự đau đớn cay chua. Từ đêm ấm áp ở Zurich tôi điên dại vì tình, lẫn lộn trên ngọn đồi trông xuống nhà cô họa sĩ Ý, chưa bao giờ sự say mê chiếm đoạt tôi mạnh mẽ ghê gớm như thế. Thường thường tôi có cảm tưởng như người đẹp ở gần kề tôi, mỉm cười với tôi, nhưng mỗi bước tôi tiến lại gần thì nàng lại lùi ra xa. Tâm tưởng tôi dù bắt nguồn từ đâu cũng quay về hình ảnh ấy không cưỡng được, tôi như người có vết thương không thể ngăn mình gãi chỗ đau lên da ngứa ngáy. Tôi xấu hổ với mình - một cực hình vô ích - tôi chửi rửa gió táp, tuy nhiên, giữa những sự đau đớn ấy, tôi vẫn âm thầm hưởng lạc thú mãnh liệt, chẳng khác nào hồi còn trẻ thơ tôi nghĩ đến nàng

Rose xinh đẹp rồi một làn sóng nồng ấm và tối tăm kéo đến trùm lên người tôi.

Tôi hiểu rằng vết đau không có thuốc chữa, dẫu sau tôi cũng thử làm việc cho người. Tôi bắt đầu viết vài câu thơ, viết vài bài khảo cứu, nhưng chẳng bao lâu tôi nhận thấy chưa phải lúc. Trong khi ấy ở đâu cũng có tin bão táp phá hoại mùa màng, cả trong xóm tôi cũng chịu thiên tai. Thác lũ phá nhiều khúc đê, nhiều nhà cửa, vừa thóc và chuồng bò bị tàn phá nặng, từ những xóm ở ngoài trung tâm, người không cửa không nhà kéo đến; ở đâu cũng thấy khổ sở than khóc, gạo hết tiền không. Chính vào dịp ấy mà tôi được may mắn ông tiên chỉ cho người đến văn phòng để biết tôi có sẵn lòng dự vào quỹ ban cứu trợ. Người ta đợi tôi thay mặt cả làng trước hội đồng tỉnh và nhất là tôi viết báo kêu gọi sự giúp đỡ của toàn nước. Bây giờ là lúc tôi quên những đau khổ vô ích của riêng mình để phụng sự một mục tiêu nghiêm trang và xứng đáng hơn, tôi bắt tay vào việc với lòng hăng hái tuyệt vọng. Chẳng bao lâu tôi kêu được một người ở Bâle nhận mở cuộc lạc quyền. Tỉnh tôi cũng không có tiền, chỉ có thể gửi đến vài người giúp việc lao lực - chúng tôi đã biết trước như vậy. Tôi gửi thư đến những tòa báo khác, thuật tai nạn và đăng lời kêu gọi. Tôi nhận được thư từ trợ cấp, giấy hỏi tin tức và tôi phải làm thêm nhiều giấy má, phải ra hội đồng tỉnh đương đầu với những người dân quê bướng bỉnh.

Mấy tuần lễ làm việc mệt nhọc không thể tránh được cũng có cái hay. Dần dần công việc tiến hành đến chỗ thanh hoàn, sự có mặt của tôi không cần thiết nữa; đồng cỏ xung quanh đã xanh om dưới ánh nắng mặt hồ phẳng lặng hiện lành phản chiếu màu xanh trên trời vào sườn non không còn tuyết đọng.

Cha tôi cũng dễ chịu, hận tình đã tiêu tan như trôi theo dòng nước với bùn lầy từ chỗ núi lở tràn xuống. Chính vào dịp này mà ngày xưa cha tôi sơn lại chiếc thuyền, mẹ tôi ở ngoài vườn ngồi xem tôi nhìn tay ông cầm chổi sơn đưa đi đưa lại, nhìn khói thuốc ở đầu ống điếu của ông và đàn bướm vàng nhớn nhớn bay. Bây giờ không còn thuyền để sơn, mẹ tôi chết đã lâu, còn cha tôi quạu quọ không ra khỏi căn nhà đồ nát. Cậu Conrad của tôi cũng gọi lại những ngày quá khứ. Thường thường tôi nhắc lại những thành tích quá khứ với tiếng cười chât phác nhưng cũng có vẻ tự kiêu. Hồi ấy

ông không có kế hoạch mới nào, tuổi cao cũng để lại vết tích một cách khác, nhưng dầu sao ông vẫn còn cái gì trẻ con, son sắt làm cho tôi vui lòng. Thường thường ông là nguồn an ủi của tôi, ông giải khuây cho tôi khi tôi không thể ở nhà với cha tôi được. Khi tôi đưa ông đến tiệm, ông leo đèo bên cạnh, cố hết sức để theo kịp tôi vì chân ông gầy gò và đi vòng kiềng.

Để khuyến khích ông tôi thường nói: “Phải giương buồm lên chứ cậu!” nói đến buồm chúng tôi lại nói đến chiếc thuyền nay đã hư nát, mà cậu tôi thương tiếc như một người thân đã chết. Ấy cũng chính vì tôi yêu mến chiếc thuyền cũ nát mà chúng tôi nhắc đến nó và những chuyện dính dáng với nó, chúng tôi nhớ cả từng chi tiết nhỏ.

Hồ vẫn đẹp như xưa, mặt trời không đến nỗi nóng vẫn tạo ra bầu không khí ngày hội như xưa, còn tôi, thằng cha ngốc nghếch, tôi thường theo dõi đàn bướm vàng với cảm tưởng rằng xét cho cùng từ ngày trước đến giờ đời không thay đổi mấy tý, tôi vẫn có thể nằm dài ra đồng cỏ theo đuổi mộng mơ con trẻ. Tôi đã không làm thế, tôi đã phí phạm phần lớn năm tháng của tôi, ngày nào lúc rửa mặt tôi cũng có thể nhận rõ điều ấy, dưới thau nước han rỉ tôi có thể thấy đầu tôi hiện ra với cái mũi thù lù, với cái miệng đắng cay. Chàng Camenzind trung niên còn chú trọng hơn đến việc loại bỏ những ảo tưởng về thời gian trôi đi biệt; khi tôi muốn hoàn toàn sống trong hiện tại, tôi chỉ việc mở chiếc ngăn kéo bàn công lạnh trong buồng tôi ra xem tác phẩm tương lai của tôi, một xấp ghi chú và năm bảy tờ khởi thảo giấy cỡ in-quarto. Nhưng ít khi tôi mở ngăn kéo.

Ngoài việc chăm nom ông già, tôi còn phải làm nhiều việc để tu bổ căn nhà đổ nát. Nhiều lỗ hồng xuyên qua ván vách, lò bếp long lở phun khói và bốc khét, cửa ngõ long ngỗng, cầu thang lên vừa lúa đi vô ý có thể ngã vỡ sọ. Trước khi sửa chữa cần phải mài lại rìu, sửa lại cưa, đi mượn búa và sấm đinh, và lại còn phải kiểm ván mới thay những tấm đã thối nát trong tàu gỗ. Cậu Conrad giúp tôi một tay để sửa lại đồ nghề và phiến đá mài nhưng ông già quá, lưng đã còng không thể giúp được bao nhiêu. Bàn tay học trò giờ phải rách nát vì gỗ cứng, chân phải đập phiến đá mài dao xộc xệch. Tự tôi phải leo lên nóc đột như tưới, đóng đinh, đặt mái, gọt, đẽo: mỗ

hôi chảy đầm đề xuống hầu đã hơi phồng lớp mỡ. Thỉnh thoảng cũng có lúc, nhất là khi ken lại mái, tôi dừng tay búa, ngồi thần ra rít một hơi điều xì gà đã gần tắt, tôi dõi mắt vào nền trời xanh xa thẳm, khoan khoái vì được làm biếng một chút và lấy làm sung sướng mà biết rằng bây giờ cha tôi không thể bắt tôi làm luôn tay và quở mắng tôi nữa. Nếu có người xóm giềng đi qua, đàn bà, ông già hay học trò, tôi bắt chuyện với họ để có cớ nghỉ tay, dần dần tôi được tiếng là người ai cũng có thể trao đổi những lời ngay lẽ phải.

- Hôm nay trời nóng quá phải không, chị Lisbeth?

- Nóng thiệt, anh hai. Anh làm gì đó?

- Đắp lại cái mái.

- Hay lắm chứ. Cần sửa chữa lâu rồi mà!

- Hẳn rồi, hẳn rồi.

- Ông già anh thế nào? Ông đến bảy mươi chưa?

- Tám mươi rồi, chị! Già như vậy rồi cũng chẳng còn mong gì nữa.

- Ờ thì như vậy đó! Nhưng thôi tôi phải đi đây anh hai, nhà tôi giục cơm tối. Thôi anh làm việc nhé!

- Dạ, chào chị!

Chị ta đi khỏi với cái tô và mảnh khăn, tôi thở từng đám khói lên trời và nhìn theo khói; tôi tự hỏi tại sao mọi người đều chăm chỉ làm việc trong khi hai ngày liền tôi đóng đinh một lách sườn vẫn chưa xong. Nhưng rồi mãi cũng sửa xong cái mái. Cha tôi để ý đặc biệt đến cái mái, tôi không thể đẩy cha tôi lên mái cho ông coi, đành phải mỗi ngày kể lại cho ông nghe từng ly từng tý mỗi lách sườn đóng xong; tôi không khỏi khoác lác nói hay nói tốt thêm đôi chút.

“Được rồi, được rồi, nhưng tôi không ngờ rằng anh có thể đóng xong nội năm nay được.”

Trở lại những chuyến đi, trở lại cố gắng tìm lối vào cuộc đời, tôi khoan khoái mà cũng bực mình rằng mình làm lại kinh nghiệm cổ xưa như cá phải có nước, dân quê phải có ruộng: tất cả khôn ngoan trên đời này không thể làm cho một anh Camenzind thôn Nimikon

trở thành một người thành thị, một người của xã hội thị thành. Tôi quên đi mà cho rằng như thế mới có trật tự, tôi sung sướng rằng mình đi thiên hạ tìm hạnh phúc một cách vụng về như thế rút cục lại đến quay về xó làng giữa núi và hồ, ở đây tính hay tật xấu – nhất là tật xấu – đều là cái gì thông thường và truyền thống. Ở ngoài, tôi quên quê hương, tôi muốn cho tôi là một cây hoa lạ và quý, nhưng bây giờ tôi mới lại hiểu rằng đó chỉ là đất lè quê thói không bỏ được và cũng không thích ứng được với phong tục của thiên hạ. Ở đây không ai cho tôi là lập dị, và khi tôi nhận xét ông già tôi và cậu Conrad tôi, tôi chỉ thấy tôi là con cháu khôn lớn một cách bình thường. Một vài chuyện xông xáo dọc ngang vào thế giới chủ nghĩa và thế giới mệnh danh là văn học, có thể đem so sánh với câu chuyện thuyền buồm kháu khỉnh của cậu tôi, chỉ khác có điều chúng làm tôi mất nhiều tiền, nhiều công lao, nhiều tháng ngày tươi đẹp hơn. Bề ngoài cũng vậy, từ khi anh Kueni, em họ tôi, cạo bộ râu của tôi đi, từ khi tôi bắt đầu mặc chiếc quần có dây lưng và để sơ mi trần đi đây đi đó, tôi trở lại hoàn toàn là người thổ dân Nimikon, rồi mai sau tôi già nua lắm lắm, tôi cũng lần hồi thay thế cha tôi, giữ một địa vị nào đó trong đời sống dân làng. Mọi người chỉ biết rằng tôi đã đi thiên hạ lâu ngày nhưng tôi giữ kín, không cho ai biết tôi làm gì, mắc vào những cảnh xấu xa dơ dáy thế nào, nếu không họ sẽ đem ra chế giễu và đặt tên hiệu để gọi chơi. Mỗi lần tôi nói đến nước Pháp, nước Ý, nước Đức tôi làm ra bộ ta đây kẻ giỏi cả đến những chuyện tôi kể đúng sự thực, tôi cũng đâm ra nghi ngờ mình có thành thực hay không.

Sau bao nhiêu chuyến lang thang, bao nhiêu năm lãng phí tuổi xanh, tôi đã thu lượm được những gì? Người đàn bà tôi đã yêu và còn yêu mãi vẫn ở Bâle với hai đứa con xinh xắn. Còn người kia, người yêu tôi, đã tự an ủi bên người chồng khác, vẫn tiếp tục bán trái cây, bán rau và hạt giống. Tôi trở về nhà vì cha tôi, cha tôi vẫn còn sống mà cũng không khỏi bệnh; ông ngồi trước mặt tôi trên giường lười biếng của ông, ông nhìn tôi với con mắt thêm muốn vì tôi giữ chìa khóa hầm rượu.

Nhưng chưa hết đâu. Ngoài mẹ tôi và người bạn trẻ chết đuối, tôi còn hai vị thiên thần ở trên trời: con bé Agi và anh gù Boppi. Và tôi cũng còn cái vui được thấy dân làng sửa nhà và đắp đê đá. Nếu tôi

muốn, tôi cũng có thể vào hội đồng thị xã, nhưng ở đây cũng chán vạ người họ Camenzind rồi.

Mấy năm gần đây tôi có những viễn vọng tương lai khác. Anh chủ quán Nydegger, nơi hai cha con tôi đã uống không biết bao nhiêu là rượu Valteline hay rượu xứ Vaud, anh ta nay đã già, không muốn làm ăn gì nữa. Mới đây anh kể cho tôi nghe nỗi khổ tâm của anh. Điều đáng tiếc là nếu không có người trong làng trông nom, một hãng la ve sẽ mua quán rượu, thế thì chúng tôi không còn có một nơi thoải mái ở Nimikon nữa. Người ta sẽ đặt một người quản lý là người tứ xứ không phải người làng, dĩ nhiên họ thích bán rượu bia hơn rượu nho và đầu độc cái quán của Nydegger. Từ khi tôi biết chuyện ấy tôi mất cả thư thái. Tôi còn một ít tiền gửi nhà băng ở Bâle, tôi kế nghiệp lão Nydegger hẳn cũng không đến nỗi dở. Chỉ có một điều không trôi: tôi không muốn làm chủ quán khi cha tôi còn sống. Một đằng thì ngại mình khó giữ được cha khỏi uống quá độ, đằng khác tôi sợ cha tôi chế nhạo rằng chữ Latin với học thức chẳng giúp tôi làm được cái gì hơn nghề bán quán ở Nimikon. Không xong rồi, tôi đành đợi cha nằm xuống hãy hay, tôi chẳng lấy thể làm mong mỏi, đó chỉ là lý do chánh đáng mà thôi.

Sau nhiều năm sống trong sự ngụ mị yên tĩnh ít lâu nay cậu Conrad tôi lại thấy cần phải làm cái gì, thật quả là tôi không khoái tí nào. Ông thường cắn móng tay và nhăn trán lại suy nghĩ, ông đi lại trong phòng với bước chân hấp tấp của ông, ngày đẹp trời ông nhìn mặt nước không mỏi. Mẹ Censine tôi nói: “Tôi biết rằng ông ấy lại muốn đóng một cái thuyền nhỏ.” Mà quả thật, mắt ông để lộ sinh khí và táo bạo mà từ bao nhiêu năm nay không có vẻ ranh mãnh tự kiêu, làm như lần này ông biết cách hăn hoi. Nhưng tôi cho rằng đó chỉ là ảo tưởng, linh hồn ông mỗi một rồi chỉ cần đôi cánh để bay về trời. Cậu ơi, cậu giương buồm lên thì vừa! Nhưng ngày nào ông chết thì mấy ông mãnh trong thôn sẽ được xem một trò lý thú. Vì tôi đã dự định sẽ tiếp lời cha xứ nói ít câu trước mộ ông, khoản này chưa từng có trong dân làng. Tôi sẽ nói đến ông cậu như một người có phúc, một đứa con cưng của Chúa trời, sau khi nhập đề, tôi sẽ tặng những người đưa đám chịu tang một năm muối ớt, họ sẽ không quên đâu và họ cũng không tha thứ cho tôi sau một

thời gian ngắn. Tôi mong rằng cha tôi cũng còn sống để được chia phần.

Trong ngắn kéo đã có đoạn đầu tập thơ của tôi. Tôi có thể nói là “tác phẩm của đời tôi”. Nhưng đó là một chữ to tát quá, tôi không muốn đọc tới vì tôi phải thú thực rằng muốn tiến tới và hoàn tất tôi chưa có cặp giò chắc chắn. Có lẽ rồi sẽ đến lúc tôi bắt đầu lại lần nữa, tôi sẽ kiên trì, tôi sẽ đi đến đầu, đến đũa. Bây giờ thì những hoài vọng thanh niên không đánh lừa tôi nữa vì dù sao tôi cũng là thi nhân.

Kỳ vọng ấy thiết tưởng cũng tương đương hay tốt đẹp hơn hội đồng hành tinh hay sửa chữ đề điều, nhưng nó cũng không nặng động cân bằng quá khứ đời tôi, tuy quá khứ ấy không đi đâu mất: bao nhiêu hình ảnh thân yêu, từ nàng Rose Girtanner thanh tú đến anh Boppi đáng thương.

HẾT

TUỔI TRẺ VÀ CÔ ĐƠN, NGUYÊN TÁC ĐỨC NGŨ
PETER CAMENZIND CỦA HERMANN HESSE, VŨ ĐÌNH
LƯU DỊCH THEO BẢN PHÁP NGŨ CA DAO ÁN HÀNH
LẦN THỨ NHẤT, XONG NGÀY 8-8-1968.

NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG CÒN IN THÊM 30 BẢN
ĐẶC BIỆT DÀNH RIÊNG CHO NGƯỜI DỊCH VÀ NHÀ
XUẤT BẢN.

^[1]
(¹) Một thứ hoa chỉ mọc trên cao 2000 thước, trên núi Alpes và Pyrénées, người Pháp gọi là pied de lion.